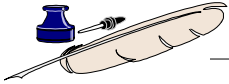


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



Xã luận

ISSN 1145-9557 Số 171 - Năm thứ 16, tháng 06-2003

Trật tự Hoa Kỳ ?

Sau chiến thắng nhanh chóng với rất ít thiệt hại tại Iraq, Hoa Kỳ đã đạt thêm hai thắng lợi lớn khác trong tháng 5 vừa qua, xác nhận một cách hùng hồn vai trò bá chủ thế giới.

Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc đã bỏ phiếu đồng thanh bãi bỏ lệnh cấm vận với Iraq, nhìn nhận vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ trong sứ mệnh tạm quản Iraq để thiết lập một chế độ dân chủ. Ba nước Pháp, Đức, Nga đã nhượng bộ không điều kiện để Liên Hiệp Quốc chính thức hóa một cuộc chiến mà họ từng phản đối kịch liệt. Từ nay Hoa Kỳ đã có mọi điều kiện thuận lợi để thành công tại Iraq.

Một cách ít sôi nổi nhưng quan trọng hơn nhiều, ê-kíp Bush cũng đã đạt một thắng lợi quyết định tại Palestine. Họ đã áp đặt được một thủ tướng chủ hòa cho Palestine, gạt ra ngoài lề Yaser Arafat và buộc chính phủ Do Thái chấp nhận lộ trình của họ để giải quyết cuộc xung đột Do Thái-Palestine đã kéo dài từ hơn nửa thế kỷ nay và có lúc đã tưởng như không có giải đáp. Vấn đề là Palestine chắc chắn là còn nhiều gai góc, nhưng điều cũng chắc chắn không kém là Hoa Kỳ sẽ đạt được mục đích. Do Thái sẽ không thể tìm ra một thủ tướng ngoan cố hơn Sharon, chính quyền Palestine cũng không thể chờ đợi hơn những gì mà giải pháp Hoa Kỳ dành cho họ. Các lực lượng khủng bố và quá khích tại Palestine đã mất mọi chỗ dựa và sẽ bị vô hiệu hóa, trước khi bị loại trừ.

Hai thắng lợi to lớn này liên hệ mật thiết với nhau. Nếu chế độ Saddam Hussein vẫn còn, hay nếu cuộc chiến Iraq không chấm dứt với chiến thắng nhanh chóng và toàn vẹn của Hoa Kỳ thì giải pháp Palestine đã không thể diễn ra một cách thuận lợi như thế. Khi quyết tâm tiến công triệt hạ Saddam Hussein, chính phủ Bush đã đúng về mặt chiến lược và cũng đã đúng trong chiến thuật tấn công.

Thế giới sẽ thay đổi lớn và theo chiều hướng tốt.

Vùng Trung Đông là trung tâm căng thẳng quan trọng duy nhất còn lại có khả năng đe dọa an ninh của thế giới. Đó cũng là vùng duy nhất vừa có một văn hóa trái ngược hẳn với dân chủ vừa có những nhà nước công khai phủ nhận dân chủ và yểm trợ các tổ chức khủng bố. Nhưng sau khi Iraq, nước có nhiều tài nguyên nhất và có vị trí chiến lược quan trọng nhất trong vùng, đã có một chế độ dân chủ thì vấn đề dân chủ hóa toàn vùng chỉ còn là một vấn đề thời gian và cùng một lúc an ninh thế giới cũng sẽ được bảo đảm. Dĩ nhiên vẫn còn Bắc Triều Tiên, vẫn còn các tổ chức khủng bố, vẫn còn các chế độ độc tài tại Trung Quốc, Việt Nam, Miến Điện và Cuba, vẫn còn các tổ chức tội ác tại Nam Mỹ, nhưng về căn bản tương lai dân chủ và hòa bình của thế giới đã được bảo đảm.

Một cách nghịch thường, George W. Bush là vị tổng thống Mỹ ít hiểu biết nhất về thế giới từ sau thế chiến 2, nhưng cũng là vị tổng thống Mỹ đầu tiên lên cầm quyền với cái nhìn toàn cầu đúng đắn. Đó là vì ông tin tưởng một cách thành thực vào các giá trị đúng : tự do, dân chủ và thị trường. Ông cũng có quyết tâm và biết chọn những phụ tá tài giỏi.

Thế giới chắc chắn sẽ tốt đẹp hơn sau một thời gian phấn đấu mà Bush và ê kíp của ông có đủ nghị lực để đương đầu. Tuy nhiên vấn đề là thế giới đang tiến đến một thứ trật tự theo sự an bài của Hoa Kỳ. Đó là một vấn đề lớn. Trật tự Hoa Kỳ sẽ kéo dài bao lâu và với những hậu quả nào ? Đây là câu hỏi đang làm thao thức nhiều nhà tư tưởng chính trị và nhiều nhà lãnh đạo quốc gia, nhất là những quốc gia giàu mạnh.

Dù sao người Việt Nam chưa ở mức độ phải thắc mắc nhiều về trật tự Hoa Kỳ. Chúng ta quá trì trệ và nghèo khổ để có nhu cầu suy nghĩ về tầm quan trọng của mình trên thế giới. Chúng ta chưa có cả dân chủ. Trong nhất thời, chúng ta có thể nghĩ một cách giản dị rằng trật tự Hoa Kỳ là tự do, dân chủ và kinh tế thị trường, những điều mà chúng ta cần và chưa có. Hoa Kỳ cũng là một thị trường lớn đầy hứa hẹn và một kho tàng kiến thức bao la để chúng ta học hỏi. Chúng ta có thể tạm hài lòng với cái pax americana này và lợi dụng tối đa nó để tiến lên, cho phép con cháu chúng ta sau này có quyền có những tư tư khác.

Thông Luận

Hai mặt trận của một cuộc đấu tranh

Nguyễn Gia Kiểng

T. cư trú hợp lệ tại một nước Đông Âu, về nước thường xuyên. Gần đây anh nảy ra ý định lập một cơ sở kinh doanh tại Hà Nội. Dù quen biết khá nhiều quan chức cao cấp trong chế độ T. vẫn phải qua nhiều cửa giấy tờ và mỗi cửa là một lần hối lộ, ít thì vài trăm nghìn, nhiều thì vài triệu. Khi công trường bắt đầu xây dựng T. cũng không quên tiền trà nước cho công an phường. Mọi việc tiến hành tốt. Rồi một hôm một xe công an dừng lại, một trung tá bước xuống đến gặp T. : "Anh muốn được bảo vệ an ninh để tiếp tục xây cất thì phải đưa cho chúng tôi một triệu đồng". Anh trung tá này là một người đảng hoàng. Nhận tiền xong anh ta viết biên nhận : "Tôi, trung tá..., đã nhận một triệu đồng của..." và dặn nếu công an tới nữa thì cứ cho họ xem giấy này, nếu cần báo cho anh qua điện thoại di động.

B. là một "Việt kiều yêu nước" tại Pháp, về Sài Gòn kinh doanh từ hơn mười năm nay, chỉ thỉnh thoảng mới trở lại Châu Âu. B. bị lường gạt trắng trợn. Tòa xử cho anh thắng sau nhiều năm thủ tục và nhiều tốn kém. Tuy vậy B. không lấy lại được tài sản vì cơ quan Thi Hành Án (viết tắt là THA) đòi phải chi. Đang loay hoay chạy tiền thì B. bị một tên du đảng ném đá vào mặt giữa lúc đang chạy xe gần máy phải vào nhà thương điều trị nhiều ngày, may mà không chết. B. biết rõ ai chủ mưu vụ đả thương có thể gây án mạng này nhưng đành chịu vì thế lực của đối phương quá mạnh. B. hiểu đây là một cảnh cáo và bỏ cuộc. Anh mang xẹo trên môi và bị mất ba cái răng.

Những chuyện cướp ngày như T. và B. đã gặp xảy ra một cách rất bình thường tại Việt Nam, nhất là ngoài khu vực Hà Nội và Sài Gòn. Đứng lẫn lộn với tham nhũng. Tham nhũng là lợi dụng quyền lực chính thức để đòi hỏi một cách lén lút một lợi ích nào đó đổi lại với một đặc ân nào đó. Ở đây người phải nộp tiền không được hưởng một đặc ân nào cả mà chỉ bị tống tiền. Và hơn thế nữa, bị tống tiền một cách công khai.

Đây chỉ là thực tại của một xã hội đang tan rã. Không còn luật pháp và cũng không còn chính quyền đúng nghĩa. Hai độc quyền thường được các luật gia dùng để định nghĩa một nhà nước, độc quyền sử dụng bạo lực và độc quyền thu thuế, đã bị mất. Tại Việt Nam ngày nay người ta bị tống tiền nhiều hơn hẳn nộp thuế, và người ta cũng sợ các băng đảng xã hội đen hơn là sợ công an. Trong nhiều trường hợp kẻ tống tiền là công an, khi không phải là những băng đảng hoạt động với sự dung túng của công an. Các quan chức làm việc dưới sự điều động của những người cho tiền họ hơn là lệnh của thượng cấp hay theo luật pháp.

Ở cấp cao, các ủy viên bộ chính trị, ủy viên ban bí thư, ủy viên trung ương đảng, bộ trưởng, thứ trưởng, bí thư tỉnh bộ, thành phố, chủ tịch ủy ban nhân dân đề nghị và quyết định theo quan hệ cá nhân với các tư bản đồ. Trong đại bộ

phận chính họ cũng là những tư bản đồ qua trung gian của vợ con, anh em. Mỗi cấp lãnh đạo là vốn kinh doanh của một, hay một vài, phe nhóm. Nhà nước là một hư cấu, quyền lực vượt khỏi tay đảng và nhà nước, tản mát trong nhiều phe nhóm trục lợi, giành ăn với nhau, thù ghét nhau, nhưng lại gắn bó với nhau trong một liên minh bảo vệ chế độ và chống mọi thay đổi.

Việt Nam đang tiến dần đến một tình trạng tương tự như một số nước Châu Mỹ La Tinh : hỗn loạn trong bế tắc nhưng không có giải pháp chính trị vì một lý do giản dị là chính trị đã bị vô hiệu hóa.

Sẽ là một sai lầm nếu đối lập dân chủ vui mừng trước tình trạng này. Nếu chúng ta muốn đảng và nhà nước cộng sản thỏa mãn những đòi hỏi dân chủ hóa chính đáng thì ít ra họ cũng phải còn có quyền quyết định.

Cũng không nên nghĩ rằng bất cứ quyền lực nào cũng còn hơn là độc quyền của đảng cộng sản. Đảng nào thì vấn đề chủ nghĩa cộng sản cũng không đặt ra nữa. Ý thức hệ cộng sản đã chết rồi, chúng ta đã thực sự và vĩnh viễn bước vào giai đoạn hậu cộng sản. Quyền lực thực sự hiện nay nằm trong tay đồng tiền và kinh nghiệm của mọi quốc gia đã chứng tỏ không có chuyên chính nào tệ hại hơn chuyên chính của đồng tiền. Dưới sự kiểm soát của một nhà nước dân chủ pháp trị, đồng tiền và lợi nhuận là những động cơ cần thiết và quý báu cho tiến bộ, nhưng nếu ngự trị một mình đồng tiền chỉ là tội ác. Nó làm băng hoại xã hội, làm tan vỡ quốc gia và không phục vụ được cả cho chính nó, nghĩa là chỉ đem lại sự nghèo khổ. Hơn thế nữa, nó làm tan loãng quyền lực chính trị và ngăn chặn mọi giải pháp.

Tình trạng hiện nay còn phức tạp và tồi tệ hơn cả trước thập niên 1990. Đảng cộng sản đã nắm độc quyền. Sự bế tắc và lòng tham đã khiến nó chấp nhận sống chung với đồng tiền, nhưng chỉ chấp nhận sống chung với đồng tiền mà thôi, theo một chính sách gọi là đổi mới về "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Dần dần chính nó đã bị đồng tiền hủ hóa và tiêu hóa. Chính nó đã trở thành bất lực và chỉ còn là công cụ của một giai cấp cường hào mới. Bởi vì đại bộ phận, dù chưa phải là tất cả, ban lãnh đạo cũng đã thuộc giai cấp này.

Trường hợp Phạm Quế Dương rất ý nghĩa. Ông quen biết hầu hết mọi nhân vật của chế độ, từ những tướng lĩnh đầy công lao như Võ Nguyên Giáp, Hoàng Minh Thảo, Phùng Thế Tài... đến những người đang cầm quyền như chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An, hay ngay cả tướng Phạm Chuyên, giám đốc công an Hà Nội, người đang giam giữ ông. Hầu hết những người cầm quyền hiện nay biết ông và quý trọng ông. Nếu hỏi từng cá nhân một thì không ai tán thành việc bỏ tù ông. Nhưng họ vẫn lấy quyết định chung là bắt giam ông. Tại sao ? Bởi vì có một quyền lực vô hình nhưng áp đảo đã bắt họ phải làm những việc mà

chính họ cũng thấy là thô bạo. Họ không còn là những người cầm quyền thực sự, họ chỉ thừa hành.

Trong tình trạng này, nếu chúng ta chỉ đưa ra những đòi hỏi chính trị và chỉ nhắm mũi tiến công vào đảng cộng sản có thể chúng ta chỉ đánh vào một cái bóng, và do đó không thể đạt mục tiêu. Chúng ta còn có nguy cơ thấy đội ngũ đối lập ngày càng thưa thớt trong khi đội ngũ đối phương ngày càng đông đảo thêm mà không hiểu tại sao. Hợp tác với chế độ ngày nay không còn mang một ý nghĩa ý thức hệ nào cả. Do đó nhiều người có thể theo nó để kiếm lợi mà không cảm thấy thắc mắc. Họ có thể được coi là những người "làm kinh tế", trong khi họ thực sự là thành phần của chế độ.

Tình hình hiện nay đòi hỏi đối lập Việt Nam một cái nhìn mới. Cuộc vận động dân chủ phải được coi là bao gồm hai mặt trận ở hai tầng khác nhau.

Ở tầng một là cuộc đấu tranh để giành lại quyền lực cho chính trị. Cuộc đấu tranh này không chỉ giản dị là chống tham nhũng. Nó bao gồm, nhưng vượt xa, cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Đó là cuộc đấu tranh để phân biệt tiền và quyền, để trả cho chính trị vai trò phải có của nó. Nói cách khác để thiết lập một trật tự chính trị thay thế sự vô trật tự của đồng tiền. Đây cũng là cuộc đấu tranh để các từ ngữ "quốc gia", "nhà nước" còn có ý nghĩa. Và đây cũng là cuộc đấu tranh cần thiết để cuộc vận động dân chủ hóa còn có nội dung.

Ở tầng hai là cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng chính trị để thiết lập một trật tự dân chủ thay vì một trật tự độc tài. Cho tới nay cuộc vận động dân chủ đã chỉ giới hạn ở tầng này, nghĩa là coi như đảng cộng sản có thẩm quyền thỏa mãn những nguyện vọng dân chủ nếu muốn và tạo áp lực đòi nó phải thỏa mãn. Cách nhìn này ngày càng xa với thực tại đất nước, và đã khiến nhiều người cho rằng cuộc vận động dân chủ là vô ích. Đối lập dân chủ Việt Nam cần một cái nhìn chiến lược mới.

Cái nhìn này thể hiện chủ yếu bằng thái độ và ngôn ngữ. Đối với những người dân chủ, đảng cộng sản không còn được coi là đối thủ duy nhất, cũng không phải là đối thủ nguy hiểm nhất. Đối thủ nguy hiểm nhất là một chuyên chính giấu mặt và trá hình của những kẻ nhiều tiền đang giật dây đảng cộng sản. Chúng ta không ngừng, dù chỉ là tạm ngừng, lên án đảng cộng sản, nhất là vì chính nó đã tạo ra tình trạng này. Nhưng ít nhất phải có người có thẩm quyền để nói chuyện dân chủ hóa. Đối với các đảng viên cộng sản, mà đa số đã ý thức được sự cần thiết của dân chủ nhưng còn lưỡng lự, thông điệp của chúng ta là: "Các anh không thể thụ động, nếu các anh không phản ứng thì trong một thời gian không xa các anh sẽ hoàn toàn bất lực". Cuộc tranh đấu giữa hai phe dân chủ và chống dân chủ vẫn diễn ra nhưng song song với một cuộc chiến đấu khác mà mục tiêu là trả lại cho chính trị và nhà nước ý nghĩa của chúng. Trong cuộc chiến đấu này, cuộc chiến đấu ở tầng một, mọi thành phần muốn phục hồi trật tự chính trị, dù dân chủ hay không, đều là những đồng minh khách quan.

Quốc hội và các hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố có tiềm năng trở thành đồng minh khách quan của những người dân chủ. Qua truyền hình, người Việt ở trong và ngoài nước đã theo dõi được một số phiên họp của quốc hội. Các đại biểu đã chỉ dám chất vấn đảng và nhà nước, một cách "xây dựng" trên những vấn đề không quan trọng. Họ không dám đặt vấn đề hiệp định biên giới, cũng không dám đề cập đến những vụ án chính trị và đợt đàn áp dân chủ, nhưng nhiều người không có dáng dấp và nét mặt thỏa mãn. Có những con mắt ưu tư, có những khuôn mặt không thoải mái. Đây là những định chế phải bầu ra và trưng bày, do đó đảng cộng sản cũng phải chọn những bộ mặt tương đối sạch sẽ. Những định chế này vì thế là phần khá nhất trong một chế độ bệnh hoạn. Chúng ta cần khuyến khích họ giành lấy vai trò đích thực của mình thay vì làm đồ trang sức cho chế độ. Có dấu hiệu cho thấy đó cũng là điều nhiều người trong họ cũng đang muốn.

Đĩ nhiên chúng ta không coi là đồng minh khách quan các vị lão thành đang phần nộ trước sự băng hoại của xã hội và đã lên tiếng đòi dân chủ và công lý, hay những người trong guồng máy đảng và nhà nước cộng sản bằng cách này hay cách khác đang cố gắng đưa đất nước tới dân chủ. Họ là những đồng minh thực sự và toàn vẹn. Chúng ta mong họ mạnh dạn hơn nữa.

Ban lãnh đạo cộng sản dĩ nhiên không muốn thay đổi, mà dù có muốn cũng không làm gì được vì há miệng mắc quai, nhưng chắc chắn họ sẽ chịu những áp lực rất lớn từ cơ sở nếu đại bộ phận đảng viên ý thức được rằng đảng đang dần dần trở thành một cái vỏ rỗng và chính họ đang bị dụng cụ hóa và lật vật hóa. Ý thức này sẽ khiến đa số đảng viên đảng cộng sản, kể cả những người được coi là trung kiên, thấy cần phải hành động để còn có thể có vai trò. Mặt khác, khi nhận ra đối lập dân chủ cũng là đồng minh của họ trong ít nhất một cuộc đấu tranh, chính những người cộng sản chưa tán thành cuộc vận động dân chủ cũng sẽ nhìn những người dân chủ một cách khác, và càng thấy việc bách hại Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Vũ Bình, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn... là không thể chấp nhận được.

Cũng rất có thể là trong khi phấn đấu để đem lại cho cái ý niệm "quốc gia", "nhà nước", "dân tộc" một nội dung thực sự, đa số đảng viên đảng cộng sản sẽ làm thêm một khám phá mới là các ý niệm này thực ra chỉ có ý nghĩa trong một xã hội dân chủ. Lý do giản dị là đồng tiền bao giờ cũng rất mạnh và đầy quyền rũ tội lỗi với rất nhiều người. Phải có một chính quyền được dân chúng tín nhiệm và ủng hộ để chế ngự nó. Một chính quyền như thế chỉ có thể xuất phát từ lựa chọn tự do của dân chúng.

Nguyễn Gia Kiểng

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tin rằng phát triển kinh tế chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa, vì thế cần phát huy một văn hóa kinh doanh, tôn vinh cố gắng làm giàu chính đáng và gây một tâm lý tin tưởng và lạc quan trong xã hội".

Hành trình ngược chiều

Từ trong nước chuyển ra một lá thư ngỏ dài ba trang, đề ngày 22 tháng 4, gửi rất rộng rãi đến các vị lãnh đạo đảng và nhà nước, bộ tư pháp, bộ công an, viện kiểm sát nhân dân tối cao, tòa án nhân dân tối cao, các vị lão thành cách mạng, các tướng lĩnh, cựu chiến binh, các luật gia, luật sư, các cơ quan thông tấn, báo chí... Ký tên : "Cao

*** Thư ngỏ của cụ Cao Hồng Lĩnh * Nét mới của tình hình *
Các vị Việt kiều yêu nước Nguyễn Chánh Khê, Nguyễn
Đặng Hưng, Đặng Lương Mô... nghĩ gì ? *
Lương tâm trí tuệ kẻ sĩ ***

Hồng Lĩnh, lão thành cách mạng, nhà báo hưu trí, quận Tây Hồ, Hà Nội". Lá thư tuy ngắn nhưng nặng ngàn cân!

Lá thư này đang làm nhức đầu các quan lớn trong bộ chính trị, các quân thần trong ban tư tưởng và văn hóa, trong ban bảo vệ đảng, bộ công an... Trước hết vì tác giả của bức thư : một nguyên lão đại thần của chế độ, có hơn 70 năm tuổi đảng, từng hoạt động chính trị từ năm 1938, có tên trong lịch sử đảng cộng sản, từ khi có tổ chức tiền thân của nó là Thanh Niên Cách Mạng Đảng trước năm 1930. Đây là nhân vật toàn đảng biết tên, cả xã hội biết tiếng, bạn chiến đấu của Phùng Chí Kiên, Hà Huy Tập ; hồi cuối năm 1939 từng cùng Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp sang Hoa Nam gặp Nguyễn Ái Quốc... Ông Cao Hồng Lĩnh sống ít ồn ào, không tham vọng cá nhân, hoạt động lâu trong ngành đối ngoại của đảng, từng hoạt động trong cộng đồng người Việt ở đông-bắc Thái Lan, về sau chuyên làm công tác liên lạc với các đảng cộng sản bí mật ở Đông Nam Á như ở Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương, Phi-líp-pin. Tính ông ngay thẳng, bộc trực, ham đọc sách văn học, thường viết báo ký tên Hồng Lĩnh phê phán những tiêu cực xã hội, kể cả những quan chức bê bối ; ông về hưu hơn 20 năm nay, tại ngôi nhà nhỏ trong làng Yên Phụ, cạnh hồ Tây, trồng hoa, chơi cá vàng, luyện yoga, đọc sách ; do quan hệ rộng rãi, cởi mở, bạn bè rất đông, thân thiết như cụ Lê Giản, cán bộ lão thành, thượng tướng Hoàng Minh Thảo, đặc biệt là nhiều cựu chiến binh, bạn vong niên, các nhà thơ, văn nghệ sĩ trẻ... đến để bàn luận chuyện thời sự, văn học, chuyện nhân tình thế thái ; ngôi nhà như một mini câu lạc bộ.

Con người như thế vừa cất lên tiếng nói ngay thẳng của mình sau khi theo dõi kỹ hai phiên tòa sơ thẩm (ngày 20-12-2002) và phúc thẩm (ngày 1-4-2003) xử anh thanh niên cựu chiến binh Nguyễn Khắc Toàn về "tội làm gián điệp" và tuyên án 12 năm tù giam và 4 năm quản chế.

Bức thư ngỏ chỉ rõ việc xử án này là điều phi lý, vì hội đồng xét xử không hề trả lời được chất vấn, phản bác của bị cáo và hai luật sư là : tội gián điệp thì làm gián điệp cho ai, cho nước ngoài nào, để nhận bao nhiêu tiền... vì việc xử án rất khuất tất, vội vàng, chỉ vài giờ một vụ xử, lại không cho công chúng đến dự, ngăn chặn các nhà báo trong và ngoài nước đến quan sát đưa tin. Bức thư kết luận : tòa án đã xét xử theo lệnh trên chứ không theo luật pháp, và khẳng định : cựu chiến binh Nguyễn Khắc Toàn là một

người đấu tranh cho dân chủ hiện nay ; theo luật pháp anh là người vô tội ; không có một bằng chứng, một tang chứng nào có thể khép tội anh Toàn vào tội danh gián điệp cả.

Bức thư chỉ rõ rằng : "việc xét xử như thế là bằng chứng để thế giới lên án nước ta vì phạm dân quyền, vì phạm nhân quyền ; còn người trong nước thì đã biết quá rõ đó là những người yêu nước, hiểu biết, sống có nhân cách, không tham

ô, tham nhũng, ăn chơi phè phỡn, tham quyền cố vị". Đoạn này của bức thư rõ ràng là nhằm răn dạy các người

đương chức, đương quyền, kể cả các quan chức hiện ở trong trung ương đảng, trong bộ chính trị, như những Nông Đức Mạnh, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, vốn là đàn em, là cấp dưới của người viết bức thư ngỏ này.

Mấy hàng kết luận của thư ngỏ mới thật là tâm huyết: "Biết mà không nói là có tội, để rồi sau này lại phải hối hận ăn năn như trong cải cách ruộng đất, như trong cải tạo công thương, như trong vụ Nhân văn Giai phẩm, vụ Xét lại chống đảng thì đã muộn, hỏi có ích gì nữa ! Giá như hồi ấy có nhiều người mạnh mẽ can ngăn thì sai lầm lúc ấy biết đâu lại chẳng khác đi, sẽ không trở thành vết nhơ cho hậu thế mai mả !".

Bức thư ngỏ ngay thẳng tâm huyết của một đại công thần của chế độ, của một cán bộ cộng sản gộc nói lên một nét mới của tình hình chính trị trong nước : chính sách khủng bố những nhà dân chủ, chính sách cậy quyền thế để trấn áp thô bạo những người yêu nước thương dân thật lòng, chính sách thô bạo, độc ác, thất nhân tâm như thế đang bị chống đối ngày càng quyết liệt trong công luận xã hội, trong hàng ngũ đảng, trong cả những người xưa nay gắn bó cả đời mình với đảng cộng sản. Có thể nói những phiên tòa độc đoán chà đạp ngang nhiên lên luật pháp của nhóm cầm quyền bạo ngược giữa lúc họ leo lên về xây dựng một nền tư pháp công minh, một xã hội công bằng, văn minh... là những giọt nước làm tràn ly nước chứa đựng sự phẫn nộ và khinh thị của toàn xã hội. Không một người Việt Nam lương thiện, có ý thức yêu nước và công tâm nào còn có thể tán thành những hành động phi lý kiểu cường hào đè nén dân lành đến như vậy. Hành trình của con người gần 90 tuổi, quắc thước ngang nhiên Cao Hồng Lĩnh từ gần bó vô điều kiện với đảng của mình - kể cả khi đảng phạm sai lầm - chuyển sang lập trường bên vực những công dân lương thiện bị đảng hãm hại, vạch mặt chỉ tên những kẻ cầm quyền mù quáng chà đạp lên luật pháp, thật đáng ca ngợi và nêu gương !

Nhân dịp này tôi muốn hỏi ý kiến một số vị "Việt kiều yêu nước" vừa được Mặt Trận Tổ Quốc và Ban Việt Kiều Trung Ương cấp bằng khen, các vị nghĩ như thế nào về hành trình chính trị và tinh thần nói trên của người công dân đảng viên lão thành Cao Hồng Lĩnh ? Gần đây, tôi thấy trên màn truyền hình của Hà Nội các vị hết lời ca ngợi đảng đã "đổi mới sâu sắc đất nước", "đã xây dựng một xã hội công bằng, văn minh" và cúi đầu cung kính nhận tẩm

bằng khen từ tay chính những kẻ chà đạp luật pháp, đẩy ải các thanh niên dân chủ, yêu nước : Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Lê Chí Quang...

Tôi xin hỏi riêng các nhà khoa học "Việt kiều yêu nước" hiểu rộng, tài cao trong ngành điện tử Nguyễn Chánh Khê (Hoa Kỳ), giáo sư ngành cơ học Nguyễn Đăng Hưng (Bỉ) và giáo sư Đặng Lương Mô (Nhật Bản) mà tôi từng am hiểu và quen biết. Ông Nguyễn Chánh Khê đã có những phát minh khá nổi tiếng vùng thung lũng silicon ở bắc Cali, từng tự hào là hiểu biết nhiều mặt : khoa học, văn học, lịch sử và chính trị, có thể thuyết lý thao thao bất tuyệt về nền dân chủ... Ông Nguyễn Đăng Hưng từng đón tôi về Liège nơi ông làm việc, thăm phòng thí nghiệm ; ông phê phán mạnh mẽ chế độ một đảng chuyên quyền ở trong nước, luôn nhận xét dân chủ là điều kiện tiên quyết để xây dựng nền giáo dục đại học nước ta. Ông Đặng Lương Mô, một trí thức Việt kiều hàng đầu ở Nhật Bản, từ Tokyo đến Paris tìm gặp tôi, rất mực cảm kích tán đồng cuốn "Hoa Xuyên Tuyết" và hứa sẽ tổ chức dịch ngay cuốn sách này cho bạn đọc Nhật Bản. Vậy mà... Vậy mà...

Tất nhiên việc tiếp nhận các bằng khen, tuyên dương, huân chương của Hà Nội ban phát là quyền tự do của các vị Việt kiều yêu nước, và đáp lại bằng những lời ca tụng mang tính tung hô - không chút ngưng mồm - cũng là quyền tự do của mỗi người. Tôi được biết các vị còn "được vào lăng viếng lãnh tụ", đi lên tận Cao Bằng thăm hang Pắc Bó, dự những bữa tiệc mừng Xuân linh đình ở trụ sở Mặt Trận Tổ Quốc, nhận nhiều quà tặng...

Chỉ mong các vị hiểu rằng chế độ độc đảng độc đoán tham nhũng không cho không ai cái gì cả đâu ! Xin chớ vì lý do gì mà đánh rơi mất chính mình ! Ở cương vị quý vị, những nhận xét ngay thật từ trí tuệ và lương tâm, những can ngăn khảng khái trước những việc làm xằng bậy của kẻ đương quyền sẽ có giá trị quý báu hơn nhiều, khác hẳn những lời uốn lưỡi rẻ tiền chỉ để làm vui lòng các quan chức đã mất hết mối liên hệ với nhân dân và thời đại.

Xin các vị ngẫm nghĩ về hành trình đi đến ánh sáng qua trí tuệ và lương tâm của nhân vật Cao Hồng Lĩnh. Đó là hành trình của kẻ sĩ chân chính. Tôi tin chắc chắn rằng cụ đang sống những ngày đẹp nhất, "trẻ" nhất, thanh thản nhất, tự tin và cũng được trong và ngoài nước tin yêu nhất, tuy niềm tin yêu ấy không phải bao giờ cũng được bộc lộ đầy đủ.

Còn các vị Việt kiều yêu nước - dù ở phương Tây hay đang học tập, kinh doanh tại các nước thuộc Liên Xô cũ, ở Ba Lan hay ở Tiệp - từng sống giữa ánh sáng của trí tuệ, của dân chủ, xin hãy tiến bước ra phía trước, xin đừng vì lý do gì để làm cuộc hành trình ngược ; xin các vị tỉnh táo, chớ có lùi về phía sau, đứng thấp hơn về nhân cách so với những thanh niên ưu tú như Nguyễn Khắc Toàn và Lê Chí Quang, tự mình nép dưới cái bóng mờ ảo của những kẻ đương quyền hung hãn trong thế cô quạnh, đang bị cả xã hội và thế giới phê : "hạnh kiểm xấu", thành tích bất hảo về chính trị, về tôn trọng dân quyền và nhân quyền đối với chính nhân dân nước mình.

Bài Tin (Paris, tháng 5-2003)

Thư độc giả

Khó mà biết "sự thực" !

Tôi đọc số mới Thông Luận một cách thích thú và... ngạc nhiên !

Thú vị nhất là cách nhận xét của ông Tôn Thất Thiện về "những người đi về Việt Nam". Đại khái, theo chỗ tôi hiểu thì ông chia thành bốn nhóm người. Nhóm "thăm mỗ mả", nhóm "làm ăn", nhóm "ăn chơi thỏa thích" (đông nhất !), và nhóm "ưu tư". Đọc cách dùng từ ngữ, văn phong thì tôi cảm nhận rằng nhóm "ưu tư" là có "lương tâm" nhất. Nhóm "làm ăn" và "ăn chơi" thật đáng lên án về tội "đồng lõa" ! Riêng nhóm "mỗ mả" thì chắc nên được "giảm khinh" !

Đọc xong tôi... xấu hổ quá đi mất ! Chắc lần tới về Việt Nam tôi sẽ từ Tân Sơn Nhất lấy tắc xi hồi hả ra... nghĩa địa nhỏ cỏ rồi lại hồi hả bay về ngay tấp lự... để được giảm khinh.

Điều ngạc nhiên của tôi là cái đám "ăn chơi" đông thật nhỉ ! Ngạc nhiên hơn nữa là cách nhìn của một "nhà chính trị" đối với "đám đông" (theo ngôn ngữ "chính trị" là "quần chúng"). Hay là khinh thường, văn phong "ngạo mạn" đối với đám đông cũng là một lối chính trị... hữu hiệu ? Hình như người cộng sản bao giờ cũng nói theo kiểu "Đồng bào ta đa số tốt, chỉ một thiểu số...". Chắc là họ... bịp hoặc ngờ ngẩn chằng !

Tôi còn thắc mắc, chẳng hiểu ông Thiện thuộc vào nhóm nào ? Đọc bài ông thì tôi ngỡ rằng ông đứng ngoài cả bốn nhóm ! Giả thử rằng ông chưa "về" thì làm thế nào ông biết cái nhóm "ăn chơi" là đông nhất nhỉ ? Và làm thế nào ông đoán chắc là nhóm "ưu tư" kể chuyện Việt Nam "chính xác" nhất ?

Tôi thử tưởng tượng một ông A bà B nào đó đi về Việt Nam rồi kể chuyện cho ông Thiện nghe để ông "đánh giá". Kể thế nào đây nhỉ ? Kể rằng "nô lệ cả !" thì được ông xếp vào nhóm "ưu tư" ! Tốt ! Kể rằng "thăm mả" thì... chẳng có gì để mà kể thêm ? Kể rằng "khá lắm" hay "cũng khá" thì vào ngay nhóm "ăn chơi" ! Khó mà biết "sự thực" !

Doan Hùng

(gửi trong hộp thư website thongluan.org)

ĐÍNH CHÍNH

Ban biên tập xin đính chính một vài sai sót trong bài *Đại Hội Truyền Thông Việt Nam Hải Ngoại Kỳ 1* (Thông Luận số 170).

Bài này do Quản Mỹ Lan viết và gửi đến tòa soạn, ban biên tập đã rút ngắn và biên soạn lại để phù hợp với khuôn khổ tờ báo, do đó không diễn giải đúng một số ý của tác giả như : không giới thiệu tên những người tham dự (vì quá dài) ; đoạn 4, xin đọc là "cựu biên tập viên báo Thông Luận" (chứ không phải cựu chủ nhiệm).

Xin cáo lỗi tác giả và quý bạn đọc. NVH.

CHÍNH QUYỀN CỘNG SẢN ĐỐI XỬ THÔ BỈ VỚI PHẠM QUẾ DƯƠNG

LTS : Trong năm 2001, ông Phạm Quế Dương đã được tôn vinh qua giải thưởng nhân quyền Hellmann Hammett cùng với số tiền 7.000 USD. Một số người khác cũng được tặng giải thưởng này. Ông Dương cho đây là một vinh dự không có gì phải giấu giếm nên ông đã yêu cầu chuyển công khai số tiền này vào tài khoản ngân hàng của ông. Chính quyền cộng sản biết rõ những sự kiện này và đã từng "làm việc" với ông. Việc vu cáo Phạm Quế Dương nhận 200 triệu đồng Việt Nam (tương đương với 13.000 USD) để "làm việc cho các tổ chức phản động" là một hành động hèn hạ.

Nhiều tài liệu với nội dung tương tự đang được cho lưu hành trong quân đội và hội cựu chiến binh dùng những ký giả vô liêm sỉ đả kích Phạm Quế Dương, Trần Khuê và Trần Dũng Tiến. Các tài liệu này buộc tội hai ông Phạm Quế Dương và Trần Khuê là cấu kết với những "thành phần phản động" tại hải ngoại và nhận tiền của các tổ chức này để tổ chức phong trào dân chủ trong nước. Các tài liệu nêu đích danh Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và ông Nguyễn Gia Kiểng, thành viên của Tập Hợp.

Những tài liệu xuyên tạc thô lỗ này còn loan tin là Phạm Quế Dương và Trần Khuê sẽ bị truy tố ra trước tòa nay mai về tội gián điệp chiếu theo điều 80 bộ luật hình sự. Điều này chính gia đình các đương sự cũng chưa được thông báo, mặc dầu vẫn thường xuyên yêu cầu nhà cầm quyền cho biết thân nhân họ bị bắt vì lý do gì.

Dùng độc quyền báo chí để phỉ báng những người đối lập là thông lệ của chính quyền cộng sản, dù theo chính luật pháp của chế độ thì những người chưa bị kết án phải được coi là vô tội, việc xúc phạm tới họ là một hành động phạm pháp. Những biện pháp hèn hạ cũng đã được sử dụng để trừ dập gia đình họ. Bà Phạm Quế Dương, nữ danh Đỗ Thị Cư, là một kỹ sư lâm nghiệp về hưu, bị tịch thu số tiền 2001 USD mang trong người khi bị bắt cứng với chồng ngày 28-12-2002 tới nay vẫn chưa được hoàn trả mặc dầu đã khiếu kiện suốt sáu tháng, không những thế bà đã bị cắt lương hưu từ sau khi ông Dương bị bắt. Con gái ông Phạm Quế Dương là Phạm Quỳnh Anh là cán bộ tuyên huấn của Hội Phụ Nữ Việt Nam cũng đã bị cắt chức vụ, cho ngồi không, dù đã có chồng con và ở riêng.

Trong suốt sáu tháng bị giam giữ, Phạm Quế Dương đã gặp nhiều quan chức cao cấp của chế độ, chịu nhiều dụ dỗ và áp lực để ông nhận những sai lầm đối lại với việc được trả tự do, nhưng Phạm Quế Dương vẫn bình thản đáp lại là ông hoàn toàn không sai phạm gì cả và yêu cầu được đưa ra tòa xét xử. Phạm Quế Dương hoàn toàn không tin tưởng gì về pháp luật của chế độ cả, ông chỉ muốn đảng cộng sản phải công khai bộc lộ bộ mặt thật của mình.

Phạm Quế Dương là dòng dõi danh tướng Phạm Nhữ Tăng dưới thời vua Lê Thánh Tông, đã cùng nhà vua đánh chiếm thành Đồ Bàn năm 1471. Tuy chỉ mang quân hàm đại tá nhưng Phạm Quế Dương là một sĩ quan rất được kính phục vì lòng can đảm, về trình độ văn hóa cũng như về nhân cách. Ông đã từng là tổng biên tập tạp chí *Lịch Sử*



Phạm Quế Dương

Quân Sự, làm chủ nhiệm chính trị quân đoàn và chính ủy sư đoàn. Ông không được lên tướng vì tính tình cương trực và cũng vì trình độ tri thức của ông tạo ra sự ghen tức của cấp trên, nhưng cũng chính nét đặc biệt này của con người Phạm Quế Dương khiến ông càng được kính trọng. Ông là bạn tâm giao của nhiều tướng lĩnh cao cấp, trong đó có đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Từ khi về hưu, Phạm Quế Dương trở thành một cư sĩ Phật giáo. nếp sống này khiến tâm hồn ông an nhiên nhưng không hề giảm ý chí đấu tranh của ông, trái lại nó đem đến cho ông sự bình thản của một con người chỉ biết có lẽ phải còn ngoài ra coi tất cả mọi sự việc trên đời đều là phù du. Trong những lần trò chuyện với bạn bè hải ngoại qua điện thoại, ông thường nói : "Tớ biết thế nào nó cũng sẽ bắt

tớ và chắc là nó phải xử tù rất nặng, nhưng cũng vui thôi". Ông có thái độ nhân hậu cả với những công an sách nhiễu ông, ông nói: "Anh em công an họ chỉ làm theo lệnh của cấp trên thôi chứ họ có ghét gì mình đâu".

Mặt khác, Nguyễn Khắc Toàn, cựu sĩ quan, sau khi bị y án 12 năm tù về tội gián điệp chỉ vì anh đã đưa lên mạng internet những oan ức của đồng bào rủ nhau về Hà Nội khiếu kiện, đã được giải về trại giam Ba Sao, nơi Lê Chí Quang đang bị giam giữ. Nguyễn Vũ Bình vẫn bị biệt giam tại nhà tù Cầu Diễn. Phạm Hồng Sơn vẫn bị giam tại nhà tù Thanh Liệt. Cả hai đều không được gặp thân nhân. Vẫn chưa có cáo trạng đối với họ.

Đừng quên !

Những người dân chủ đang bị giam giữ
vì tội lương tâm :

- **Lê Chí Quang**, từ ngày 21-2-2002
- **Phạm Hồng Sơn**, từ ngày 27-3-2002
- **Nguyễn Vũ Bình**, từ ngày 25-9-2002
- **Phạm Quế Dương**, từ ngày 28-12-2002
- **Trần Khuê**, từ ngày 29-12-2002
- **Trần Dũng Tiến**, từ ngày 20-1-2003
- **Nguyễn Đan Quế**, từ ngày 17-3-2003

Những người này chỉ có một tội :

Họ đòi dân chủ cho Việt Nam !

Tòa án xử theo lệnh trên chứ không xử theo luật pháp

Một việc làm cực kỳ ác độc !

Cao Hồng Linh

Đó là trường hợp hai phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm xét xử người cựu chiến binh Nguyễn Khắc Toàn về tội danh gián điệp vi phạm Điều 80 Bộ luật hình sự Việt Nam. Phiên tòa sơ thẩm mở ngày 20-12-2002. Phiên tòa phúc thẩm mở ngày 1-4-2003.

Cả hai phiên tòa đều xử kín, người vào dự rất hạn chế, phải có giấy mời. Thường là người của công an bố trí vào ngồi nghe, cho có hình thức là xét xử công khai. Báo chí không được tường thuật, không được phỏng vấn những người tham gia tố tụng, chỉ được đưa tin vắn tắt kết quả xét xử. Vì lệnh trên bảo thế !

- Phiên tòa sơ thẩm, hai người em ruột anh Nguyễn Khắc Toàn là Phúc và Hưng trình bày đến hết hơi cũng không được vào. Nghĩa là tòa xử không có người nhà bị cáo.

- Phiên tòa phúc thẩm có tiến bộ một chút là để bà mẹ và một người em ruột bị cáo được vào dự.

Thật là lạ cho tòa án xét xử ở nước mình !

Lạ nữa là sau khi xét xử bản án cũng không giao cho đương sự và gia đình bị cáo. Gia đình đến tòa xin bản sao án sơ thẩm. Nộp tiền rồi. Kỳ hẹn đến lấy, thì tòa án trả lại tiền, bảo ở trên ra lệnh thế !

Thế mà cứ bảo chúng ta tôn trọng dân quyền !

Lạ nữa là nội dung xét xử. Các luật sư của hai phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm (ông Trần Lâm và ông Đàm Văn Hiếu) đều tranh luận rất hay, rất có lý, và rất đúng luật pháp.

Tội danh gián điệp theo Điều 80 Bộ luật hình sự là phải có yếu tố nước ngoài. Nghĩa là anh Toàn làm gián điệp cho ai ? cho nước nào ? Các luật sư đã yêu cầu xin tòa đưa chứng cứ anh Toàn làm gián điệp cho nước ngoài nào ? nước Mỹ, nước Anh hay nước Pháp, v.v. Tòa không trả lời được.

Các luật sư đã biện hộ, tội danh gián điệp phải hàm chứa các nội dung sau :

1. Tuyển mộ. Nước nào tuyển mộ anh Toàn ? Tổ chức nào tuyển mộ anh Toàn ?

2. Giao việc. Giao những việc gì ? Bị cáo đã thực hiện công việc như thế nào ?

3. Trả kinh phí. Trả theo hình thức nào ? Đã nhận bao nhiêu lần tiền ? Ở đâu ?

Những nội dung trên, cáo trạng không làm rõ được bất cứ một điểm nào.

Bị cáo Nguyễn Khắc Toàn đã trả lời tòa và tham gia tranh luận cũng rất hay.

Tòa hỏi bị cáo đến số 1 Mai Xuân Thưởng-Hà Nội (nơi tiếp dân của Trung ương) nhận đơn khiếu kiện của bà con các địa phương để làm gì ? Bị cáo Toàn cho biết, bị cáo đến Mai Xuân Thưởng đưa đơn kiến nghị phục hồi nhà Lầu Tứ Xuyên ở đầu đường Trần Quốc Toản. Bà con liền vây lấy,



Nguyễn Khắc Toàn

kể những oan khuất của mình và nhờ bị cáo có cách gì giúp đỡ. Trong nhiều đơn của bà con tố cáo công an phường Bến Nghé đánh đập những người khiếu kiện, rất thương tâm. Ở Mai Xuân Thưởng không có gì là bí mật quốc gia, chỉ có oan khuất của người dân đến khiếu kiện, điều đó ai cũng biết. Giúp đỡ những người dân đưa đơn khiếu kiện mà bị quy tội là gián điệp là điều không thoả đáng.

Hỏi về việc tại sao mở tài khoản nhận ngoại tệ ở ngân hàng ? Bị cáo cho biết, gặp nhà thơ Bùi Minh Quốc, anh Quốc có số tiền 1.500 USD giải thưởng nước ngoài chưa biết cách gì để nhận. Bị cáo gặp ông Phạm Quế Dương nói chuyện đó. Ông Dương nguyên đại tá tổng biên tập tạp chí *Lịch sử Quân sự*, là một chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ hiện nay. Ông Dương bảo dễ ợt, mất 20.000 đồng Việt Nam mở một tài khoản nhận ngoại tệ ở ngân hàng là xong. Bị cáo đã mở tài khoản ở Ngân hàng Cổ phần số 4 Dã Tượng, rất dễ dàng. Nhưng chưa có một đồng nào gửi về tài khoản thì đã bị bắt. Bị cáo rất tiếc là chưa giúp gì được nhà thơ nghèo Bùi Minh Quốc.

Hỏi về việc liên hệ với tổ chức Liên minh Việt Nam tự do của người Việt lưu vong ở Paris và 24 bức thư điện tử với cô Vân là thế nào ? Bị cáo Toàn trả lời không quen biết gì tổ chức Liên minh Việt Nam tự do, ai cầm đầu, gồm những ai. Còn quan hệ với cô Vân 45 tuổi không chồng ở Paris và bị cáo 48 tuổi chưa vợ ở Việt Nam ; hai bên thường dùng Chat trao đổi tâm tình qua Internet. Đây là chuyện riêng tư của công dân, công an nghe lén, theo dõi là vi phạm Điều 73 Hiến pháp và Điều 125 Bộ luật hình sự về an toàn thư tín, điện thoại, điện tín. Bị cáo Toàn đề nghị tòa cho công bố nội dung những thư điện tử để mọi người xem xét có đúng là gián điệp không. Các luật sư phát biểu, xét nội dung các bức thư không có gì là bí mật quốc gia, không có cơ sở để quy kết tội danh gián điệp.

Hỏi về việc bị cáo xin hộ chiếu ra nước ngoài và hẹn cô Vân gặp nhau ở Thái Lan để làm gì ? Bị cáo Toàn cho biết, có ông chú bà đi ở Úc bảo lãnh sang chơi, nên bị cáo làm đơn xin hộ chiếu, cô Vân biết tin, có hẹn sẽ gặp nhau ở Thái Lan. Trai chưa vợ, gái chưa chồng, biết nhau trên mạng Internet, rồi hẹn gặp nhau là chuyện bình thường. Các luật sư lập luận, những tình tiết này, cũng như tình tiết mở tài khoản ngân hàng, là những thứ quả xanh, chưa đủ yếu tố cấu thành tội danh gián điệp.

Trong quá trình xét hỏi, chủ tọa nhiều lần cắt ngang không cho bị cáo trình bày. Ở phiên tòa sơ thẩm chốc chốc lại có một mảnh giấy đưa đến chủ tọa. Đó là sự chỉ đạo ở trên, ngồi bí mật bên trong điều hành vụ án. Ở phiên tòa phúc thẩm không có hiện tượng này, nhưng chủ tọa luôn cắt ngang, trấn áp không cho bị cáo nói. Đến mức anh

Nguyễn Khắc Toàn phải đề nghị dừng phiên tòa, thay đổi chủ tọa (là ông thẩm phán Quốc Cường), nếu không thì giải anh về lại phòng giam, còn tòa muốn xét xử thế nào tùy tòa.

Tòa hỏi lý do ? Bị cáo Toàn đồng ý trả lời vì chủ tọa trấn áp, không cho trình bày, thì làm sao biết rõ sự thật, để xét xử cho công bằng được. Ông chủ tọa đã muốn thế, thì ông cứ xét xử lấy.

Đây cũng là một điều lạ, lần đầu tiên xảy ra trong việc xét xử ở nước ta.

Điều lạ lùng nữa là, tòa không phản bác được ý kiến của các luật sư cũng như của bị cáo. Hỏi việc gì bị cáo đều trả lời được rõ ràng, khúc chiết, có sức thuyết phục, chứng minh mình vô tội. (Đến mức, một số người ngồi nghe - toàn là công an chìm - phải xì xào với nhau : "Tay này cãi như Khổng Minh vậy !").

Ấy thế mà cuối cùng, tòa phúc thẩm vẫn tuyên án theo y án tòa sơ thẩm, nghĩa là 12 năm tù giam và 4 năm quản chế với tội danh gián điệp theo điều 80 Bộ luật hình sự Việt Nam.

Vì lệnh trên bảo thế !

Theo nguồn tin được biết, tòa phúc thẩm dự định xét xử trong hai ngày, sau vội vã kết thúc trong một ngày. Cũng theo một nguồn tin thì ở trại giam chờ phiên tòa phúc thẩm, hai lần người phụ trách trại giam mời anh Toàn lên, vận động anh Toàn thôi kháng án, sẽ nghiên cứu việc phóng thích. Anh Toàn không chấp nhận, trả lời : "các ông làm sai lại muốn tôi cùng sai với các ông à". Đến phiên tòa phúc thẩm, nửa tiếng trước khi mở phiên tòa, chủ tọa là thẩm phán Quốc Cường, còn gặp bị cáo, vận động một lần nữa thôi kháng án : "*Bây giờ vẫn còn kịp, nếu anh rút kháng án, chúng tôi sẽ thả anh*".

Cũng lại là một điều lạ nữa trong công việc xử án ở nước ta.

Gần đây có một loạt những cuộc bắt bớ với tội danh gián điệp :

- Bắt bác sĩ Phạm Hồng Sơn, người đã dịch tài liệu "Thế nào là dân chủ" trên trang Web của sứ quán Mỹ, và là tác giả bài viết "Những dấu hiệu đáng mừng về dân chủ ở Việt Nam" gửi tổng bí thư Nông Đức Mạnh.

- Bắt nhà báo Nguyễn Vũ Bình, nguyên biên tập viên *Tạp chí Cộng sản*, người làm đơn xin thành lập một đảng đối trọng với đảng cộng sản và là tác giả một số bài viết về tình hình kinh tế đất nước.

- Bắt nhà báo Phạm Quế Dương, nguyên đại tá tổng biên tập tạp chí *Lịch sử Quân sự*, người đứng đơn xin thành lập Hội nhân dân Việt Nam giúp Đảng và Nhà nước chống tham nhũng.

- Bắt nhà văn hóa Trần Khuê, tác giả cuốn "Đối thoại năm 2000" và "Đối thoại 2001", đồng đứng đơn xin thành lập Hội nhân dân Việt Nam chống tham nhũng.

- Bắt quyết tử quân Trần Dũng Tiến, tác giả nhiều bài viết mạnh mẽ gửi lãnh đạo về tình hình đất nước.

- Và gần đây nhất là việc tái bắt giữ bác sĩ Nguyễn Đan Quế, người đấu tranh dân chủ nổi tiếng từ thời Mỹ Ngụy, và đã bị nhiều năm tù ở chế độ ta cũng vì đấu tranh dân

chủ.

Những người bị bắt với tội danh gián điệp này, thực ra đều là những trí thức, cựu chiến binh thức tỉnh lên tiếng cho sự sinh hoạt dân chủ của đất nước, lên tiếng chống quốc nạn tham nhũng nhiều năm nay làm không kết quả.

Chúng ta đã chịu quá nhiều tổn thất đau xót trong việc đối xử giữa người Việt Nam với nhau, phải gọi là người Việt Nam hành hạ người Việt Nam. Vụ cải cách ruộng đất. Vụ cải tạo công thương nghiệp. Vụ Nhân văn - Giai phẩm. Vụ Xét lại - Chống đảng. Và bây giờ là vụ đàn áp những người dân chủ, khoác cho họ tội danh gián điệp, phản bội Tổ quốc. Đây là một việc làm cực kỳ ác độc.

Cựu chiến binh Nguyễn Khắc Toàn, người chiến sĩ từng tham gia quân giải phóng miền Nam từ 1972 đến 1976, là một người đấu tranh cho dân chủ hiện nay, và là người đầu tiên bị tòa tuyên án với tội danh gián điệp (12 năm tù giam và 4 năm quản chế).

Nghĩa là tòa đã xử theo lệnh trên, chứ không phải xét xử theo luật pháp.

Vì xét theo luật pháp thì anh Nguyễn Khắc Toàn là người vô tội. Không có một bằng chứng, một tang chứng nào có thể khép tội anh Toàn vào tội danh gián điệp cả.

Nếu việc xét xử như thế này cứ tiếp diễn thì lại có nhiều bằng chứng cho thế giới lên án chúng ta vi phạm dân quyền, vi phạm nhân quyền. Còn người trong nước thì đã biết quá rõ, những người bị bắt trên đều là những người yêu nước, họ hiểu biết, họ sống có nhân cách (không tham ô, tham nhũng, ăn chơi phè phỡn, tham quyền cố vị, v.v.). Họ mong muốn một đất nước phát triển, có dân chủ, họ căm phẫn những kẻ dối trá, lừa bịp, ăn cắp của công, muốn dè dặt cướp cổ nhân dân.

Biết mà không nói là có tội, để rồi sau này lại phải hối hận ăn năn như trong cải cách ruộng đất, như trong cải tạo công thương, như trong Nhân văn - Giai phẩm, như trong Xét lại - Chống Đảng thì đã muộn, hỏi có ích gì nữa. Giá như hồi ấy có nhiều người mạnh mẽ can ngăn, thì sự sai lầm lúc ấy biết đâu lại chẳng khác đi, sẽ không trở thành vết nhơ cho hậu thế mai mỉa.

Rất mong các đồng chí trong Bộ Chính trị hiện nay suy nghĩ, có biện pháp giải quyết đúng đắn, đừng để quá mù ra mưa, khiến nhân dân mất hết niềm tin phải khai trừ Đảng ra khỏi lòng mình.

Ngày 22 tháng 4 năm 2003

Lão thành cách mạng, nhà báo hưu trí

Cao Hồng Linh

Quận Tây Hồ, Hà Nội.

Nơi gửi :

- Các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước
- Bộ Tư pháp
- Bộ Công an
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
- Tòa án nhân dân tối cao
- Các vị lão thành cách mạng
- Các tướng lĩnh và các cựu chiến binh
- Các luật gia và các luật sư
- Các cơ quan thông tin, báo chí.

Nói chuyện với nhà báo Bùi Tín

Phản ứng nhanh !

Thông Luận : Ông nhận định ra sao về hai tài liệu mật được lưu hành trong nội bộ Hội Cựu chiến binh ở trong nước báo động về nguy cơ "diễn biến hòa bình", kết tội ba ông Phạm Quế Dương, Trần Khuê và Trần Dũng Tiến là những "cốt cán cơ hội chính trị chống đối trong nước", "nhận tiền của bọn phản động và các thế lực thù địch ở bên ngoài để chống phá nước ta" ?

Bùi Tín : Nhóm cầm quyền độc đoán đang ở thế bị động đối phó với tình hình là ba chiến sĩ dân chủ chân thật, dũng cảm, một lòng yêu nước thương dân nói trên ngày càng được anh chị em cựu chiến binh và bà con ta trong nước hiểu rõ, đồng tình, cảm mến và bênh vực Một nét tiêu biểu là mới đây cụ cách mạng lão thành Cao Hồng Lĩnh lên tiếng công khai bênh vực các chiến sĩ dân chủ. Hai tài liệu mật tôi vừa nhận lại chính do các cựu chiến binh gửi ra, kèm theo nhận xét sơ bộ rằng : "họ" rất lúng túng vì chúng tôi hiểu rõ rằng các đồng đội ấy thật sự là những chiến sĩ của nhân dân. Hai tài liệu kể ra con số gần một nghìn bài viết mang tính chất phản động đã bị tịch thu, chúng tôi chỉ yêu cầu họ công bố vài bài viết tiêu biểu của ba đồng đội ấy cho chúng tôi và công luận biết, thì họ im lặng ! Họ sợ sự thật, nên chỉ biết chụp mũ các bạn ấy đủ thứ tội do họ nghĩ ra ! Có lẽ tôi không cần nói gì thêm.

TL : Ông có quen biết ba cựu chiến binh đó không ?

BT : Tôi biết và quen cả ba anh. Anh Phạm Quế Dương là nhà báo, viết sử quân đội, cơ quan anh gần nơi tôi làm việc, thường hay gặp nhau. Anh Trần Dũng Tiến có đạo là láng giềng của tôi, rất hay trao đổi về tình hình thời sự nóng hổi. Tôi từng gặp và nói chuyện với anh Trần Khuê ở Viện Hán Nôm. Nét chung của ba anh là trung thực, luôn quan tâm đến tình hình chính trị đất nước. Nhận định rằng các anh "chống đối chế độ, đi với bọn phản động, với các thế lực thù địch" là sự vu cáo hèn hạ. Tôi hiểu rõ các anh chống rất quyết liệt bọn quan liêu, bọn tham quan ô lại, kẻ bắt công, độc đoán. Nhóm lãnh đạo hiện tại mà có những đức tính ấy như các anh thì thật là hồng phúc cho dân, cho nước !

TL : Còn chuyện nhận tiền của nước ngoài?

BT : Trong tài liệu mật nói trên, có lên án các anh nhận

Những ngày gần đây, Hà Nội cho lưu hành trong nội bộ Hội Cựu Chiến Binh hai "tài liệu mật" nhằm chuẩn bị dư luận để đem các ông Phạm Quế Dương, Trần Khuê và Trần Dũng Tiến ra xét xử. Tòa soạn đăng lại sau đây nguyên văn bài nói chuyện với nhà báo Bùi Tín.

đến 200 triệu từ nước ngoài ; họ cố tạo ấn tượng là các anh ham tiền của và hưởng thụ ; tôi hiểu rất rõ sự việc này. Mọi việc nhận tiền qua ngân hàng, các anh đều làm công khai,堂堂 hoàng, không che giấu ai. Khác hẳn bọn tham nhũng, ăn tiền, dẫu tiền, rửa tiền, chùi mép như ranh. Xin hỏi về hàng triệu đôla ông Đỗ Mười nhận dứt lốt, là quà cáp từ tư bản nước ngoài, đến nay vẫn còn tù mù, bí ẩn ! Còn đây là 200 triệu tiền đồng Việt Nam, bằng 13 ngàn đô la ! Riêng tiền thưởng anh Phạm Quế Dương của tổ chức quốc tế về nghĩa cử đấn thân cho tự do của dân tộc Việt Nam là hơn 7.000 đô rồi ! Vậy thì có gì là khuất tất, là xấu xa, là phạm tội ! Huống gì tôi tin chắc rằng số tiền ấy các anh không dùng để đi Karaoke, bia ôm, mát xa ôm, ăn nhậu lu bù như các vị tham quan của chế độ, mà chủ yếu lại là để tạo thêm sức cho cuộc đấu tranh nhằm mang lại tự do, và từ đó mang lại công bằng, hạnh phúc cho dân ta.

TL : Theo ông, các vụ án này sẽ ngã ngũ ra sao ?

BT : Sẽ do so sánh lực lượng giữa độc đoán và dân chủ ở trong nước và cả ở nước ngoài. Chính quyền độc đoán đang bị chỉ mặt vạch tội. Châu Âu, Hoa Kỳ, các tổ chức nhân quyền, Phóng viên không biên giới, Văn bút quốc tế... tới tấp cho họ "hạnh kiểm xấu", "thành tích bất hảo về tôn trọng dân quyền và nhân quyền". Quốc hội Hà Nội đang họp, vừa thông qua luật bổ sung về tư pháp, xác định vai trò của luật sư, yêu cầu phải có chứng cứ khi xử án... Vụ hai hiệp định Việt-Trung cũng như vụ các chiến sĩ dân chủ đang như hai cục xương hóc, "khạc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào". Các chiến sĩ dân chủ tự tin ở chính nghĩa thách chính quyền xử án công khai, có báo trong ngoài nước chứng kiến, có luật sư堂堂 hoàng, có công chúng tham dự, có chứng cứ công bố ra ánh sáng công luận. Ba chiến sĩ dân chủ bị kết tội một cách hàm hồ trong hai tài liệu mật chỉ mong có thể, mong họ làm đúng điều họ nói. Nhóm lãnh đạo độc đoán nên hiểu đầy đủ ý nghĩa đẹp của từ : trong sáng (transparence), chia tay dứt khoát với một nền văn hóa-chính trị sùng bái bí mật và bóng tối (la culture du secret et de l'ombre).

LTS : Một người dân chủ trong nước đã chuyển ra nước ngoài hai tài liệu mà chúng tôi đăng nguyên văn sau đây cùng với những chú thích. Hai tài liệu này được viết cho Hội Cựu Chiến Binh và ghi chú : "Tài liệu sinh hoạt nội bộ không được đưa công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng". Người chuyển cho biết tác giả không phải là một cựu chiến binh mà là ban lãnh đạo đảng. Tiết lộ này phù hợp với nội dung của cả hai bài viết như độc giả có thể nhận xét.

Điều đáng lưu ý là bài này đã được viết cho các cựu chiến binh. Đây là một bằng chứng nói lên sự phản nộ đang

lên cao trong hàng ngũ các vị lão thành, những người cảm thấy bị phản bội khi những hy sinh của họ cuối cùng chỉ đưa tới một chế độ phục vụ bọn tư sản đỏ và do bọn tư sản đỏ không chế. Mặt khác, việc bắt giam Phạm Quế Dương đã gây một phần nộ lớn trong hàng ngũ các tướng lĩnh nhiều công trạng và uy tín trong quân đội. Phạm Quế Dương quen thân với hầu hết các tướng lĩnh và đặc biệt gần gũi với đại tướng Võ Nguyên Giáp, thượng tướng Phùng Thế Tài, thượng tướng Hoàng Minh Thảo, trung tướng Phạm Hồng Sơn. Những con số để đánh dấu các chú thích là của tòa soạn.

Hai tài liệu

nói lên sự phản bội của ban lãnh đạo cộng sản

Tài liệu 1. Trên mặt trận chống "diễn biến hòa bình", đẩy lùi âm mưu chuyển hóa Việt Nam trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa

Từ sau Đại hội lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001), tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp ngày càng quyết liệt hơn. Các thế lực phản động quốc tế tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" kết hợp âm mưu bạo loạn lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, trong đó chúng coi "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng-văn hóa là khâu đột phá (1). Nổi lên là các hoạt động sau đây:

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là các đài phát thanh, truyền hình, mạng In-te-nét, phòng thông tin của sứ quán, các hình thức họp báo trá hình, các cuộc thăm viếng, tiếp xúc, hội thảo... để tán phát, truyền bá các quan điểm sai trái, phản động, nhằm phủ định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng ta; phủ định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa; đả kích sự lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc, bôi nhọ lịch sử cách mạng của Đảng và nhân dân ta; kích động chống đối, bạo loạn (2).

- Tăng cường phối hợp các tổ chức phản động quốc tế, liên kết các tổ chức phản động của người Việt lưu vong với bọn cơ hội chính trị trong nước chống phá ta, trong đó tập trung chống phá Đại hội IX của Đảng, cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI, các hội nghị Trung ương...; vu cáo Việt Nam "vi phạm dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo"; tìm cách công khai, quốc tế hóa các hoạt động của bọn cơ hội chính trị trong nước, tạo dựng "ngọn cờ" và các tổ chức chính trị đối lập (3).

- Kích động, chia rẽ khối đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo, đẩy mạnh truyền đạo trái phép, nhất là truyền đạo ở các vùng dân tộc thiểu số với các thủ đoạn mị dân, nhằm tập hợp, lôi kéo quần chúng vào các tổ chức phản động núp dưới các hình thức tôn giáo; ráo riết tổ chức lực lượng để hình thành cái gọi là "Nhà nước Đê-ga độc lập", "nhà nước Khơ-me Crôm độc lập", "Vương quốc Mông", "Vương quốc Chămpa"... tăng cường các hoạt động giành giật quần chúng với ta ở cơ sở, kích động bạo loạn (4).

- Thông qua các hoạt động hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục-đào tạo, chúng đẩy mạnh các hoạt động mua chuộc, lôi kéo cán bộ, tập hợp trí thức trẻ; ra sức truyền bá văn hóa, lối sống tư sản, làm thoái hóa tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và thanh niên (5).

Việc gây mất ổn định chính trị-xã hội ở một vài nơi trong thời gian qua, mà điển hình là cuộc bạo loạn ở Tây Nguyên tháng 02-2001, sự nảy sinh những phức tạp mới trong tâm trạng xã hội có nguyên nhân do tác động của hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch (6).

Hơn lúc nào hết, Cựu Chiến Binh Việt Nam cần nhận thức đúng tính chất nguy hiểm và hoạt động ngày càng trắng trợn của các thế lực thù địch, luôn mài sắc tinh thần cảnh giác cách mạng trước âm mưu, thủ đoạn diễn biến hòa bình của chúng, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh bác bỏ quan điểm sai trái, giữ vững trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tăng cường giáo dục, quản lý cán bộ, hội viên, chấp hành nghiêm chế độ bảo vệ bí mật quốc gia, kỷ luật phát ngôn, có biện pháp ngăn chặn việc tán phát các tài liệu phản động. Dưới sự chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền, các cấp hội cần thực hiện tốt chế độ nắm bắt, phân tích kịp thời tư tưởng, tâm trạng của cựu chiến binh và các tầng lớp dân cư trên địa bàn, làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và tích cực tham gia giải quyết dứt điểm các điểm nóng, không để kéo dài, lây lan gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; xây dựng hội trong sạch vững mạnh và góp phần củng cố vững chắc tổ chức chính trị ở cơ sở, nhất là các địa bàn trọng điểm, chủ động tấn công, đẩy lùi âm mưu chuyển hóa Việt Nam của các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng-văn hóa (7).

Chú thích :

(1) Đầu thập niên 1990, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tung ra một "chiến dịch chống diễn biến hòa bình" rất qui mô với nhiều hội nghị lớn trên toàn quốc. Từ đó "chống diễn biến hòa bình" tưởng đã đi vào quên lãng. Lần này đảng lại nhắc lại, phần mở đầu của bài này có âm hưởng của một trận đánh của đạo quân hậu vệ. Đặc biệt là câu "đấu tranh giai cấp ngày càng quyết liệt". Giai cấp nào đấu tranh chống giai cấp nào? Giai cấp cách mạng bị phản bội chống giai cấp tư bản đồ? Giai cấp nông dân chống giai cấp cường hào cường đạo đất đai? Chính quyền cộng sản đứng về phe nào?

(2) Các quan điểm của đối lập dân chủ "sai trái" ở chỗ nào, sao tài liệu không đưa ra lý luận nào để phản bác. Đoạn này cho thấy chính quyền cộng sản vẫn coi các tòa đại sứ và các nước dân chủ phát triển là thù địch, dù vẫn ngửa tay xin viện trợ.

(3) Chính quyền cộng sản Việt Nam bị vu cáo là vi phạm dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo? Một điều đúng trong câu này là kể từ năm 2001, đối lập dân chủ trong nước đã tiến một bước quyết định, từ giai đoạn của những phản kháng cá nhân sang giai đoạn đấu tranh có tổ chức. Đó là nguyên nhân của đợt đàn áp thô bạo vừa diễn ra.

(4) Truyền đạo ở các vùng sắc tộc thiểu số được coi là truyền đạo trái phép? Tháng 6-2001 hòa thượng Quảng Độ muốn ra đón hòa thượng Huyền Quang già yếu và bệnh về Sài Gòn, ông bị quản chế hai năm. Tiến sĩ Po Dharma, lãnh tụ Chăm cho biết trong một buổi gặp gỡ với Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên rằng ý đồ ly khai, độc lập chỉ là

Tài liệu 2 : Những hoạt động vi phạm pháp luật của Phạm Quế Dương, Trần Khuê và Trần Dũng Tiến

Ngày 28-12-2002, công an quận 5 thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Phạm Quế Dương cùng vợ là Đỗ Thị Cư mang theo nhiều tài liệu có nội dung chống Nhà nước từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh gặp Trần Khuê, một trong những đối tượng cầm đầu nhóm chống đối chế độ ta. Trong số tài liệu thu được có tài liệu bộc lộ thủ đoạn liên kết của các đối tượng chống đối dưới danh nghĩa "Hội chống tham nhũng" với bọn phản động lưu vong để hình thành thành 6 "văn phòng đại diện" ở Mỹ, Ca-na-đa, Nga, Đông Âu, Châu Âu, Châu Á, Châu Úc và 4 đại diện trong nước. Qua tài liệu chứng cứ quả tang thu được cho thấy Phạm Quế Dương, Trần Khuê và một số người khác đã câu kết chặt chẽ với những tên cầm đầu phản động lưu vong ở Pháp, Mỹ... âm mưu lập đảng gọi là "Phong trào dân chủ" nhưng lấy danh nghĩa công khai "Phong trào đấu tranh chống tham nhũng" để tập hợp lực lượng nhằm lật đổ chế độ ta.

Căn cứ vào chứng cứ phạm pháp quả tang, công an thành phố Hồ Chí Minh đã bắt, khám xét khẩn cấp nhà Phạm Quế Dương và Trần Khuê (1).

Tại nhà Phạm Quế Dương ở 37 Phố Lý Nam Đế (Hà Nội), cơ quan công an đã thu được 902 đầu tài liệu, trong đó có một số tài liệu "tối mật" của Đảng, Nhà nước. Nhiều tài liệu cho thấy sự chỉ đạo của bọn phản động lưu vong đối với Phạm Quế Dương và nhiều tin tức mà Phạm Quế Dương đã chuyển cho bọn phản động ở nước ngoài (2). Qua khám xét, đã phát hiện Phạm Quế Dương có 4 tài khoản

mở tại Ngân hàng, trong đó có tài khoản dành riêng cho việc nhận tiền đô la Mỹ, đồng ơ-rô và đồng phờ-răng (Pháp). Tại các tài khoản này, trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2000 cho đến tháng 10 năm 2002, Phạm Quế Dương đã 7 lần nhận tiền do Nguyễn Gia Kiểng cầm đầu tổ chức phản động mang danh "tập hợp dân chủ đa nguyên" và một số đối tượng phản động lưu vong trong tổ chức "đảng nhân dân hành động" của tên Nguyễn Sỹ Bình từ Mỹ gửi về với tổng số tiền khoảng hơn 200 triệu đồng (qui đổi từ các loại ngoại tệ ra tiền Việt). Lực lượng điều tra còn thu được tại nhà Phạm Quế Dương nhiều hóa đơn nhận tiền, hóa đơn chi trả v.v... do bọn phản động lưu vong thanh toán cho Phạm Quế Dương về việc y cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến an ninh quốc gia và tiền bọn phản động lưu vong cung cấp cho y để móc nối, lôi kéo lực lượng "gây dựng tổ chức" kích động khiếu kiện gây rối an ninh và trật tự xã hội (3).

Tại nhà Trần Khuê ở 296 đường Nguyễn Trãi, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan công an cũng thu được 90 đầu tài liệu liên quan đến hoạt động của các đối tượng đã bị bắt, xử lí về tội làm gián điệp như Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình và một số đối tượng cơ hội chính trị khác. Các tài liệu trong máy vi tính thể hiện Trần Khuê sử dụng mạng In-te-nét để liên lạc với bọn phản động lưu vong người Việt. Đồng thời, cũng thu được nhiều chứng cứ quan trọng về việc Trần Khuê đã nhận tiền của những tên cầm đầu các tổ chức phản động lưu vong để phục vụ cho các âm mưu chống phá nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tài liệu thu được đã phản ánh từ đầu năm 2002 đến khi bị bắt, Trần Khuê đã nhận trên 10.000 USD của các đối tượng này. Đáng chú ý trước đây, vào tháng 3-2002 trong khi Trần Khuê đang bị quản chế hành chính, lực lượng an ninh và công an thành phố Hồ Chí Minh cũng đã bắt quả tang Khuê chuyển giao tài liệu cho Nguyễn Khả, Phạm Thanh Chương. Khi khám nhà Khuê, cơ quan công an thu được 80 loại tài liệu, 22 tập tin và 600 thư điện tử do Trần Khuê cung cấp tin cho các tổ chức phản động lưu vong để bọn này sử dụng chống phá ta (4).

Ngày 22-01-2003, công an thành phố Hà Nội bắt quả tang Trần Dũng Tiến khi đối tượng đang in sao 9 đầu tài liệu, gồm 170 bản, có nội dung xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; vu cáo, bôi nhọ một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là hai tài liệu do chính Trần Dũng Tiến viết: "Hộp đen-trăm ngày đám tang Trần Độ", "Điên cuồng đàn áp trí thức và sĩ quan quân đội có công với nước".

Căn cứ vào hành vi phạm pháp quả tang, công an thành phố Hà Nội đã bắt, khám xét khẩn cấp nhà Trần Dũng Tiến, đã thu được 350 đầu tài liệu, gồm 1.480 bản, trong đó có nhiều tài liệu do Tiến biên soạn và tài liệu của một số đối tượng cơ hội chính trị khác viết cũng có nội dung xuyên tạc, vu cáo các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta, kích động chống đối (5).

Những tài liệu, vật chứng thu được của các đối tượng trên cho thấy chúng đã phạm tội nghiêm trọng, đã câu kết

của một vài nhóm rất ít ảnh hưởng. Điều mà các sắc tộc thiểu số tại Việt Nam mong muốn là một tương lai chung trong một nước Việt Nam dân chủ và đa nguyên. Chính quyền cộng sản thổi phồng một cách vô trách nhiệm những tổ chức chủ trương ly khai để tạo lý cơ đàn áp.

(5) Các nước dân chủ phát triển muốn hợp tác với Việt Nam sẽ nghĩ gì khi đọc đoạn này ?

(6) "Tâm trạng xã hội" có nguyên nhân là sự cấu kết và phục tùng của đảng và nhà nước với bọn tài phiệt lưu manh trục lợi chứ không phải vì diễn biến hòa bình. Cuộc phản kháng, nói chung ôn hòa, tại Tây Nguyên chủ yếu là do sự cướp đất trắng trợn với sự bao che và đồng lõa của chính quyền.

(7) Ngôn ngữ lưỡi gươm này không thuyết phục được ai cả. Tuy nhiên đoạn này chứng tỏ một điều: đảng cộng sản đang lo sợ sự phản kháng của các cựu chiến binh, muốn kiểm soát chặt chẽ hội cựu chiến binh để dùng hội cựu chiến binh làm dụng cụ kiểm soát các cựu chiến binh. Âm mưu này chắc chắn sẽ thất bại và có thể có hậu quả không ngờ. Những người có uy tín nhất Việt Nam hiện nay là các vị lão thành trong hội cựu chiến binh, bên cạnh họ các cấp lãnh đạo hiện nay chỉ là những bóng mờ. Họ cũng rất có ảnh hưởng trong quân đội.

với bọn cầm đầu tổ chức phản động lưu vong người Việt và các thế lực thù địch ở nước ngoài để chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày 02-01-2003, cơ quan an ninh điều tra đã khởi tố Phạm Quế Dương và Trần Khuê về tội gián điệp theo điều 80 bộ luật hình sự và riêng Trần Khuê còn bị khởi tố thêm về tội không chấp hành quyết định quản chế hành chính theo điều 269 bộ luật hình sự (6).

Phạm Quế Dương sinh năm 1932, quê quán Hà Tây, thường trú 37 Lý Nam Đế, Hà Nội; đại tá quân đội, nguyên Tổng biên tập Tạp chí *Lịch sử quân sự*, đã nghỉ hưu. Từ năm 1986 lợi dụng chức vụ Phó Tổng biên tập *Tạp chí Khoa học và Tổ quốc* đã cho đăng bài "Bàn về sự lãnh đạo của Đảng" của một đối tượng chống Đảng, có nội dung đòi bỏ điều 4 Hiến pháp, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Từ đó đến nay, mặc dù các cơ quan chức năng đã tiến hành nhiều biện pháp từ giáo dục, khuyên ngăn đến răn đe, cảnh cáo, nhưng Phạm Quế Dương ngày càng bộc lộ bản chất chống đối chế độ quyết liệt. Với vai trò là "Đại diện thường trực của Phong trào dân chủ" phía Bắc, thường xuyên liên hệ với một số tổ chức và cá nhân phản động lưu vong người Việt để nhận tiền, cung cấp thông tin cho các thế lực thù địch ở nước ngoài chống phá nhà nước ta.

Trần Khuê sinh năm 1936 tại Nam Định, thường trú tại 296 Nguyễn Trãi, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, nguyên giáo viên trường Cao đẳng Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, nghỉ hưu năm 1989. Từ năm 1999 đến nay, Trần Khuê đã viết một số tài liệu đòi xóa bỏ điều 4 hiến pháp, đổi tên Đảng, tên nước, hủy bỏ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, công kích Đảng, Nhà nước và các đồng chí lãnh đạo. Từ chỗ thường xuyên quan hệ với các đối tượng cơ hội chính trị và được cử là "đại diện" cho "Phong trào dân chủ" ở phía Nam để điều hành các hoạt động chống đối... Trần Khuê đã cùng Phạm Quế Dương và số đối tượng cơ hội chính trị bàn lập tổ chức "Hội chống tham nhũng" với ý đồ dùng hình thức mị dân này để kích động chính trị, tập hợp lực lượng, thông qua đó hình thành "Phong trào dân chủ" chống chế độ ta. Tháng 9-2001, Trần Khuê bị ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quản chế 24 tháng về hành vi phạm pháp nói trên. Song Trần Khuê đã không chấp hành quyết định quản chế, tiếp tục tìm cách liên kết với Phạm Quế Dương và các cá nhân trong tổ chức phản động lưu vong người Việt như "Liên minh Việt Nam tự do", "Đảng nhân dân hành động"... để phát triển lực lượng, ráo riết cho ra đời tổ chức chính trị đối lập, lập văn phòng đại diện ở nước ngoài, nhận sự chỉ đạo và nhận tiền của các tổ chức phản động lưu vong để hoạt động chống phá nhà nước ta (7).

Qua khai thác bước đầu, Phạm Quế Dương, Trần Khuê khai nhận cùng với một số đối tượng khác thống nhất việc lập tổ chức "Phong trào đấu tranh dân chủ". Chúng khai nhận đã liên hệ với cá tổ chức và cá nhân phản động người Việt lưu vong, được các tổ chức này cấp tiền để hoạt động, lập tổ chức và cung cấp tin tức cho bọn phản động lưu vong "Đảng nhân dân hành động" của Nguyễn Sỹ Bình ở Mỹ gửi về để mua máy vi tính dùng vào hoạt động chống đối.

Trần Dũng Tiến sinh năm 1929, hộ khẩu thường trú tại 12 ngõ 95, phố Cự Lộc, quận Thanh Xuân, Hà Nội; năm 1945 tham gia tự vệ, năm 1946, vào bộ đội, học trường Lục quân Trần Quốc Tuấn khóa 3, là sĩ quan tham mưu Sư đoàn 320; năm 1960 bị kỉ luật và chuyển ngành về xí nghiệp Giày da Hà Nội, nghỉ hưu năm 1990. Do tư tưởng công thần, bất mãn, lại bị số đối tượng cơ hội chính trị kích động, lôi kéo nên từ năm 1995 đến nay, Trần Dũng Tiến ngày càng lún sâu vào con đường hoạt động chống đối Đảng và Nhà nước ta.

Thời gian gần đây, Trần Dũng Tiến nổi lên với vai trò là đầu mối liên lạc giữa số cơ hội chính trị cốt cán cầm đầu với số cơ hội chính trị chống đối ở các địa phương; nhiều lần được cử đi Thái Bình, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh nắm tình hình tuyên truyền lôi kéo số bất mãn, cơ hội chính trị tham gia lập tổ chức chính trị đối lập núp dưới danh nghĩa "Hội chống tham nhũng"; biên soạn, tán phát các tài liệu có nội dung xuyên tạc thô bạo đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước ta, vu cáo trắng trợn một số đồng chí lãnh đạo cấp cao và các cơ quan thực thi pháp luật. Từ 1996 đến nay, Trần Dũng Tiến đã trực tiếp viết hơn 50 đầu tài liệu có nội dung xuyên tạc, chống đối và đã 5 lần bị các lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Tây bắt quả tang khi đang mang theo người nhiều tài liệu do y và các đối tượng cơ hội chính trị khác biên soạn nhằm in sao, tán phát các tài liệu này và một lần bị giam giữ hành chính vì có hành vi gây rối ở khu vực bên ngoài phiên tòa xét xử Lê Chí Quang.

Mặc dù các cơ quan chức năng đã kiên trì phối hợp với gia đình, tổ dân phố giáo dục, thuyết phục Trần Dũng Tiến từ bỏ con đường hoạt động chống đối, nhưng Tiến không những không chịu hối cải mà hoạt động ngày càng cực đoan hơn với thái độ thách thức chính quyền, tiếp tục tán phát tài liệu xấu và kích động, lôi kéo người khác tham gia hoạt động chống đối (8).

Phạm Quế Dương, Trần Khuê và Trần Dũng Tiến là những kẻ cầm đầu, cốt cán của số cơ hội chính trị chống đối trong nước và là chỗ dựa chủ yếu để bọn phản động, các thế lực thù địch ở bên ngoài thực hiện ý đồ chống phá nước ta. Vì vậy, khi ta bắt, tạm giữ và khởi tố điều tra và xử phạt ba người nói trên, chắc chắn các thế lực thù địch trong và ngoài nước sẽ tìm cách đối phó, xuyên tạc, vu cáo Đảng, Nhà nước ta đàn áp "những người đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền" và can thiệp đòi trả tự do cho chúng (9).

Nhận thức rõ về âm mưu, ý đồ của các đối tượng trên, Cựu Chiến Binh chúng ta cần nâng cao ý thức cảnh giác, chủ động tấn công phản bác lại các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của các thế lực thù địch chống phá đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các cơ quan chức năng của bộ công an đang khẩn trương điều tra để đưa Phạm Quế Dương, Trần Khuê và Trần Dũng Tiến ra xét xử công khai trước pháp luật trong thời gian tới.

Anh chị em,

Gửi anh chị em hai bài viết trên để tham khảo. Bài được chỉ

đạo viết (dĩ nhiên là không phải do Cựu Chiến Binh viết) vào tháng 4-2003, được coi là tài liệu mật vì có ghi : "Tài Liệu Sinh Hoạt Nội Bộ Không Đưa Công Khai Trên Các Phương Tiện Thông Tin Đại Chúng".

Xin anh chị em viết bài tham luận nếu định đăng tải hai văn bản trên đây.

Chú thích :

(1) Hội Chống Tham Nhũng do hai ông Phạm Quế Dương và Trần Khuê làm phát ngôn viên với 21 hội viên sáng lập. Họ nộp đơn chính thức xin lập hội và hoạt động công khai ngày 3-9-2001. Từ đó đến nay họ không nhận được một trả lời nào của chính quyền, như vậy đơn xin lập hội không hề bị từ chối. Họ hoạt động hợp pháp và có quyền dự định lập các văn phòng đại diện.

Nhóm Dân Chủ được chính thức thành lập ngày 2-8-2002, cũng do hai ông Phạm Quế Dương và Trần Khuê làm phát ngôn viên. Họ có thông báo cho nhà nước và cũng không nhận được một trả lời nào. Như vậy hành động của họ hoàn toàn phù hợp với hiến pháp và luật pháp.

Hoàn toàn không có mục tiêu "tập hợp lực lượng nhằm lật đổ chế độ". Đây là một vụ khống thô bỉ.

(2) Cách viết mập mờ của đoạn này tự nó tố giác sự vô khống.

(3) Ông Phạm Quế Dương có hai tài khoản mở tại VP Bank, Hà Nội. Số tiền 200 triệu VND (tương đương với 13.000 USD), gồm 7.000 USD của giải thưởng nhân quyền của Hellmann Hammett năm 2001 và khoản tiền mà ông nhận hộ của một thân hữu không có tài khoản, do thân nhân từ nước ngoài gửi về. Chính quyền cộng sản biết rõ điều này.

Ông Phạm Quế Dương là một người từng lãnh đạo nhiều cơ quan, từng là chủ nhiệm chính trị quân đoàn, chính ủy sư đoàn, ông không ngại thơ đến mức để lại những hóa đơn chi trả. Đây chỉ là một vụ cáo trẻ con.

Cũng nói thêm là Hellmann và Hammett là hai nhà văn được coi là khuynh tả. Họ từng là nạn nhân của phong trào truy lùng phe cộng sản sơ đẳng Mac carthy hồi thập niên 1950. Khi qua đời họ để lại tài sản để tặng giải thưởng cho những người tranh đấu cho tự do ngôn luận. Mới đầu giải này chủ yếu cấp phát cho những trí thức được coi là "thân cộng" trong những nước không cộng sản.

(4) Đoạn này thừa nhận Trần Khuê chỉ có những bài viết của anh em dân chủ trong nước.

Trần Khuê được giải thưởng Hellmann Hammett năm 2002, cùng với Lê Chí Quang và Nguyễn Vũ Bình. Từ năm 2001 ông bị quản chế và cô lập, nhiều thân hữu có hảo tâm đã gửi về giúp ông những số tiền nhỏ. Trần Khuê rất nghèo. Trong bài viết trên Thông Luận số 169 tháng 4-2003, bà Phạm Quế Dương thuật lại là ông sống ở một căn gác nhỏ, trời mưa bị dột, khách và chủ phải hứng nước. Cáo buộc Trần Khuê về chuyện tiền bạc thực là thô bỉ.

(5) Đoạn này chỉ chứng tỏ Trần Dũng Tiến hoàn toàn vô tội.

(6) Điều 80 của Bộ luật hình sự Việt Nam qui định : "được coi là gián điệp những người cung cấp bí mật của nhà

Kỷ niệm ngày ra đời Cao Trào Nhân Bản, 11-5-1991

NHỚ...

*Đưa người, ta không đưa sang sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng ?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong ?
(Thăm Tâm, Tổng biệthành)*

Trên đà Liên Xô cải tổ, khi đảng cộng sản không còn kiểm soát và quyết định mọi thứ từ A đến Z thì tôi được xuất ngoại lần đầu sau hơn 20 năm làm việc ở Đài phát thanh.

Việt Nam, năm 1988. Đi một lần rồi thì tôi kiếm cơ để đi hoài. Hết chuyên đề này đến chuyên đề khác. Lúc thì Đài phát thanh, khi thì Hội Ký giả đài thọ kinh phí. Chân vừa đặt xuống sân bay Tân Sơn Nhất thì đầu đã nghĩ đến chuyến đi sau. Tôi nghiệm Việt Nam như nghiệm xi ke, ma túy. Đến năm 1991 thì tôi đã đi hơn 20 lần. Trong ba năm mà chừng ấy chuyến công tác ! Nhưng nếu tính cho toàn thời gian 20 năm công vụ thì có nhiều nhận gì đâu !

Lần đó tôi hỏi một nhà báo trẻ về những người có tư tưởng đối lập ở Sài Gòn. Anh kể vài tên tuổi trong giới tôn giáo đang trong tù và "một người vừa được thả, có quan hệ với tổ chức Ân xá Quốc tế". Tôi muốn gặp nhân sĩ ấy nên anh bạn chở tôi đến nhà người quen để hỏi địa chỉ. Người này biết địa chỉ mà lại không quen. Điều đó có nghĩa là tôi phải tự tìm đến. Có sao đâu ! Tên anh là Nguyễn Đan Quế. Số nhà là 120/7 đường Nguyễn Trãi, quận 5.

Tôi biết ở Việt Nam mọi việc nên tiến hành vào sáng sớm, lúc đầu giờ. Nhưng thức dậy thì phải mặc quần áo, xuống bar ăn điểm tâm, trở lên phòng uống cà-phê, vẽ mắt, lập kế hoạch cho ngày, gọi điện thoại vô số chỗ nên khi đẩy cửa khách sạn bước ra ngoài thì đã quá Ngọ.

nước và thông tin để nước sử dụng chống nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam". Với qui định mơ hồ như vậy ai cũng có thể bị truy tố về tội gián điệp. "Nước ngoài" trong đa số trường hợp là một người sinh sống ở nước ngoài.

(7) Ông Trần Khuê bị quản chế từ tháng 9-2001. Điện thoại và Internet bị cắt. Điện thoại di động bị tịch thu thường xuyên, ông rất ít liên hệ với bên ngoài. Ngay cả liên hệ với Phạm Quế Dương tại Hà Nội cũng không thường xuyên.

(8) Trần Dũng Tiến ở đây bị coi như là một quân nhân thường trong khi ông từng là một đại úy đại đội trưởng quyết tử đầy thành tích, nhiều lần mang thương tích. Sự dũng cảm của ông được mọi cựu chiến binh biết tới và ngưỡng mộ.

(9) Chắc chắn là các tổ chức dân chủ và nhân quyền và lương tâm thế giới sẽ không bỏ rơi những con người dũng cảm này, cũng như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn, v.v. Hà Nội có dự trữ trước phản ứng của thế giới cũng không ngăn cản được.

Sài Gòn trưa đón tôi bằng một chiếc hôn dài nóng bỏng, thơm mùi lá dứa. Tôi nhắm mắt, ngất ngây. Mở mắt ra thì xung quanh cơ man nào là vé số, báo chí, kẹo bánh, hoa quả, gà sống của nhiều người bán bu lại. Hàng được gánh trên vai, đặt trong xe đẩy, cầm trong tay hoặc ôm vào bụng. Tôi đưa mắt tìm xích-lô. Có hai người đã quen trong mấy ngày ở khách sạn này. Họ neo xe chỉ vì tôi. Khách nước ngoài khác thì có xe hơi đưa đón, chẳng ai có chương trình tự do.



Nguyễn Đan Quế

"Cái đuôi" đã theo tôi ra ngoài. Đó là một thanh niên mặc sơ-mi trắng ngắn tay hồi này còn ngồi ở khu tiếp tân. Anh Krisevsky, phóng viên thường trú ở Hà Nội nói không sai. Người ngoại quốc được quan tâm theo dõi chu đáo, nhất là giới truyền thông. Tôi nói lớn với anh Sơn xích-lô:

- Đi chợ Bến Thành bao nhiêu ?
- Mười ngàn, thưa cô.

Nhân viên an ninh kia đã nghe và không có vẻ muốn đi theo vì không phóng vào sân để lấy Honda. Chiếc xích-lô được nghiêng xuống để tôi bước lên. Tiện chân hơn lên xe hơi nhiều lắm. Xích-lô Sài Gòn thiệt là quá đã ! Ngồi cao, gió mát. Tha hồ nhìn ngắm. Và thiên hạ cũng ngắm mình.

Tôi có tật không nhớ tên đường dù đã đi lại nhiều lần. Nhưng muốn biết thì không khó. Tên đường và số được treo biển trên mỗi nhà. Không như ở Mạc Tư Khoa tên chỉ được ghi ở hai đầu đường dài mướt chỉ.

Chợ Bến Thành đây rồi ! Anh Sơn nhất mực đòi đợi để đưa về nên tôi hẹn anh dưới một bóng râm rồi bưng bả đi vào cửa chợ. Hai giờ trưa, chợ vắng người mua. Bắt gặp cặp mắt tôi thì ai cũng tươi cười mời mua hàng. Tôi chợt nhớ phải kèm bước lại, đi cho thông thả. Người Việt thường đi chậm. Sánh bước với họ bên Mạc Tư Khoa tôi rất bức mình, đi gì mà chậm rì như cua lột. Nhưng nhập gia tùy tục. Ở đây mà bước nhanh thì không giống con giáp nào.

Tôi cũng nhớ để nặn ra nụ cười đáp lại các lời chào hàng. Người Việt rất hay cười. Dân Liên Xô thì lúc nào mặt mày cũng bí xị như bị mất phiếu mua đường. Còn chào mời khách mua hàng thì làm gì có ở nước tôi. Người bán chỉ mong khách đi luôn cho khuất mắt, không mắng cho mấy tiếng đã là may !

Tôi ghé mua chai rượu chát. Trả tiền hơi mỗi tay vì nhiều quá. Nhưng đúng thôi, của Pháp chánh hiệu con nai vàng. Ra khỏi chợ bên đường Lê Thánh Tôn thì mua thêm bó hoa.

Nóng quá ! Mồ hôi ra ướt áo. Chúng tôi dường như làm bằng sáp ong hay sao ấy ? Thêm một ly nước ngọt có ga. Uống lạnh thôi chứ đừng cho nước đá. Mấy cây nước đá đang nằm chình ình trước cửa quán đợi chủ kéo vô. Tôi không ngại mất vệ sinh đâu. Nhưng đá cục làm loãng nước, mất ngon.

Một nhóm trẻ bụi đời vây lấy tôi, tíu tít như bầy chim sẻ. Nghe tôi hỏi "muốn gì ?" thì cả bọn trợn mắt, á khẩu. Đưa nhanh nhẹn nhất liền chạy đi đâu đó lòi về một bé gái

đi chân đất, bảo rằng ngủ trưa dưới gốc cây bị chôm mất dép. Hỏi cần bao nhiêu ? Nói năm ngàn. Cho tiền cháu bé rồi thì tôi đón xích-lô, đưa mảnh giấy ghi địa chỉ ở đường Nguyễn Trãi.

Đường này trải dài trên hai quận 3 và 5, có đến hai chỗ mang số 120 nhưng bên cạnh không có hẻm. Anh xích-lô không chịu thua cứ đạp lòng vòng. Bảo hỏi khách trên đường thì anh không muốn nên tôi xuống xe tự đi tìm.

Tôi ghé vào hàng cà-phê lề đường để hỏi địa chỉ sau khi đã làm xong thủ tục bằng hai ly cà-phê đá và đen trên bộ bàn ghế nhỏ xíu như của người Chim Chích. Chủ hàng không biết số nhà ở đâu nhưng cho hay trong một hẻm không xa có nhà bác sĩ. Chi tiết anh Quế là bác sĩ không ngờ lại đắc dụng. Vậy mà lúc nghe người quen của bạn nói thì tôi cho là thừa, lắm cảm.

Ôm bó hoa và chai rượu đứng lên mới thấy đói làm sao! Quán phở ở gần đó nên tôi bước vào gọi một tô. Thấy tôi đưa mảnh giấy cho bồi bàn thì bà chủ chạy đến. Bồi và chủ đều há miệng nghe bà đầm nói tiếng Việt.

Bà chủ cho biết có hẻm 102 chứ không phải 120, trong đó có nhà của bác sĩ Nguyễn Đan Quế, ăn xong thì bà sẽ dẫn tôi đến. Hóa ra tôi hầy còn khờ. Cứ chú mục vào cái số nhà mà không chịu nói đi tìm ai. Ở Việt Nam thì con người được biết rõ hơn con số, ngược lại với bên Âu-Mỹ.

Không phải bà chủ mà ông chủ quán tranh làm hướng dẫn viên. Đi bộ thì chắc là gần vì nếu không thì ông đã điều ra chiếc Honda hoặc xe đạp. Bó hoa tôi để lại trong quán vì không còn tươi nữa. Chỉ còn chai rượu nên đỡ công kên. Tôi lót tót theo sau ông chủ quán, lòng mừng khắp khển. Ông ta cũng vui, thỉnh thoảng ngoái nhìn tôi mỉm cười, không biết rằng đây là trường hợp ngoại lệ nên tôi mới chịu đi sau. Chờ ở bên nước tôi thì đứng hòng, phụ nữ đi trước đàn ông mới là đúng điệu !

Một đám rước nhỏ diễn ra từ đầu hẻm đến tận nhà anh Quế. Lũ trẻ con chạy theo tôi hò reo tởm : Liên Xô, Liên Xô ! Còn chi là bí mật, bật mí rồi !

Ông chủ quán chỉ căn nhà có tấm biển đồng trên trụ cửa: Phòng mạch bác sĩ Nguyễn Đan Quế. Tôi cảm tạ bằng một bao thuốc lá ba số năm móc ra từ xác tay nhưng ông ta từ chối, tần ngần như cũng muốn gắp chủ nhà. Nhưng tôi kiên quyết đợi ông đi rồi mới bấm chuông.

Mới đó mà đã tối. Vào tối tháng 5-1990 này tôi được làm quen với anh Quế. Anh không tỏ vẻ gì ngạc nhiên trước nữ kỹ giả Liên Xô từ trên trời rơi xuống. Như đã biết nhau từ lâu. Nghe tôi muốn giới thiệu cho nước Nga các xu thế chính trị đối lập của trí thức Việt Nam thì anh rất hoan nghênh và bảo rằng : Tôi sẽ gây nên một cao trào ...

Chị Quế rất đẹp và duyên dáng, là ca sĩ Tâm Vấn một thời vang bóng. Hoa trên bàn tuyệt sắc. Rượu mơ tự ướp cực kỳ ngon.

Tôi hẹn ngày lấy tài liệu. Và đến sớm vì lên cơn đau gan, e rằng không đi nổi. Anh Quế chẩn bệnh, cho ba viên thuốc, một uống liền, hai để cho ngày hôm sau. Anh đã soạn tài liệu và đang mong tôi đến sớm. Đó là hai tập giấy quay ronéo, một bản tôi sẽ gửi cho bạn anh ở Canada ; nội dung bàn về tình hình quốc tế, quốc nội và đòi hỏi Đảng

Cộng Sản Việt Nam trả lại quyền tự quyết cho toàn dân.

Bài tiểu luận về "Cao trào Nhân bản" vừa được dịch và đăng trên báo *Moscow News* thì anh Quế bị bắt. Những lần đi Sài Gòn sau đó tôi đều đến căn nhà số 102/7. Vẫn hoa tươi và rượu mơ nhưng chỉ còn hai phụ nữ chúng tôi ngồi bên nhau im lặng.

Tháng 11-1991 vào ngày xử anh Quế và một thành viên của Cao trào Nhân bản, tôi tìm đến tòa án ở đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa vốn là đường Công Lý. Tôi đến sớm nên ngồi chờ trong căng-tin ở sân tòa án. Một xứ sở lạ lùng ! Hàng quán đâu cũng có. Và thi ca tràn ngập, xuất khẩu thành thơ.

Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý

Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do.

Đó là dư luận của dân Sài Gòn về việc đổi tên đường. Còn đây là lời than của một nữ giáo viên trên Sông Bé :

Dép râu dẫm nát đời con trẻ

Nón tai bèo che khuất nẻo tương lai.

Thân nhân của hai gia đình đã đến. Chị Quế cùng đi với ba người con riêng đã trưởng thành là các cháu Hương, Huy, Hoàng mà tôi cũng biết. Mười hai giờ trưa thì một chiếc com-măng-ca chạy vào sân, nhả ra hai người mặc đồ sọc, tay bị còng. Tôi xông vào ôm anh Quế. Anh nói khẽ: Rất tốt !

Khi hai bị cáo được dẫn vào phòng xử thì tôi bị mời ra ngoài ngồi đợi kết quả trong một phòng nhỏ với chiếc ly, ấm trà và một người giám sát ngoài cửa. Một nhóm nhà báo đi ngang qua phòng định tạt vào uống trà nhưng bị đuổi thẳng cánh. Tôi như con bệnh truyền nhiễm cần phải cách ly. Trong nhóm này có Kiên, từng công tác chung với tôi ở Ban tiếng Việt Đài phát thanh Mạc Tư Khoa, đang phụ trách mục Pháp luật trên Đài truyền hình thành phố. Thấy tôi ngồi trơ trong phòng, Kiên không hiểu gì cả, tưởng gặp ma, nhưng cũng kịp nói lớn một câu để tỏ rõ lập trường, không biết với ai ?

- Vụ án này chẳng có gì hay, một kẻ âm mưu phá hoại chế độ đấy mà !

Rồi anh Quế vào tù. Tôi không đi Việt Nam nữa. Khi anh về, bị quản thúc tại gia thì tôi có gọi điện thoại hàn huyên một lần, trước khi đường dây bị cắt.

Nay được tin anh lại bị bắt vì định ra Internet cà-phê để gửi tài liệu ra nước ngoài. Ôi, rõ khổ cho anh !

Không phải vì gặp tôi mà anh Quế mới nảy ra ý định lập Cao trào Nhân bản. Nhưng sao tôi cứ mãi ray rứt về điều này. Chỉ tạm yên lòng khi nhớ anh đã nói rằng : Rất tốt.

Thấm thoát đã 12 năm trôi qua kể từ ngày ấy. Tôi cũng tin rằng sẽ rất tốt cho 80 triệu con dân Việt Nam, nhưng không phải bây giờ.

Irina Zisman (Moscow, 11-5-2003)

Tìm đọc Thông luận và nhiều tiết mục khác trên internet :
<http://www.thongluan.org>

Thơ QUÊ HƯƠNG

Tặng các chị hữu Q.ML, P.NL, D.HL, .N.G.

Trôi dạt tận quê hương thứ ba
Mơ một ngày về quê hương thứ nhất
Mất mát nhiều, đâu còn gì để mất
Vốn lẫn lộn còn một chút quê hương
Em thì lưu lạc ở quê hương thứ hai
Cũng mơ như anh về quê hương thứ nhất
Của cải mang theo một chùm khế ngọt
Dẫu mấy xa cũng gói ghém trong lòng
Quê hương em năm tháng mỗi mòn
Bãi dứa nướng dẫu lở bồi đôi bên
Chiến tranh vừa yên bạo tàn ập đến
Khốn khó chưa qua đói khổ đã hoành hành
Ruộng đồng nhà quê lam lũ quanh năm
Nhất cuộc lưỡi cày dầm mưa dãi nắng
Em lớn lên chân bùn tay lấm
Lời mẹ ru cũng quá náo nùng
Em biết gì về nắng gió Miền Trung
Có biết gì quê anh trong ấy
Lầm lũi xa quê ra đi từ đây
Biên biệt tha phương nhuộm nửa cuộc đời
Đất nước mình sao chẳng một ngày vui
Vinh quang người này người kia tủi nhục
Trong tiếng cười thầm thì tiếng khóc
Trong lời ca nước mắt lưng tròng
Thù hận long trời lở đất vẫn chưa xong
Thắng bại đến tởm vẫn không lời hối hận
VẬY sao anh cứ mãi mong chín ngóng
VẬY sao em cứ khao khát thêm thường
...Ước gì ôm được quê hương
Vào lòng cho thỏa nhớ thương cõi lòng...
...Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay...
...Hát đi Hương, hát nữa đi Hương
Hát đi Hương... Lời ca dẫm đui
Hát đi Hương... Lời ca yêu thương
Hát nữa đi Hương... Mỏi tâm tay với
Quê hương thứ ba đang mùa nắng tới
Xin cảm ơn quê hương thứ hai
Cho ta bình yên tìm về quê hương thứ nhất
Chiều cuối xuân nhạt nhòa con nước
Củi cành kia trôi lạc đã bao dòng

Sông Là

(Hannover 29-05-2003)

Lê Chí Quang đã bị chuyển trại về nhà tù Ba Sao, tỉnh Hà Nam Ninh, từ ngày 20-12-2002. Mọi thư từ thăm hỏi và ủy lạo, xin gửi về : **Bà Nguyễn Thị Kim Chung**, 22 Phố Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Tự Do, Tốc Độ và Nguyễn Khắc Toàn

Tự do là tốc độ.
b.n.t

Ý tưởng ngộ nghĩnh vừa ghi, tôi "lượm" được trong một cuốn truyện của nhà văn Bùi Ngọc Tấn. Nếu bạn chưa bao giờ đi cải tạo, nghĩa là chưa bao giờ bị ở tù, và tuyệt nhiên không hề thấy giữa tự do và tốc độ có tí ti liên hệ gì với nhau thì xin cho tôi thêm vài phút để "diễn giải" chuyện này. Tôi bảo đảm là sẽ làm tới nơi, tới chốn.

Sinh hoạt trong trại cải tạo, nói chung, cũng gần tương tự như cuộc sống bên ngoài. Ở đâu thì chúng ta cũng đi, đứng, nằm, ngồi, leo, trèo, ăn, uống, ca, hát, nói, cười, than, khóc và - đôi khi - quì, bò, lăn, lộn, lê, lết... y hệt như nhau thôi. Chỉ riêng cái vụ chạy nhảy thì có khác, và rất khác.

Nhớ : đừng bao giờ mà chạy khi đang bị ở tù nha, cha nội. Lỡ vệ binh hay quản giáo tưởng rằng bạn có "ý đồ" chạy luôn thì bỏ mẹ, hay nói chính xác hơn là... bỏ mạng!

Thêm một chút dị biệt cần phải nói nữa là nhịp sống trong tù rất chậm. Không phải "chậm như rùa", như cách nói của đời thường, mà "còn chậm hơn tốc độ con sên..." nữa kia - theo lời Bùi Ngọc Tấn.

Và đó là lý do tại sao, ngay sau khi vừa được phóng thích (và may mắn được có người chở đi một quãng đường), Bùi ngọc Tấn đã sung sướng reo lên :

"Tự do là tốc độ.

Ngồi trên xe đạp đi trên con đường nhỏ, hai bên là rừng rậm, chỉ khoảng mười ki lô mét một giờ, hần thấy cây lá chạy vun vút về phía sau. Gió vù vù qua tai. Gió phạt hai bên má hần mát rượi...

Các cảm giác, gió, tốc độ, di chuyển ấy hần không bao giờ nghĩ đến, quên hần đi rồi, vụt đến quen thuộc, thân thiết và thích thú lạ thường. Cho mãi về sau này, cứ nghĩ đến ngày được tha, hần lại nhớ đến cảm giác gió ủa phạt qua hai má hần. Cảm giác ấy gắn liền với buổi sáng hần được ra tù nên nó là tự do. Năm năm. Phải hiểu cái tốc độ năm năm vừa qua của hần. Đó là năm năm xà lim và sáu tháng được ra buồng chung. Chỉ nằm một chỗ. Nằm trong một hộp bê tông. Ngồi. Nằm. Đứng. Ngồi. Nằm. Đứng. Bất rệp. Nhìn kiến tha cơm. Nói vọng sang với Đõ, người tử tù xà lim bên kia chờ ngày đem bản. Không nhìn thấy trời. Chỉ có cảm giác trời qua những nan chớp kéo xuống ở mái trần, có hàng song sắt to và dày. Không có một sự xáo động nào của không khí. Suốt ngày nhờ nhờ, đục đục. Rồi ba năm ở hai trại trung ương, có tốc độ đấy nhưng là tốc độ con rùa.

Hần đi làm. Mọi người đi làm. Đầu cúi, lê từng bước. Chậm chạp chỉ có lợi cho bọn hần. Thời gian đi đường là thời gian lao động. Đi nhanh ra chỗ làm làm gì. Lúc làm cũng vậy. Cả bọn ngồi xõm, mân mê từng lá cỏ và rút. Rồi sến sang chỗ khác, còn chậm hơn tốc độ con sên". (Chuyện Kể Năm 2000, Văn Nghệ, Hoa Kỳ 2000, 115).

Bây giờ thì tôi tin rằng bạn đã hiểu ra tại sao Bùi Ngọc Tấn lại trở nên hưng phấn quá cỡ, khi được ngồi trên một chiếc xe đạp chạy nhanh "chỉ khoảng mười ki lô mét một giờ" ! Sự ngưỡng mộ của ông, trước một thứ tốc độ (rất đáng đáng phàn nàn) như thế, khiến tôi nhớ đến hai câu thơ của Nguyễn Sa :

*Sài Gòn phóng Solex rất nhanh
Đôi tay hoàng yến ngủ trong gants*

(Tám Phố Sài Gòn)

Vélo Solex là một thứ xe gắn máy (rất) thô tả thường thấy ở Sài Gòn, vào đầu thập niên 1960. Nó đen đũi, thô kệch, nặng nề, và - tất nhiên - là chạy chậm rì à. Nhanh gì nổi, chớ nói chi đến "rất nhanh". Nó chỉ nhanh hơn xe đạp là hết sức.

Cũng như Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Sa quả là một người dễ tính.

Hai vị trí thức ưu tú tiêu biểu của hai miền, hai chế độ mà dễ dãi cỡ đó thì cỡ thường dân -tất nhiên- phải dễ chịu (hay dễ dãi) hơn nhiều. Mang cộng hết sự dễ chịu (hay cam chịu) của dân chúng cả nước với tốc độ (rất khiêm tốn) của xe đạp và xe Solex chúng ta có một quốc gia Việt Nam rất thiếu tự do. Tự do là tốc độ mà !

Và đó là chuyện đã qua, khi đất nước còn phân ly, chinh chiến. Đến bây giờ thì mọi chuyện cũng... y như vậy, hoặc - không chừng - còn dăm tệ hơn vậy nữa.

Nếu tình trạng lạc hậu hay tụt hậu tới cỡ đó mà xảy ra ở Miến Điện hay Lào (hai quốc gia hoàn toàn bị bao bọc bởi núi rừng) thì có thể giải thích được vì lý do địa lý. Rừng núi không thích hợp cho sự di chuyển của xe cộ nên người Miến và người Lào (thường) phải dùng voi. Voi đi rất chậm. Bởi vậy, dân chúng của hai xứ sở (mẹ rượt) này có rất ít tự do. Và thiếu tự do tức là thiếu dân chủ nên lạm quyền, tham nhũng, nghèo đói, bệnh tật, dốt nát, lạc hậu là những hệ quả tất yếu.

Chuyện hội họp, biểu tình, đốt cờ, đòi đất, đòi quyền đòi lập có thể xảy ra ở Miền nhưng tuyệt nhiên không có ở Lào hay ở Miến Điện. Ở Việt Nam - đương nhiên - cũng miễn có luôn, dù dân Việt không mấy ai di chuyển bằng... voi.

Nước Miền chỉ có một phần rất nhỏ đất đai tiếp xúc với biển mà còn được sống (tương đối) tự do và thoải mái. Việt Nam có tới...

Ba ngàn cây số biển xanh

Mà sao thiếu muối cho canh hàng ngày...

Như vậy à ? Lý do - tôi trộm nghĩ - có thể vì những người lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam (cái đảng đang nắm toàn quyền và độc quyền cai trị đất nước này từ hơn nửa thế kỷ qua) đều là những kẻ có một dĩ vãng rất dài sống lẩn lút trong hang, trong hầm hay bị nhốt ở trong tù. Nhịp sinh hoạt trong mấy chỗ này, đương nhiên, vô cùng chậm. "Còn chậm hơn tốc độ con sên" nữa kia, nếu vẫn nói theo kiểu Bùi Ngọc Tấn. Và điều này, chắc chắn, đã ảnh hưởng không ít đến quan niệm của họ về tự do nên liên tiếp trải qua mấy đời Tổng Bí Thư mà đất nước Việt Nam vẫn cứ... vậy vậy - thôi hà.

Đến khi Nông Đức Mạnh - một đảng viên cộng sản

thuộc thế hệ đến sau, thế hệ được nuôi dưỡng bằng lòng "trong lòng cách mạng", chứ không phải chui rúc trong hang trong hầm nữa - được lựa chọn làm Tổng Bí Thư thì cả thế giới (ít nhiều) đã đặt kỳ vọng vào ông ấy. Và cả thế giới đã thất vọng (nào nề) vì ông ấy.

Cuối năm 2001, một số nông dân Việt Nam - phần lớn là phụ nữ - từ nhiều nơi đã tụ tập về Hà Nội để kêu cứu về việc đất đai của họ bị cán bộ địa phương cướp đoạt. Đó là một việc làm (vô cùng) can đảm nhưng (hoàn toàn) vô vọng, theo như ghi nhận của David Brunnstrom, thuộc hãng tin Reuter - vào ngày 7 tháng 12 năm 2001 : "*The women protesters told reporters on Wednesday they had come to Hanoi in a fifth attempt to secure help from the government and communists Party leaders, but had been ignored*".

Và nếu họ chỉ bị phớt lờ (ignored) - như đã xảy ra nhiều lần trước đó - thì cũng huê thôi. Lần này, chả may, giữa đám nông dân ngơ ngác, dốt nát và những vị quan quyền cách mạng lạnh lùng, tàn bạo "bông" xuất hiện một người bồng quan tên là Nguyễn Khắc Toàn. Nhân vật này, nếu nói theo kiểu Nguyễn Đình Chiểu (trong *Lục Vân Tiên*) là một trang hảo hán. Lộ kiến bất bình, vung đao bạt tụy. Giữa đường thấy cảnh bất bằng mà tha. Sự can thiệp và lòng hào hiệp của ông được tường thuật như sau - bởi phóng viên Tâm Việt, của đài Á Châu Tự Do, vào hôm 31 tháng 12 năm 2001 :

"*Nhận thấy việc làm của họ mang nhiều ý nghĩa hy sinh mà không kết quả, ông Nguyễn Khắc Toàn, một cựu chiến binh đã từng tham gia trong chiến dịch Hồ Chí Minh xâm chiếm Sài-gòn, lúc bấy giờ 46 tuổi, bèn nảy ra ý đứng ra giúp đỡ họ bằng cách chỉ dẫn cho họ cách làm đơn, đi gõ cửa đúng chỗ cần gõ cũng như làm theo thủ tục tố tụng...*

Để việc làm của những người nôn dân này, trong đó có nhiều người là "mẹ liệt sĩ" hay thuộc gia đình có công với cách mạng, có tiếng vang, ông Nguyễn Khắc Toàn đã quay ra, bắt đầu từ hôm 16 tháng 12, 2001, làm những bản tin về những cuộc biểu tình này và tìm cách phổ biến đi khắp nơi, kể cả hải ngoại...

Sự kiện này, dưới mắt nhìn của ông Nông Đức Mạnh, bị coi là "dân chủ quá độ" - nếu nói theo nguyên văn lời của ông ta. Bởi vậy, những người tham dự biểu tình đều bị hăm dọa, xách nhiễu, hành hung hoặc giam cầm. Riêng ông Nguyễn Khắc Toàn, vào ngày 20 tháng 12 năm 2002, đã bị kết án mười hai năm tù và ba năm quản chế vì tội làm... gián điệp.

Cách ứng xử của ông Nông Đức Mạnh khiến ai cũng phải cau mày. Mọi người dường như đều quên bằng đi rằng dù không phải sống trong hang (trong hầm hay trong tù) như những vị Tổng Bí Thư tiền nhiệm, ông Mạnh có gốc gác của một người miền núi - nơi hoàn toàn không thuận tiện cho việc dùng xe, kể cả xe bò. Do đó, quan niệm về tốc độ cũng như về tự do của ông ta rất là giới hạn và rất gần với quan niệm của những vị lãnh tụ nước Lào hay Miến Điện.

Cũng như ông Mạnh, tôi là một người miền núi. Dù không tán đồng quan niệm tự do và dân chủ hẹp hòi của ông ấy, tôi tin rằng mình hiểu và thông cảm (phần nào)

cung cách hành xử thô bạo vừa rồi.

Nhưng riêng việc ông Nông Đức Mạnh (thản nhiên) kết án ông Nguyễn Khắc Toàn là gián điệp thì tôi hoàn toàn (và tuyệt đối) không thể hiểu. Tôi cũng "thông cảm" không nổi với sự dối trá trắng trợn của ông ta, dù đã rắng và rất rắng. Người miền núi không nói dối, không bao giờ, nói chi đến việc dựng chuyện hay ngậm máu phun người - một cách thô bỉ, hạ tiện và đáng khinh - như thế.

Có người cho rằng vì (quá) nặng tình với núi rừng nên tôi đã (quá) nặng lời với một người đồng hương - bất xứng như ông Nông Đức Mạnh. Những tội danh đại loại như "gián điệp", "móc nối với thế lực thù nghịch ở nước ngoài", "làm tay sai cho ngoại bang"... đều rất phổ biến trong mọi quốc gia cộng sản chứ có riêng chi ở Việt Nam. Ở Cu Ba, ở Bắc Hàn hay ở Trung Cộng (bây giờ) thiếu gì những tù nhân bị gán cho những tội danh tương tự. Thực ra, ông Mạnh đâu có nói láo, ông ấy chỉ nói theo tập quán và thói quen (chuyên môn chụp mũ) của một đảng viên cộng sản - thế thôi. Điều cần phải quan tâm là bản án quá dài mà ông Nguyễn Khắc Toàn vừa phải lãnh chịu kia.

Lo ngại như vậy, nói xin lỗi nha, tôi e là không được thức thời đâu. Thời buổi này không còn chỗ cho những kẻ di chuyển bằng Solex hay xe đạp, chớ đừng nói chi đến chuyện đi voi - như cái kiểu của ông Mạnh và đồng đảng. Tự do là tốc độ mà, mấy cha. Và tự do là xu thế bất khả cưỡng của thời hiện đại. Cái chế độ phản tiến hóa hiện tại ở Việt Nam làm sao tồn tại được mười hai năm nữa mà chúng ta phải bận tâm đến chuyện dài/ngắn trong bản án Nguyễn Khắc Toàn.

K' Tien (San Jose)

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

(tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tai Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Giá một năm báo là 33 Euros. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá một năm báo là 33 Euros. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 00 77 70 82 94 - Bankleitzahl : 50 19 00 00.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Giá một năm báo là 33 Euros. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 40 USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : qml@juno.com

Tại Úc : Sơn Dương, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 60 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (Báo Thông Luận).

Văn hóa và sự giàu mạnh của các nước :

Trường hợp Hoa Kỳ, Xứ Đàng Trong và Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Tôn Thất Thiện

Một câu hỏi quan trọng

Trong thời gian qua, tôi được may mắn đọc một tác phẩm của bà Li Tana, một học giả quốc tịch Trung Hoa, gốc Mông Cổ, mang tít *Xứ Đàng Trong : Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18* (1). Đây là một luận án tiến sĩ được xuất trình tại Đại Học Quốc Gia Úc năm 1992. Chủ đề của luận án này là trong hai thế kỷ XVII và XVIII, ở Xứ Đàng Trong, giang sơn của các chúa Nguyễn, đã xuất hiện không những một quốc gia, mà một nền văn hóa mới, mang bản sắc đặc biệt. Nhờ đó mà Xứ Đàng Trong không những đã vững chắc về chính trị, mà còn hùng cường về binh lực và phong phú về kinh tế, đủ sức để một mặt đương đầu với chúa Trịnh phía bắc, đất đai rộng lớn hơn, dân số đông hơn, tài nguyên nhiều hơn, và mặt khác mở rộng biên giới Việt Nam đến Châu Đốc, Hà Tiên, Cà Mau.

Tôi sẽ trình bày quan điểm rất mới lạ này về lịch sử Việt Nam chi tiết hơn ở đoạn sau. Ở đây tôi muốn đề cập trước đến phản ứng của tôi về quan niệm mới mẻ trên đây, là: liên quan giữa sự tạo ra một văn hóa mới và sự giàu mạnh của quốc gia. Muốn giàu mạnh một quốc gia phải chấp thụ một văn hóa mới. Nhưng thế nào là "mới" ?

Tôi đang suy ngẫm về những mối manh của quan niệm trên đây thì xảy ra vụ tranh cãi lớn ở Hội Đồng Bảo An của Liên Hiệp Quốc về vấn đề dùng binh hay không dùng binh chống Iraq. Cuộc tranh cãi không đi đến đâu vì Hoa Kỳ, bất chấp việc không được sự đồng thuận và yểm trợ của Hội Đồng, quyết định dùng binh để lật đổ chính quyền Saddam Hussein.

Các quốc gia không ưa thích Hoa Kỳ, các bình luận gia và các giới "cách mạng", phản chiến, thiên tả, "politically correct", xoa tay, mỉm cười, nghĩ rằng mình lại có dịp la ó, hô khẩu hiệu, biểu tình, tố cáo, chống đối Hoa Kỳ trong một vụ Mỹ bị "sa lầy ở Việt Nam" nữa. Nhưng, tuy Hoa Kỳ chỉ gom được một liên minh nhỏ, trong đó chỉ có Anh là cường quốc, với một số quân tương đối nhỏ (250.000, so với 700.000 lúc đánh Saddam năm 1991, và 500.000 ở Việt Nam), họ đã thanh toán chế độ Saddam chỉ trong có ba tuần, và tổn thương dưới 150 binh sĩ... Về tổn phí, cuộc hành quân chưa tiêu đến 20 tỷ đô la, trong số 80 tỷ - sơ khởi - mà Quốc Hội Mỹ đã cho phép chi tiêu cho cuộc chiến.

Hoa Kỳ đã thành công toàn diện và chớp nhoáng nhờ có lực lượng hùng mạnh, nhất là về không quân và các loại khí giới tối tân mà chỉ có Hoa Kỳ mới có đủ khả năng kỹ thuật và tài chính để chế tạo. Nghĩa là Hoa Kỳ đã chứng tỏ rằng mình mạnh hơn tất cả các quốc gia khác, và giàu hơn tất cả các quốc gia khác. Đây là một dữ kiện buộc mọi người phải suy ngẫm, và tìm hiểu tại sao có sự kiện này?

Về mặt rộng lớn và tài nguyên, Hoa Kỳ không hơn gì

các quốc gia như Nga, Trung Hoa, Brasil, Canada. Diện tích Hoa Kỳ là 9,3 triệu km², so với Nga (17 triệu), Canada (9,9 triệu), Trung Quốc (9,5 triệu), Brésil (8,5 triệu). Về dân số thì Hoa Kỳ chỉ có 283,2 triệu người, so với Trung Quốc (1.275 triệu), Ấn Độ (1.008 triệu). Nhưng về GNP thì Hoa Kỳ bỏ xa các quốc gia khác với 9.837 tỷ đô la, so với Trung Quốc (1.873 tỷ), và các quốc gia dẫn đầu Âu Châu như Đức (1.873 tỷ), Pháp (1.294 tỷ), và rất xa Nga (251,1 tỷ).

Nói tóm lại, trong tình trạng hiện tại, về quân sự, cũng như về kinh tế, tại sao các quốc gia trên đây lại thua Hoa Kỳ xa vậy, và dù tất cả có liên minh với nhau, cũng vẫn thua. Hoa Kỳ hiện nay là quốc gia giàu mạnh nhất thế giới. Tại sao ? Một câu hỏi cực kỳ quan trọng.

Văn hóa Mỹ hướng về tương lai

Giải đáp cho câu hỏi đã đến với tôi rất rõ nhờ sự hội tụ của hai sự kiện : tác phẩm của bà Li Tana, và một câu trong bài "Iraq : chiến tranh hay nhân đạo ?" (*Thông Luận*, tháng 4, 2003) của anh Nguyễn Gia Kiểng. Về bà Li Tana thì xin đề cập đến sau. Ở đây, xin nói đến đóng góp của anh Kiểng. Trong bài của anh có câu : "Trước đây, quốc gia được định nghĩa như một *quá khứ* chung, ngày nay quốc gia chủ yếu là một *tương lai* chung. Một diễn viên *mới* đã xuất hiện và chiếm trung tâm của sân khấu : cá nhân... Đó là nền tảng của một trật tự thế giới *mới*..." (*chữ viết nghiêng là do chính tôi, T.T.T., nhấn mạnh*)

Sự thực hiện ra trong đầu tôi như sau : so với Hoa Kỳ, các quốc gia Âu châu, là những quốc gia được coi như tân tiến hạng nhất của thế giới, đã không tiến được vì *người Âu châu hấp thụ một văn hóa nặng về phần bảo tồn quá khứ*. Hoa Kỳ đã vượt tới được vì *người Mỹ chấp thu một văn hóa hướng về tương lai*. Bí quyết của phát triển, tiến bộ ngày nay là đó. Quá khứ là cái neo, có tác động rì chiếc tàu lại, trong khi tương lai là động cơ, có tác dụng đẩy chiếc tàu đi tới.

Dân nước Mỹ có một cách nhìn đời, nhìn sự vật, nhìn người, xử sự, đặc biệt: họ quay lưng cho quá khứ, và hướng mặt về tương lai. Họ không bịn rịn về quá khứ, không muốn vướng mắc với quá khứ, vì họ là dân di cư, đã đoạn tuyệt với quá khứ, để tìm, để dựng cho mình một cuộc đời mới, tốt hơn, đẹp hơn. Mà cuộc đời mới hơn, tốt hơn, đẹp hơn đó chỉ có thể ở phía trước họ, ở tương lai. Phần khác, là dân di cư có quá khứ khác nhau, họ không thể xây dựng một quốc gia trên căn bản của một quá khứ chung được, mà chỉ có thể ý thức quốc gia như một tương lai chung, một tập hợp mới.

Cho nên người Mỹ có tiếng là ít trọng lịch sử, không

thích nói về chuyện đã qua. Họ chú trọng hơn về hiện tại và nghĩ đến tương lai, chuyện sắp tới, tìm cái mới, làm cái mới.

Trong khi đó, người Âu châu (cũng như Á châu) cứ tự đắc về "văn minh cổ xưa" của họ. Họ rất chú trọng đến lịch sử, và không ngớt ca ngợi "thành tích" của người xưa và thời xưa. Thái độ này thâm tóm trong danh từ "cổ kính" : cái gì "cổ" là đáng "kính". Danh từ Pháp "ancien" (khác với "vieux"), và Anh "ancient" (khác với "old") có nghĩa đó.

Tất nhiên không phải cái gì xưa, cổ cũng xấu, và nên vất đi. Nhưng điều cần ghi ở đây là "thành tích" của người xưa là những giải đáp hay, tốt, thích hợp cho những vấn đề, và với những kiến thức và phương tiện về thời của họ. Mỗi giai đoạn lịch sử có những vấn đề mới, đòi hỏi những giải đáp mới, dựa trên những tri thức và những phương tiện mới. Nước Mỹ đã vượt xa các quốc gia khác vì người Mỹ đã lấy lối tiếp cận này làm nguyên tắc chỉ đạo tư tưởng và đời sống hàng ngày của họ.

Xứ Đàng Trong cùng thái độ

Thái độ trên đây cũng là thái độ của dân Xứ Đàng Trong trong hai thế kỷ XVII và XVIII dưới sự cai trị của các chúa Nguyễn.

Theo bà Li Tana, trong hai thế kỷ XVII và XVIII, ở Xứ Đàng Trong không những đã xuất hiện không những một quốc gia, mà *một nền văn hóa mới, mang bản sắc đặc biệt, khác với nền văn hóa cổ truyền phổ thông ở Đàng Ngoài*. Ở miền đất phía nam Núi Hoành Sơn, "vùng đất rời rạc nhất thế giới... phủ đầy rừng rậm, và bao gồm một số vùng định cư biệt lập với nhau", họ Nguyễn đã thiết lập và duy trì được một quốc gia thống nhất, và người Việt đã tạo dựng được một quốc gia Việt Nam khác : họ đã có cơ hội để phát triển linh hoạt về mặt văn hóa, tạo nên những truyền thống mới.

Theo Bà Li Tana, Miền Nam không những là một thực thể khác Miền Bắc về mặt chính trị, kinh tế và xã hội, mà lại có những điểm riêng biệt làm cho nó có một nền văn hóa rất khác với văn hóa cổ truyền. Bà nói rằng một số nhà viết sử Việt Nam có khuynh hướng hạ giá lịch sử Đàng Trong, và vương quốc họ Nguyễn thường được xem như "một biến thể có tính địa phương của triều Lê và của nền văn hóa theo Nho giáo" không khác Đàng Ngoài mấy. Người ta có khuynh hướng bàn về một nước "Đại Việt" duy nhất với những " nét đặc trưng chung của Việt Nam ngay cả vào các thế kỷ 17 và 18", nhưng sự thực hoàn toàn khác.

Bà viết : "Khi người Việt ở phía nam chấp nhận những cái tên mới họ đặt cho hai miền - vùng ở "trong" (Đàng Trong), chỉ vùng đất của họ và vùng ở "ngoài" (Đàng Ngoài) chỉ phía bắc, thì rõ ràng đã có sự khác biệt giữa hai miền nam, bắc. Sự khác biệt này mang ý nghĩa quan trọng: từ nay, sẽ có hai cách thức làm người Việt Nam khác nhau... đây là một thay đổi căn bản và đầy ấn tượng trong lịch sử Việt Nam. Về tầm quan trọng, sự kiện này có thể sánh với việc Việt Nam giành được độc lập từ tay Trung

Hoa vào thế kỷ 10... về bản chất, đây là một sự kiện đã dẫn đến thành lập một hệ thống nhà nước mới và một nền văn hóa mới phần thịnh... vào thời đó, không chỉ có hai nước "Đại Việt" mà còn có thể nói, vương quốc ở phía nam có những điểm riêng biệt làm cho nền văn hóa Việt Nam trong tương lai xa thêm phong phú rất nhiều".

Có tình trạng trên đây là do khí lực và sức sống của Đàng Trong nảy sinh trực tiếp từ óc thực dụng và mềm dẻo của các người Việt di dân. Những người này đã *"sẵn sàng coi nhẹ những khía cạnh của tập tục và truyền thống tuy vẫn còn ý nghĩa đối với người dân ở phía bắc, nhưng không còn thích hợp tại vùng đất phía nam nữa"*.

Nói đến "tập tục và truyền thống" là nói đến Khổng giáo. Nhưng, bà Li Tana giải thích, các chúa Nguyễn không thể dùng Khổng giáo làm căn bản cai trị được, vì "khẳng định cơ bản của Khổng giáo trực tiếp mâu thuẫn với vị trí của họ Nguyễn bị coi là một chế độ ly khai và nổi loạn đối với triều đình". Ta nên nhớ là căn bản tư tưởng Khổng giáo là tôn trọng "chính thống", "tôn ty trật tự", "tam cương" (trong đó "trung quân" chiếm hàng đầu), và trong một quốc gia Khổng giáo, phiến loạn, hay chỉ bị nghi là có ý phiến loạn, chống đối triều đình, là "trọng tội", tội nặng nhất dẫn đến không những tử hình cho cá nhân đương sự, mà đến cả "tru di tam tộc". Thái độ của các chúa Nguyễn, từ Nguyễn Hoàng trở xuống, không thể nào thích hợp với Khổng giáo được.

Phần khác, dân Xứ Đàng Trong là dân từ nhiều vùng, nhiều gốc, nhiều loại, khác nhau. Như giáo sư Phan Khoang viết trong tác phẩm *Xứ Đàng Trong 1558-1777* (Sài Gòn, 1967) : "Nhân dân Thuận Hóa bấy giờ [lúc Nguyễn Hoàng đến Thuận Hóa] gồm những thành phần rất phức tạp. Ngoài những người chăm lo cày cấy, làm ăn, còn những người theo họ Mạc, khuấy động cho nhà Mạc, những người tù đầy, những du đảng, phiêu lưu, từ các miền Nghệ, Thanh hoặc xa hơn nữa, xâm nhập qua thời đại, đi tìm may mắn ở miền đất mới, những quan quân bất mãn họ Trịnh hoặc bị lầm lỗi bỏ chạy vào nam, những thổ hào, thổ tù cường ngạnh, những nhiều lương dân, những người Chàm còn ở lại".

Sẵn sàng thay đổi

Như bà Li Tana nhận xét, những phần tử trên đây, tuy nguồn gốc khác nhau, nhưng có một điểm chung: đối với họ, miền nam là "mảnh đất của những giấc mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn, là một ngõ thoát". Họ là di dân, đến một vùng đất mới, muốn thử một vận hội mới, quyết định xây dựng một cuộc đời mới tốt hơn là những gì cũ mà họ đã dứt khoát bỏ lại đàng sau họ. Họ là những người sẵn sàng di chuyển và thay đổi, không chịu gò bó, dễ dàng bỏ cái cũ, chấp nhận cái mới. Những người này ít bị ràng buộc bởi những gò bó của một địa vị xã hội cao và những quy định trong cách ứng xử của xã hội cũ nên *được tự do phát huy sáng kiến* khi họ liên tục tiến xuống phía nam. Sự phát triển xuống phía nam này đã tạo một vùng đất trên đó

Khổng giáo, ý thức hệ đã chiếm địa vị thống trị ở bắc triều, không được đề cao, thậm chí, về căn bản, hầu như không được biết đến.

Phần khác, những người dân di cư gốc Việt phải hòa đồng với những người dân sở tại gốc Chăm, gốc Thượng, gốc Miên, và dân di cư gốc Trung Hoa, và mọi người đều ý thức rằng một tập hợp như vậy không thể có một quá khứ chung, mà chỉ có thể có một tương lai chung. Do đó, văn hóa của họ là một văn hóa hướng về tương lai.

Song song với tình trạng trên đây, các chúa Nguyễn áp dụng một chính sách đối ngoại và ngoại thương cởi mở. Không những các chúa không áp dụng chính sách "bế quan tỏa cảng", mà còn khuyến khích giao dịch với ngoại quốc. Thương mại với Đông Nam Á được mở rộng. Thuyền buôn của Đàng Trong qua lại buôn bán với Manila, Batavia, Cao Miên, Xiêm. Thương mại với Tây Phương thực hiện qua trung gian thương nhân Trung Hoa. Các công ty thương mại của người Hoa ở Quảng Đông và thuyền của họ cung cấp cho tàu Âu châu các sản phẩm của Việt Nam và cung cấp cho Việt Nam hàng Trung Hoa và sản phẩm của Âu châu mà Việt Nam cần. Một điều cần nhấn mạnh ở đây là: Phủ Chúa không nắm độc quyền, mà hàng hóa được trao đổi tự do và hàng ngày tại các thị trường địa phương.

Khuyến khích ngoại thương không những mang lại lợi ích cho chính quyền, mà còn là một nguồn thịnh vượng chung. Nhờ có giao dịch với ngoại quốc các chúa Nguyễn có được khí giới, vật liệu - đại bác, súng tay, thuốc súng, đồng, v.v... - giúp họ chống lại quân Trịnh hữu hiệu, mà nhờ thâu được thuế nhiều, họ còn giải quyết được vấn đề tài chính của một chính quyền mới ở trên một mảnh đất chưa được khai phá. Phần khác, nhờ buôn bán tự do, và được tham gia, dân thường cũng được hưởng những lợi ích mà ngoại thương mang lại : có hàng hóa để dùng, có thị trường để tiêu thụ hàng hóa sản xuất.

Ngoại thương phát đạt, tất kinh tế cũng phát đạt, và mức sống của dân Đàng Trong cũng rõ ràng cao hơn Đàng Ngoài. Bà Li Tana ghi nhận : so sánh mức sống tại Đàng Ngoài với mức sống tại Đàng Trong, thấy sự khác biệt giữa hai vùng phải là lớn. Bà trích dẫn Lê Quý Đôn, nhận xét rằng : Đàng Trong đã quen thuộc với những thứ hàng không thuộc loại thông thường, và dân Đàng Trong phong phú... dân gian cũng mặc áo đoạn... lấy ảo vải mốc làm hổ thẹn, "coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, xa xỉ rất mực".

Tình trạng kể trên chấm dứt với cuộc nổi loạn Tây Sơn, và sau đó, khi đánh bại được quân Tây Sơn, lập lại và mở rộng uy quyền họ Nguyễn, chúa Nguyễn Phúc Ánh xưng đế trên toàn cõi Việt Nam. Nhưng vì bị vụ nổi loạn của Tây Sơn, nghĩa là đảo lộn quyền uy, trật tự xã hội, vua Gia Long và các vua kế tiếp loại bỏ những chủ trương đã mang lại giàu mạnh cho Đàng Trong mà các chúa trước đã theo đuổi trong hai thế kỷ, để đi ngược lại, quay mặt về quá khứ - sùng Khổng, bế quan tỏa cảng - làm suy yếu đất nước, với những hậu quả tai hại, mà mọi người đều biết.

Nhưng đường lối mà vua Gia Long và các vua kế tiếp lựa chọn - quay mặt về quá khứ - lại là đường lối mà Đàng

Cộng Sản Việt Nam đang theo đuổi hiện nay.

Đảng Cộng Sản Việt Nam hướng về quá khứ

Trong ngôn ngữ thường dân, "cách mạng" có một nghĩa khá đặc biệt. Các ông Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn An Ninh, v.v... thường được liệt vào hàng "cách mạng". Ở đây, "cách mạng" có nghĩa là gan dạ, làm chuyện mà ít ai dám làm : đòi độc lập cho Việt Nam, thách thức chính quyền Pháp.

Nhưng Đảng Cộng Sản Việt Nam hiểu "cách mạng" theo một nghĩa khác. Theo nghĩa này, "cách mạng" là đổi đời, bỏ cái cũ theo cái mới. "Cách mạng" đây phù hợp với quan điểm quay lưng cho quá khứ, hướng mặt về tương lai, bỏ cái cũ, lấy cái mới. Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tự hào là một đảng "cách mạng". Cho nên, nói rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam hướng về quá khứ thì cũng khá ly kỳ.

Nhưng trong thực tế, và căn cứ trên thực tại ở Việt Nam từ 1975 đến nay, mà ai cũng biết, Đảng Cộng Sản Việt Nam là một đảng luôn luôn quay mặt về quá khứ. Họ chủ trương "kiên trì" chủ nghĩa Mác-Lê, triệt để giữ cho Mác-Lê "trong sáng", bám sát Cách Mạng tháng 10. Chủ thuyết Mác, đưa ra năm 1848, nay đã cũ rích rồi, và không còn phù hợp với những biến chuyển đã xảy ra trên thế giới hơn 150 nay. Thời nay không phải là thời của xe ngựa, hay những những nhà máy tối tăm, thiếu không khí, của dân chúng bệnh hoạn không được săn sóc, mất việc chỉ chờ chết đói, v.v... Chủ thuyết Lê-nin, đưa ra cách đây một thế kỷ, chẳng còn hiệu nghiệm nữa, vì tư bản đã đổi thay rất nhiều, và lại được công nhận là tiến bộ hơn chủ nghĩa xã hội, theo nhận xét của chính những đảng viên kỳ cựu như Nguyễn Khắc Viện và Nguyễn Kiên Giang. Còn Cách Mạng tháng 10, thì nó đã tiêu ma với sự tan rã của Liên Bang Xô Viết và sự giải thể của Đảng Cộng Sản Liên Xô năm 1991. Chủ nghĩa cộng sản ngày nay chỉ là một đồng gạch vụn.

Nhưng cứ mỗi 5 năm, Đảng Cộng Sản Việt Nam lại họp đại hội, tuyên bố "kiên trì" với chủ nghĩa Mác-Lê trong sáng (nghĩa là của những năm 1848 và 1905), lấy nó làm kim chỉ nam cho tư tưởng cũng như cho hành động của Đảng, và theo dạn dò của "Bác", vẫn bám chặt Cách Mạng tháng 10 (năm 1917), chăm chỉ nghiên cứu học hỏi, bắt chước kinh nghiệm Bôn-sê-vích, nghĩa là tìm sự thực và một lối đi cho họ và cho xứ sở trong một đồng gạch vụn, thay vì nhìn tới, hướng về tương lai, sử dụng cái máy tàu, thay vì cái neo.

Với tình trạng trên, như anh Nguyễn Gia Kiểng soi sáng trong "Tiến tới một văn hóa tổ chức" (*Thông Luận*, tháng 5, 2003), những "thay đổi" mà nhiều người cho là đã xảy ra ở Việt Nam trong thời gian qua không bảo đảm được đà tiến sẽ giữ được trong một thời gian lâu, vì chính quyền cộng sản dùng mọi cách để ngăn chặn đà tiến của dân tộc Việt Nam. Dân chúng phải vật lộn với chính quyền cộng sản để tiến. Trong cuộc vật lộn này, dân chúng Việt Nam tiêu biểu cho ý chí hướng về tương lai, trong khi Đảng Cộng Sản Việt Nam tiêu biểu cho ý chí hướng về quá khứ. Thật

là mả mai !

Tôi muốn kết thúc bài này với một nhận xét về một tư tưởng mới, mà anh Nguyễn Gia Kiểng đã đưa ra trong bài vừa dẫn trên : cần tiến tới một "văn hóa tổ chức". Thật ra, văn hóa tổ chức này là một phần, trong nhiều phần khác cần nhận diện và phát huy ra, của văn hóa hướng về tương lai, nguyên do của sự giàu mạnh phi thường của Hoa Kỳ ngày nay, và cũng đã được lãnh đạo Xứ Đàng Trong áp dụng với kết quả tương tự trong hai thế kỷ XVII và XVIII.

Tôi đã viết dài dòng về giai đoạn các chúa Nguyễn, vì nó nhắc nhở chúng ta rằng trong tư tưởng Việt Nam, trong tâm lý dân gian Việt, đã có quan niệm : muốn giàu mạnh phải chấp nhận một văn hóa hướng về tương lai. Nay chỉ cần áp dụng nó thôi. Mà điều này rất cần thiết vì trong tình trạng hiện tại của Việt Nam, với dân chúng hai miền Nam, Bắc, phân ly trong 200 năm thời Trịnh-Nguyễn, lại thêm cuộc chiến "quốc-cộng" với lãng mạ, chém giết, thù hận nhau trong nửa thế kỷ nay, không thể tạo dựng một quốc gia giàu mạnh trên căn bản của một quá khứ chung, mà chỉ có thể xây dựng một quốc gia giàu mạnh trên căn bản một tương lai chung.

Những dữ kiện trình bày trên đây cho thấy rõ rằng những vấn đề lớn hiện nay của xã hội Việt Nam - hòa giải dân tộc, dân chủ đa nguyên, phát triển, hiện đại hóa - chỉ có thể giải quyết một cách hữu hiệu trong khung cảnh của những cố gắng suy nghiệm, tìm tòi, với thiện chí tối đa, áp dụng một cách tiếp cận mới, khách quan, trong tinh thần xây dựng, nhằm nhận diện những khuyết điểm của người Việt, đề nghị những thay đổi cần thiết nhằm tạo ra một văn hóa mới, để cho xã hội Việt Nam có khả năng đáp ứng được những đòi hỏi của hiện đại, và không tê liệt trước những biến chuyển trong tương lai.

Tôn Thất Thiện

(Ottawa, tháng 5, 2003)

(1) Luận án Tiến sĩ tại Đại Học Australian National University, do Nguyễn Nghi dịch. Nhà Xuất Bản Trẻ, Sài Gòn, 1999. Bán tại Nhà Sách Nguyễn Huệ, 40 Nguyễn Huệ, Quận 1, Sài Gòn. Tít tiếng Anh là : *The Inner Region: A Social and Economic History of Nguyen Vietnam in Seventeenth and Eighteenth Centuries*, 1992.

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định rằng tình hình Việt Nam đã gần chín muồi cho một chuyển biến hòa bình về dân chủ. Áp lực dân chủ hóa đang gia tăng nhanh chóng, chẳng bao lâu sẽ buộc chính quyền cộng sản phải nhượng bộ để tránh sụp đổ trong hỗn loạn. Trong cuộc vận động để gia tăng áp lực dân chủ hóa và để xây dựng mặt trận dân chủ, cộng đồng người Việt hải ngoại có vai trò chiến lược quyết định và cũng có khả năng để đảm nhiệm vai trò đó. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định rằng đấu tranh để buộc chế độ cộng sản phải chấp nhận bầu cử tự do là một cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ thắng lợi và trong đó những người dân chủ Việt Nam dù ở trong hay ngoài nước đều có vai trò quan trọng như nhau". (trích *Thành Công Thế Kỷ 21*, phần tóm lược, tr. 139).

Nên xét lại ?

Phạm Việt Vinh

Sau sự vấp ngã- có thể nói là thất bại của một vài tổ chức muốn "dân chủ hóa Việt Nam" thông qua con đường bạo lực, cương lĩnh của hầu hết các hội đoàn chính trị của người Việt hải ngoại hôm nay đều xác định vai trò "đồng minh" và "hỗ trợ" phong trào dân chủ trong nước. Đành rằng, tiến trình dân chủ sẽ phải được phát sinh và phát triển tại Việt Nam, nhưng hình như, lý luận dẫn đến việc chỉ đảm nhận trách nhiệm "phụ trợ" của các tổ chức dân chủ hải ngoại còn quá đơn giản, và cần phải được xét lại một cách kỹ càng hơn, khôn ngoan hơn.

Tại đây, hình như, hai câu hỏi :

1. Thực chất, phong trào dân chủ trong nước có cần đồng minh hay không ?
2. Trong cuộc đấu tranh dân chủ hóa đất nước, những cố gắng "hỗ trợ" từ hải ngoại có là đủ hay không ? vẫn chưa được trả lời thỏa đáng và khoa học.

Đối với câu hỏi thứ nhất, đã có rất nhiều ý kiến minh định - thậm chí của cả nhiều chiến sĩ dân chủ trong nước. Nhưng có lẽ, việc đảm lãnh những nhiệm vụ như : ủng hộ và bảo vệ những người tranh đấu cho dân chủ tại Việt Nam, trao đổi và truyền bá thông tin, vận động dư luận quốc tế, tuy không mấy dễ dàng, vẫn còn quá dễ dãi ; và thực tế ngày hôm nay cho thấy, vẫn không mang lại những kết quả đáng mong muốn. Đã đến lúc những người dân chủ Việt Nam tại hải ngoại phải nghiêm túc xem lại tình hình, nhìn kỹ lại bản thân mình, để đưa ra và thực thi những sách lược đấu tranh mới hợp lý hơn. Việc tự hào, thỏa mãn với những kết quả còn hết sức hạn chế đã đạt được, sẽ làm cho phong trào dân chủ hải ngoại mòn mỏi và có thể, sẽ bị đẩy ra bên lề lịch sử của dân tộc. Vì lẽ đó, những ý kiến sơ khai được nêu ra dưới đây-sẽ tập trung vào câu hỏi thứ hai và ít nhiều mang tính khiêu khích, xin được tiếp cận vấn đề theo góc độ khác, để dẫn đến nhận định rằng : "đồng minh", "hỗ trợ" là chưa đủ, phong trào dân chủ tại hải ngoại có khả năng, và cần phải đảm lãnh những trách nhiệm lớn hơn !

Thực ra, khi xem xét sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu, điều dễ nhận thấy là sự tan vỡ của các nhà nước cộng sản hầu như không phải là do tác động từ bên ngoài. Từ phía Phương Tây, tất cả những chiến lược chuyển tải thông tin, gây sức ép ngoại giao, kinh tế,... kể cả chủ đích chạy đua vũ khí nguyên tử, chinh phục vũ trụ làm hao tổn sức lực của Liên Xô cũ và đồng minh, đã chỉ đóng những vai trò hết sức gián tiếp. Trong khi đó, những tổ chức đối lập Đông Âu tại hải ngoại (thường được gọi là lưu vong) hầu như không có, hoặc nếu có thì cũng hết sức mờ nhạt, yếu ớt. Tác dụng đến tiến trình thay đổi chính trị trong nước của họ rất nhỏ bé. Tìm nguồn gốc hiện tượng này của lực lượng dân chủ Đông Âu lưu vong là một sự không mấy dễ dàng.

Đối với Liên Xô cũ, sau cuộc Cách mạng Tháng mười năm 1917, và nhất là sau thời kỳ nội chiến kéo dài tới 1922, 1924, những người bảo hoàng và các nhà dân chủ tư sản đa số bị tiêu diệt, còn một bộ phận nhỏ phải chấp nhận cuộc sống lưu vong, trở thành lực lượng chống đối tại hải ngoại, trong đó, xu hướng bảo hoàng còn rất mạnh. Cuộc thế chiến thứ hai 1939-1945 và khuynh hướng toàn cầu sau đó, đặc biệt là thời gian dài đằng đẵng từ 1917 cho đến khi Liên Xô bắt đầu có biến đổi vào giữa những năm 80 đã làm kiệt cạn sức lực của những người chống Xô Viết hải ngoại. Tình hình cũng tương tự như vậy đối với những tổ chức chính trị lưu vong của các nước Đông Âu khác.

Khoảng thời gian gần 40 năm cùng với sức nặng - ít nhất là về mặt hình thức - của hệ thống xã hội chủ nghĩa lúc đó đã làm cho họ hầu như hoàn toàn gãy cánh. Kết quả là sự thay đổi tại Đông Âu đã chỉ còn trông chờ vào sức mạnh của lực lượng dân chủ trong nước. Cho đến ngày hôm nay, trong tất cả các tài liệu - kể cả các tài liệu lưu trữ miêu tả diễn biến dân chủ tại Đông Âu - người ta không hề thấy một vai trò đáng kể nào của các lực lượng dân chủ lưu vong. Ngay cả khi chế độ thay đổi, trong những bước đầu thành lập chính quyền dân chủ, hầu như không có bóng dáng một tổ chức hải ngoại nào về nước tham gia hoạt động và tham gia tranh cử, ngoại trừ một vài người mang tính cách cá nhân.

Nước Đức cũng không hề tạo ra một ngoại lệ. Nếu gọi những người Đức ở ngoài Cộng hòa dân chủ Đức trước đây (còn được gọi là Đông Đức) đòi dân chủ, tự do cho Cộng hòa dân chủ Đức là lực lượng đối lập hải ngoại thì người ta đã có cả một Cộng hòa Liên bang Đức (thường được gọi là Tây Đức) với một sức mạnh khổng lồ. Mặc dù vậy, diễn biến 1989-1990 cũng hoàn toàn do những người dân chủ tại Cộng hòa dân chủ phát động và dẫn dắt. Chỉ đến khi Đông Đức lay chuyển tận gốc rễ, chấp nhận hệ thống đa đảng và bầu cử tự do với sự hồi sinh, tái xuất hiện những chính đảng có gốc rễ lâu đời như Dân chủ Xã hội, Dân chủ Cơ đốc, Dân chủ Tự do, thì các đảng anh em của họ từ Tây Đức mới tấp nập kéo sang trợ giúp hết mình. Thực chất, đây cũng chỉ là những tiếp ứng, trợ lực vào lúc nước rút cuối cùng, khi mà chuyện thắng thua không còn là điều bàn cãi.

Rõ ràng, chuyển biến dân chủ tại Đông Âu có thể được coi chỉ là công sức của lực lượng đối lập quốc nội tại các nước đó. Ở đây, chỗ đứng của các cá nhân - kể cả nhiều vĩ nhân nổi tiếng, và những tổ chức đòi dân chủ tại nước ngoài là hết sức phụ. Những tác động từ ngoài, tuy có tác dụng lâu dài, nhưng chỉ là gián tiếp. Ngay cả quyết định "để ngỏ cửa" của Gorbachow đối với đồng minh cũ cũng chỉ là một hành động khi cơn bão đã nổi và chỉ đóng vai trò tạo điều kiện khách quan. Với những điều kiện thuận lợi về truyền thống văn hóa, xã hội, về trình độ dân trí, các quốc gia Châu Âu đã chở che, nuôi dưỡng được một đội ngũ những người cấp tiến đủ mạnh - trong đó đa phần là những người trí thức, rèn chí dân chủ, nắm được thời cơ đưa đất nước thoát khỏi ách độc tài tàn ác và lạc hậu. Đó là cái may của những dân tộc văn minh !

Với Việt Nam, thực tế có nhiều điều không như vậy. Do nhiều lý do khách quan và chủ quan, dân tộc ta không có một truyền thống triết học cũng như chưa có một nền tảng tư tưởng làm gốc rễ cho tư duy và hành động của mình. Điều này tạo ra một tính cách tuyệt đối phổ cập là "nhanh thích ứng" nhưng "ít bền lòng", không thích và không có khả năng nhìn rộng nhìn xa. Do nhiều đau thương và đổ vỡ, người dân Việt Nam ngày càng chán chường hơn và ít ý chí hơn. Phải đau đớn mà nhận thấy rằng: đất nước ta chưa bao giờ có một lực lượng trí thức đủ mạnh để tạo ra và đảm trách một "Quyền lực trí thức". Hệ quả tất yếu là trí thức Việt Nam hầu như bao giờ cũng chỉ theo đuôi quyền lực chính trị, bị giới nắm quyền chính trị sai bảo và dân tộc Việt Nam hoàn toàn dễ dàng bị ngoại bang chi phối.

Việc chính sự Việt Nam đã và vẫn sẽ bị tác động rất mạnh bởi các yếu tố bên ngoài, có thể là một thực tế khách quan - cho cả đến ngày hôm nay. Có lẽ, chính điều này đã là lý do trông đợi và những cố gắng "nhờ vả" vào nước ngoài của các nhà cách mạng Việt Nam hồi đầu thế kỷ 20. Sự du nhập chủ nghĩa Mác-Lê và sự thành công của ông Hồ Chí Minh cũng có thể được coi là một minh chứng. Từ năm 1945 đến nay, hàng chục năm huynh đệ tương tàn, hàng chục năm bị đàn áp và "thuần hóa" trong một chế độ quái gở đã tạo ra ở Việt Nam một tầng lớp trí thức không thể đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng để có thể chủ động hòa nhập vào cuộc cách mạng về mọi mặt của thế giới hôm nay. Trong thực trạng đau lòng đó, việc giao phó hầu như toàn bộ trách nhiệm khởi động tiến trình dân chủ hóa vào lực lượng cấp tiến trong nước, có lẽ là một điều không hợp lý và không thực tế.

Với hơn hai triệu đồng bào rộng khắp, nhưng tập trung chủ yếu tại những nước dân chủ hàng đầu trên thế giới, với hàng ngàn thành viên dân chủ hoạt động (còn rải rác) trong nhiều tổ chức chính trị khác nhau, với điều kiện quốc tế tương đối thuận lợi hiện nay, giới hạn nhiệm vụ của lực lượng dân chủ hải ngoại vào khuôn khổ "đồng minh", "hỗ trợ" rất có thể là một quyết định "thiếu viễn kiến", "thiếu ý chí", và có thể là một hành vi "trốn trách nhiệm". Cũng có thể, sự thiếu hụt trên cùng có nguồn gốc sâu xa như của những người trong nước. Nhưng thực tế đã chỉ ra rằng, nếu chỉ ngồi trông để sẵn sàng vỗ tay hưởng ứng như cho đến hiện nay, thì hải ngoại vẫn sẽ ở tình trạng không nắm được thực tế quê nhà, vẫn sẽ chỉ hành động theo kiểu "nước chảy bèo trôi" và con đường dân chủ hóa Việt Nam sẽ còn dài mờ mịt.

Phải chăng, đã đến lúc lực lượng dân chủ đích thực tại hải ngoại phải xét lại, phải chỉnh đốn lại, phải phấn đấu để nhận lãnh những trách nhiệm nặng nề hơn, trực tiếp hơn, và có hiệu quả hơn, ít nhất cũng là vì chúng ta đang được nuôi sống, đang được tu luyện trong những mọi trường dân chủ với nhiều vận hội; và ít nhất, cũng là vì thực tế đất nước đòi hỏi chúng ta như vậy. Còn, phải cố gắng ra sao, phải làm như thế nào, đó sẽ là những điều phải suy tính tiếp, nhưng càng sớm càng hay, vì có lẽ, chúng ta không còn con đường nào khác.

Phạm Việt Vinh (Berlin, 6-2003)

Bài 6 : Tìm hiểu cộng đồng người Chăm tại Việt Nam

Bùng lên trước khi tàn lụi

Nguyễn Văn Huy

Dấu ngọc về công chúa Huyền Trân

Sau 5 năm thương lượng gay go giữa hai triều đình về của hồi môn, năm 1306 vua Trần Anh Tông chấp thuận gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân, bù lại lãnh thổ bắc Chiêm Thành (Indrapura) : châu Ô và châu Lý thuộc nhà Trần. Cuộc hôn nhân dị chủng này đã trở thành tranh chấp giữa hai dân tộc và hai triều đình suốt thời gian sau đó. Cho đến nay chưa một tài liệu nào giải thích về trường hợp công chúa Huyền Trân một cách rõ ràng và có tính thuyết phục. Người Chăm tố cáo nhà Trần lợi dụng cuộc hôn nhân này để chiếm đoạt đất đai của họ. Thơ văn Việt Nam bên vực Huyền Trân như là nạn nhân của một vụ đổi chác chính trị và đả kích Chế Mân (với những lời lẽ khiếm nhã) dăm sánh ngang hàng với người Việt...

Những lý luận vừa kể chứng tỏ sự thiếu hiểu biết về phong tục tập quán của người Chăm. Khi cự vương Trần Nhân Tông hứa gả Huyền Trân cho Chế Mân, ông muốn thành lập một liên minh quân sự chống lại quân Mông Cổ khi bị tấn công. Nhưng chiến lược này đã không được quần thần chấp nhận vì không muốn một sự pha chủng nào trong quan hệ hoàng gia.

Có lẽ bà hoàng hậu thứ ba này của Chế Mân đã rất được sủng ái nên sử tích Chăm kể rằng Huyền Trân được nhà vua đưa đi thăm viếng những danh lam thắng cảnh của Chiêm Thành. Các suối nước nóng dọc bờ biển miền Trung được dành riêng cho bà tắm rửa, kể cả suối Vĩnh Hảo (huyện Tuy Phong, Phan Thiết), để hạnh phúc của vua và hoàng hậu được bền lâu. Nhưng hạnh phúc đã không dài lâu. Hơn một năm sau, tháng 5-1307 Chế Mân từ trần. Hung tin đến tai nhà Trần bốn tháng sau đó, tháng 9-1307. Lo sợ em gái mình bị hỏa thiêu, Trần Nhân Tông sai quan nhập nội hành khiển thượng thư tả bệ chế Trần Khắc Chung và quan an phủ sứ Đặng Văn sang Chiêm Thành phụng điếu rồi tìm kế đưa Huyền Trân về.

Việc hỏa thiêu vợ khi vua băng hà là hoàn toàn bịa đặt. Nếu Huyền Trân bị triều đình Chiêm Thành bắt chết theo Chế Mân thì bà đã bị hỏa thiêu từ lâu rồi, vì theo tục lệ của người theo đạo Hồi hay Bà La Môn xác người chết chỉ giữ tối đa là 7 ngày sau đó phải đem hỏa thiêu.

Thật ra trong vụ này triều đình Chiêm Thành đã quyết định trả Huyền Trân về lại cho nhà Trần để đòi lại hai châu Ô và Lý nên đã tiếp đón phái đoàn Trần Khắc Chung một cách ân cần và cấp hơn 300 thủy binh hộ tống. Sự từ khước kết nghĩa suôi gia này có một ý nghĩa đặc biệt, nó thể hiện sự từ chối hợp tác giữa hai nền văn minh và văn hóa khác nhau, một bên là văn minh văn hóa Khổng Mạnh và một bên là văn minh văn hóa Ấn Độ. Cả hai vương triều gần như chấp nhận sự khác biệt đó và không muốn có một sự hòa hợp nào.

Còn chuyện hỏa thiêu có lẽ đã do Trần Khắc Chung theo dật ra để được Trần Anh Tông cử sang Chiêm Thành đón Huyền Trân về nước. Sau khi gặp lại người yêu, thay vì căng buồm về Bắc ông dẫn Huyền Trân ra một hoang đảo tư thông với nhau trong suốt một năm liền, đến mùa thu năm 1308 mới lên thuyền về lại Thăng Long. Đoàn thủy binh Chăm lúc đó mới được giao trả cho Chiêm Thành để báo cáo sự việc.

Cũng nên biết, nhà Trần áp dụng chế độ nội hôn để bảo vệ quyền lợi hoàng tộc. Việc Trần Khắc Chung tư thông với Huyền Trân được coi là bình thường. Nhưng triều đình Chăm không chấp nhận và rất căm hận về chuyện này, vì Huyền Trân là hoàng hậu Champa bị một quan Việt thông dâm xúc phạm đến danh dự hoàng triều và tín ngưỡng quốc gia. Có lẽ cũng chính vì thế mà Hưng Nhượng đại vương Trần Quốc Tảng (con Trần Hưng Đạo) mắng "họ tên người này không tốt, có lẽ nhà Trần mất vì người này chẳng?", vì Khắc là thắng, Chung là tàn (thắng xong thì tàn lụi theo). Cuộc tình sử tay ba này ít được người đời nhắc tới mà chỉ nói về cuộc hôn nhân dị chủng mà thôi.

Về phía Chiêm Thành, đền thờ Chế Mân được lập tại Tháp Po Klong Garai (Tháp Chàm, Phan Rang) và tại Yan Prong (An Khê, Đắc Lắc) cạnh núi Se San. Dân chúng thờ ông dưới tên Sri Jaya Sinhavarman Lingesvara.

Hoàng tử Po Sah - 23 tuổi, con của chánh hậu Bhaskaradevi (người Java), tức Pulyan Mahendravarman tiểu vương lãnh địa từ sông Vok (sông Bung) đến bắc Bình Định (Bhumana) - lên thay năm 1307, hiệu Jaya Sinhavarman IV (còn gọi là Chế Chí hay Chế Đà La). Việc đầu tiên của tân vương là xúi giục dân Chăm tại Thuận châu và Hóa châu nổi loạn.

Năm 1311, Trần Anh Tông tấn công Chiêm Thành, bắt Chế Chí về giam tại cung Gia Lâm (và mất năm 1313), đưa em trai của Chế Chí là Chế Đà A Bà Niêm lên thay, hiệu Chế Năng. Năm 1314 Chế Năng kéo quân ra Bắc chiếm lại châu Ô và châu Lý và chỉ bị đẩy lui năm năm sau đó. Năm 1318, quân Trần tiến xuống Đồ Bàn, Chế Năng cùng hoàng gia chạy sang Java lánh nạn, triều đình Chiêm Thành bị bỏ trống.

Đây là đợt di dân thứ ba của người Chăm ra hải ngoại. Chế Năng là con thứ hậu Tapasi, người Yavadvipa.

Triều vương thứ mười hai (1318-1390) : tốt đĩnh

Năm 1318, nhà Trần phong một tướng Chăm tên Thủ (Patalhor) lên ngôi, hiệu Chế A Năng (hay Thành A vương, tương đương với tước phó vương của Đại Việt). Vì không thuộc dòng dõi bộ tộc Cau và Dừa, Chế A Năng liên tục bị triều thần chống đối từ 1323 đến 1326. Để có sự chính thống, năm 1323 Chế A Năng cử em trai là Pao Yeou Patseutcho đi sứ sang Trung Hoa xin nhà Nguyên công nhận. Hay tin này, năm 1326 nhà Trần mang quân sang đánh nhưng bị đẩy lùi. Chiêm Thành sống trong thái bình cho tới 1342.

Năm 1336 Chế A Năng từ trần, con ruột là Chế Mỗ và con rể là Trà Hoa Bồ Đề tranh ngôi vua trong 6 năm,

Chiêm Thành sống trong loạn lạc. Năm 1342 Chế Mỗ bị đuổi sang Đại Việt, Trà Hoa Bồ Đề chính thức lên ngôi. Năm 1353, Trần Dụ Tôn đưa Chế Mỗ về nước nhưng đến Cổ Lũy (Quảng Ngãi) thì bị quân Chiêm chặn đánh, quân Trần rút về, Chế Mỗ buồn rầu rồi qua đời. Từ sau ngày đó, quân Chiêm Thành liên tục tràn sang đánh phá Hóa châu và Thuận châu.

Năm 1360, Trà Hoa Bồ Đề qua đời, em Chế A Năng là Po Binasor (Po Bhinethuor) được triều thần tôn lên làm vua, hiệu Chế Bồng Nga (Che Bonguar). Chế Bồng Nga là một vị tướng tài, chỉ huy nhiều trận đánh vào lãnh thổ Đại Việt. Vừa lên ngôi, ông liền tổ chức lại quân đội, chuẩn bị chiến tranh với nhà Trần nhằm chiếm lại những phần lãnh thổ bị mất. Những tù trưởng và bộ lạc Thượng trên Tây Nguyên theo Chế Bồng Nga rất đông.

Từ 1360 đến 1370, quân Chiêm Thành ra vào lãnh thổ Đại Việt như chốn không người. Dân cư Đại Việt lập nghiệp dọc các vùng bờ biển Bố Chánh, Tân Bình, Thuận Hóa (Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên) sinh sống rất khổ sở trước nạn binh đao. Từ 1371 đến 1383, quân Chiêm đã ba lần chiếm đóng Thăng Long và năm 1390 lúc đang tiến vào Thăng Long lần thứ tư thì Chế Bồng Nga bị tử trận, chấm dứt một trang anh hùng sử.

Nét đặc biệt của Chế Bồng Nga là mỗi lần đánh phá xong, ông cho rút quân về bên kia đèo Hải Vân chứ không cho người ở lại quản trị trực tiếp những vùng đất vừa bị chiếm như những vua trước, vì người Chăm tin rằng trấn đóng những vùng đất lạ sẽ mang tai họa và cũng không muốn bị hao tổn lực lượng bởi những hành động kháng chiến. Tuy vậy vẫn có thể nói trong vòng 30 năm, Chế Bồng Nga đã khôi phục lại những vùng đã mất từ hơn 300 năm trước đó (Bố Chánh, Địa Lý và Ma Linh bị mất năm 1069, châu Ô, châu Rí năm 1306).

Chế Bồng Nga chết, quân Chiêm như rắn không đầu liền bị rối loạn, quân Trần sát hại rất nhiều. Các vùng đất dưới ảnh hưởng Chiêm Thành đều được thu hồi. Lê Quý Ly (tức Hồ Quý Ly sau này) kinh lý các vùng đất Hóa châu và Thuận châu, tổ chức lại việc phòng thủ và cho xây dựng lại những nơi bị tàn phá. Phan Mạnh được bổ nhiệm cai trị hai xứ Tân Bình (Quảng Bình) và Thuận Hóa (Quảng Trị và Thừa Thiên). Nhà Trần đưa dân chúng từ các vùng trung du, vùng đồng bằng sông Hồng và sông Mã vào định cư tại Tân Bình và Thuận Hóa.

Triều vương thứ mười ba (1390-1458) : suy yếu

Bị đánh bại năm 1390, tướng La Khải (Ko Cheng) chiếm được xác Chế Bồng Nga mang đi hỏa táng, rồi thu quân về nước. Về Đô Bàn, La Khải liền xưng vương và chịu triều cống nhà Trần trở lại. Năm 1391, La Khải xin nhà Minh thừa nhận nhưng đến năm 1413 con của ông là Ba Đích Lại mới được nhà Minh tấn phong.

Chính sách cai trị khắt khe của La Khải gây bất mãn trong nước. Vây cánh của Chế Bồng Nga đều bị La Khải thay bằng những tướng sĩ thân tín, con trai của Chế Bồng Nga tên Chế Ma Nô Dã Na cùng em là Chế San Nô sợ bị

ám hại đã chạy qua Đại Việt xin tị nạn. Cả hai được nhà Trần phong tước Hiệu chính hầu. Năm 1397, một hoàng thân tên Chế Đà Biệt, em là Mộ Hoa, con là Gia Diếp cùng toàn thể gia quyến sang Đại Việt tị nạn. Chế Đà Biệt được Lê Quý Ly giao trọng trách bảo vệ biên giới phía nam của Đại Việt để phòng những cuộc tấn công mới của quân Chiêm Thành. Năm 1400, La Khải mất, con là Ba Đích Lại (Jaya Sinhavarman V) lên ngôi.

Tại Đại Việt, năm 1400 Lê Quý Ly lên ngôi vua, đổi thành họ Hồ. Cũng nên biết, lúc nhà Trần suy yếu vai trò của Lê Quý Ly trở nên nổi bật và trực tiếp điều khiển triều đình từ 1372. Vì thiếu sự chính thống, Hồ Quý Ly thường ra oai bằng cách tấn công Chiêm Thành và các lãnh thổ Chiêm Động (nay là Thăng Bình, Quảng Nam, hay bắc Amavartati), Cổ Lũy (nay là Tư Nghĩa (Quảng Ngãi), Bạt Đạt Gia, Hắc Bạch (nam Quảng Ngãi, bắc Bình Định) và Sa Lý Nha (tức Sa Huỳnh) lần lượt bị sát nhập từ 1400 đến 1403. Vựa lúa lớn nhất Bắc Chiêm Thành bị mất hẳn, toàn bộ đất đai tại Indrapura và Amavartati (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam và Quảng Ngãi) cũng không còn.

Những vùng đất mới được phân thành châu Thăng, châu Hoa, châu Tư và châu Nghĩa ; bốn châu mới này hợp lại thành lộ Thăng Hoa do một quan an phủ sứ cai trị, chỗ giáp giới đặt thành trấn Tân Ninh. Chế Ma Nô Dã Na (con Chế Bồng Nga), lúc đầu làm Thăng Hoa quận vương để chiêu dụ dân chúng Chăm, sau được phong Cổ Lũy thượng hầu giữ hai châu Tư và Nghĩa. Quý Ly đưa những nông dân cùng gia đình không có đất cày từ những châu khác ở phía bắc vào khai phá đất mới. Người Champa không chấp nhận sống dưới sự cai trị của người Việt bỏ đi lên núi hoặc về Vijaya (Đô Bàn) lập nghiệp.

Năm 1403, Ba Đích Lại yêu cầu nhà Minh can thiệp để đòi lại Indrapura và Amavartati, nhưng bị nhà Hồ từ chối. Chỉ khi nhà Hồ bị dẹp và nước Đại Ngu bị nhà Minh đô hộ, từ 1407 đến 1427, Chiêm Thành mới phục hồi lại sức mạnh quân sự và những vùng đất đã mất dưới tay nhà Hồ đều lấy lại được.

Năm 1407, hoàng tử Ngauk Glaun Vijaya (con Ba Đích Lại) cất quân đánh Đại Việt, giết quan trấn thủ lộ Thăng Hoa là Chế Ma Nô Dã Na (con của Chế Bồng Nga). Ba Đích Lại được nhà Minh phong vương năm 1413. Mặc dù vậy, dân chúng Champa không muốn di dân lên những vùng đất vừa chiếm lại lập nghiệp, chỉ một số người muốn trở về để giữ gìn hương hỏa mà thôi. Dẹp yên phía Bắc, Ba Đích Lại mang quân xuống tấn công vương quốc Chân Lạp phía nam đang suy yếu, vì bị Xiêm La đánh phá liên tục. Quân Chăm chiếm được nhiều vùng đất lớn dọc sông Đồng Nai và trên đồng bằng sông Cửu Long. Quân Khmer bị đuổi tới thành phố Chantabun, gần biên giới Xiêm La, vua Chau Ponea Yat phải cầu cứu nhà Minh và quân Minh đã hai lần tiến vào Chiêm Thành (1408 và 1414) làm áp lực Chiêm Thành mới chịu rút quân, Chân Lạp thoát nạn đô hộ. Mặc dầu vậy, quân Chiêm Thành cũng chiếm được thị trấn Nagara Brah Kanda (thị xã Biên Hòa ngày nay).

Năm 1428, Lê Lợi đuổi được quân Minh ra khỏi lãnh

thổ và lên ngôi vua, hiệu Thánh Tổ. Trước thế lực của nhà Lê, Ba Đích Lại trả những vùng đất đã chiếm dưới thời nhà Minh, đổi thành lộ Thuận Hóa thuộc đạo Hải Tây và đặt quan cai trị. Việc giao hảo giữa Chiêm Thành và Đại Việt trở nên tốt đẹp.

Năm 1433 Lê Lợi mất, con là Nguyên Long, 11 tuổi, lên ngôi hiệu Thái Tôn, Ba Đích Lại liền trở mặt. Năm 1434, ông cho quân sang đánh phá các vùng đất (Hóa châu) vừa giao trả trước đó, vua Lê phải cử Lê Khôi và Lê Chiếu ra dẹp, vua Chăm mới chịu triều cống trở lại.

Thật ra từ 1390 đến 1433 Chiêm Thành không có vua, đất nước lâm vào cảnh nội loạn. Đối với người Chăm, La Khải và Ba Đích Lại chỉ là những kẻ soán ngôi. Năm 1433, quần thần Chiêm đưa công chúa Po Sahnar về miền Nam cai trị (Panduranga), đóng đô tại Phan Rí, không tuân lệnh Vijaya. Hoàng tử Nauk Glaun Vijaya thân chinh đi đánh dẹp, gây nhiều thù oán với các dòng vương tôn Champa phía nam như bắt công chúa Po Sahnar về giam tại Vijaya. Chính vì thế năm 1441 khi Ba Đích Lại qua đời, Nauk Glaun Vijaya không được triều thần cho nối ngôi mà đưa người cháu của cố vương là Maha Kilai (Mã Kha Qui Lai) lên thay. Chú của tân vương là Po Parichanh tự đứng ra nhiếp chính, rồi tự xưng vương năm 1442, hiệu Bí Cai (Maha Vijaya) và được nhà Minh công nhận.

Vừa lên ngôi, Bí Cai liền mang quân tấn công nhà Lê và bị đánh bại. Vua Lê Nhân Tôn tiến chiếm Phật Thành (còn gọi là Đồ Bàn, Chà Bàn, Vijaya) bắt được nhiều vương tôn Champa, trong đó có công chúa Po Sahnar, rồi rút về. Ba Đích Lại cùng hoàng gia phải chạy lên núi trốn trong những buôn làng của người Thượng như Trà Toàn (Po Ka Prah), Trà Toại (Po Ka Prih). Kinh đô Phật Thành (Vijaya) bị nhà Lê đổi thành Đồ Bàn.

Trong hai năm 1444 và 1445, Bí Cai nhiều lần dẫn quân tiến vào Hóa châu nhưng đều bị đẩy lùi. Năm 1446, được Maha Quý Lai hưởng dẫn, quân Lê chiếm thành Đồ Bàn, bắt sống Bí Cai và tất cả phi tần đem về Thăng Long. Maha Quý Lai được nhà Lê tôn lên làm vua Chiêm Thành và chịu triều cống, quan hệ giữa hai nước tốt đẹp trở lại. Năm 1448, Lê Nhân Tôn đánh dẹp các lực lượng Thượng do những hoàng tôn Chăm lãnh đạo, chiếm xứ Bồn Man (Djarai-Kontum) và đặt thành châu Quy Hợp rồi giao cho một vương tôn Chăm thân phục nhà Lê cai quản.

Năm 1449 Maha Quý Lai bị người em tên Bí Do (Maha Kido) bắt giam rồi xưng vương. Bí Do sai Giao Nể Mỗ và Bàn Thoan sang Đại Việt báo tin, vua Lê không những không công nhận mà còn khiển trách nặng nề. Sau biến cố này, Bí Do đui 70 gia đình Việt định cư tại Chiêm Thành về nước rồi ngưng luôn việc xin tấn phong. Năm 1452, Quý Lai mất, Bí Do sai sứ sang Trung Hoa xin nhà Minh công nhận và được phong vương năm 1457.

14. Triều vương thứ mười bốn (1458-1471) : tan rã

Năm 1458 thái tử Po Tam (Po Dam hay Po Kathit), con Bí Cai, giết Bí Do rồi tự xưng vương, hiệu Bàn La Trà Nguyệt (Maha Banla Tranguyet). Năm 1460, Trà Nguyệt

nhường ngôi cho em là Po Kaprah, hiệu Bàn La Trà Toàn (Maha Tratoan). Trà Toàn cử người sang Đại Việt xin tấn phong nhưng bị nhà Lê buộc dâng phẩm vật triều cống nên Trà Toàn tức giận. Trong hai năm 1468 và 1469, Trà Toàn vừa cho người sang cầu viện nhà Minh vừa mang đại quân (100.000 người) sang chiếm Hóa châu (1469-1471).

Tức giận trước sự khiêu khích này, vua Lê Thánh Tôn quyết định phạt Chiêm một lần cho đích đáng. Trước khi ra quân, ngày 6-10-1471, nhà vua đọc lịch *Bình Chiêm* trước ba quân, lời lẽ rất đanh thép, rồi cho sứ sang Trung Hoa báo cáo sự xâm phạm lãnh thổ của Chiêm Thành. Lê Thánh Tôn cất đại quân hơn 250.000 người sang đánh Chiêm Thành, trong đó 100.000 đi bằng đường thủy, 150.000 đi bằng đường bộ. Đại quân nhà Lê chiếm cửa Thị Nại rồi tiến về Đồ Bàn. Trà Toàn sai em là Po Kaprih dẫn đội tượng binh gồm 5.000 người ra đối chọi nhưng bị đánh bại, Trà Toàn rút vào cố thủ thành Đồ Bàn.

Sau cuộc tấn công, khoảng 60.000 binh lính và thường dân Chăm bị loại khỏi vòng chiến, hơn 30.000 người bị bắt làm tù binh, tất cả đều bị đày lên Thanh Hóa. Một số tù binh Chăm gồm thợ khéo tay, nài voi được đưa về Thăng Long xây dựng đền đài và huấn luyện voi trận cho nhà Lê, chùa Bà Đá tại Hà Nội được xây dựng trong giai đoạn này. Toàn bộ tài sản và báu vật tại Đồ Bàn đều bị tịch thu, trong đó có ấn kiếm hoàng gia (một hộp bằng bạc hình chiếc gương), biểu tượng của vương quyền Chiêm Thành. Trà Toàn và cả hoàng gia gồm 50 vương tôn (Po Sahama, Po Ngasa, Bà Thái, Đa Thủy...) đều bị bắt.

Trong cuộc tiếp kiến, Trà Toàn xin vua Lê chỉ làm tội một mình ông và tha cho con cái gồm 10 người. Trên đường về tới Nghệ An, Trà Toàn tự tử chết. Lê Thánh Tôn sai cắt đầu Trà Toàn treo ở đầu thuyền và cho khắc chữ "Cổ Chiêm Thành ngưng ác Trà Toàn chi thủ".

Lê Thánh Tôn giải tán vương quốc Chiêm Thành. Thủ đô chính trị, hành chính và tín ngưỡng của vương quốc Bắc Chiêm Thành Vijaya bị đổi thành Đồ Bàn và cấm người Chăm đến cư ngụ.

Em Trà Toàn là Po Kaprih dẫn theo một số tàn quân trốn lên xứ Bồn Man (cao nguyên Kontum-Darlac), được dân chúng tôn lên làm vua. Po Kaprih xưng hiệu Trà Toại và cho người sang Trung Hoa cầu cứu nhà Minh, báo cáo tình hình của Chiêm Thành. Lê Thánh Tôn sai Lê Niệm mang 30.000 quân lên Tây Nguyên lùng bắt Trà Toại đem về trị tội.

Nhà Minh không tán thành việc Đại Việt chiếm đóng Chiêm Thành nhưng không dám can thiệp trực tiếp, kể cả việc xin phóng thích Trà Toàn và hoàng gia Chiêm Thành. Năm 1472 nhân vua Lê Thánh Tôn sai sứ sang Trung Hoa báo cáo sự tình, Minh Hiến Tông trách cứ việc chiếm đất Đồ Bàn. Sau đó nhà Minh sai sứ sang phong vương cho Trà Toại nhưng khi đến cửa Tân Châu (Quảng Nam) quân Lê không cho cập bờ. Lê Thánh Tôn phản đối việc phong vương này và tuyên bố Chiêm Thành đã trở thành một châu của Đại Việt : châu Giao Nam. Nhà Lê phong cháu của Trà Toàn tên Bố Trì Trì (Thái Da) làm vương đất Giao Nam (còn gọi là Phan Long).

Chiêm Thành bị phân hóa

Năm 1472, Bồ Trì Tri, cháu của Trà Toàn, chạy về Panduranga (Giao Nam) xưng vương, hiệu Thái Da (Jayavarman Mafoungnan). Tân vương sai sứ sang Đại Việt xin thừa nhận và xin tiếp tục triều cống. Ranh giới phân chia hai nước được xác nhận tại đèo Cù Mông, cạnh chân núi Thạch Bi.

Vua Lê Thánh Tông áp dụng chính sách bảo hộ, chia Chiêm Thành ra làm ba tiểu quốc, phong ba tiểu vương cai trị.

1. Bồ Trì Tri cai quản đất Giao Nam, tức Nam Chiêm Thành gồm Kauthara và Panduranga, bằng 1/5 lãnh thổ cũ, từ mũi Kê Gà trở xuống gồm 5 lãnh địa : Aya Trã (Nha Trang), Panrã (Phan Rang), Krău (Long Hương), Phan Rí (Parik) và Pajai (Phố Hải, gần Phan Thiết). Giao Nam (tức Panduranga) được độc lập về chính trị, kinh tế và tín ngưỡng nhưng phải triều cống nhà Lê. Kinh đô trong giai đoạn đầu đặt tại Virapura, tức Phan Rang.

2. Trà Toại cai trị đất Nam Phan : xứ Bồn Man, tức châu Quy Hợp (Tây Nguyên ngày nay và một phần cao nguyên Attopeu Nam Lào).

3. Một vương tôn Champa (người Thượng) khác cai quản đất Hóa Anh : lãnh thổ Aryaru cũ (Phú Yên).

Sau 1471, lãnh thổ của vương quốc Chiêm Thành phía nam (Kauthara và Panduranga) chỉ còn từ đèo Cù Mông đến mũi Kê Gà (cap Varella). Lãnh thổ Đại Việt mới kéo dài từ ải Nam Quan đến đèo Cù Mông. Phần đất Chiêm Thành cũ, gọi là Nam Bàn (từ Quảng Nam đến Đồ Bàn) được chia thành ba vùng gồm Đại Chiêm tức Chiêm Động (Quảng Nam), Cổ Lũy (Quảng Ngãi) và Đồ Bàn (Bình Định). Một tướng Chăm tên Bà Thái (Po Thai) làm tri phủ đất Đại Chiêm. Những quan Đại Việt cai trị Đồ Bàn và Cổ Lũy có quyền tiền trạm hậu tấu.

Hàng đoàn người Chăm, trong đó có nhiều gia đình vương tôn không chấp nhận sự cai trị của người Việt tại Cổ Lũy, chạy vào rừng sâu trên lãnh thổ xứ Láng Cháng (Luang Prabang, Bắc Lào) lánh nạn, một số vượt Trường Sơn chạy sang Chân Lạp định cư. Đây là cuộc di dân lần thứ tư sau các đợt di tản năm 986, 1285 và 1318. Lê Thánh Tông đổi tên đất Cổ Lũy thành đạo Quảng Nam gồm 3 phủ (Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn) và 9 huyện.

Trên cao nguyên một lãnh tụ Chăm tên Công (còn gọi là Chăm Công) được sự giúp đỡ của vương quốc Láng Cháng tổ chức đánh phá các làng xã và đồn phòng thủ của quân Việt. Năm 1479, Lê Thánh Tông mang đại binh gồm 180.000 người sang Láng Cháng dẹp loạn Chăm Công, truy đuổi vua Láng Cháng sang lãnh thổ Miến Điện. Vua Lê giao một vương tôn Chăm thân Đại Việt cai trị xứ Quy Hợp gồm 7 huyện và cho thành lập phủ Trấn Ninh giao cho một quan người Việt cai trị.

Tại Nam Bàn, Lê Thánh Tông cho thành lập Thái bộc tư khanh, một bộ phận hành chánh chuyên lo đặt lại cho đúng qui chế họ tên của người Chăm theo đúng phiên âm Đại Việt. Vì người Chăm không có họ nên việc xét tên đặt họ rất khó khăn, nếu tên có nhiều chữ thì chỉ giữ lại ba chữ

cuối : thí dụ như Tô Môn Tô Sa Môn viết thành Tô Sa Môn, Sa Qua Sa Oa Qua thành Sa Oa Qua...

Vua Lê còn ra lệnh cấm quan viên và dân chúng Việt chứa chấp người Chăm. Nhà Lê đưa những tội phạm biệt xứ gốc Kinh vào các châu Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn (thuộc đạo Quảng Nam) khai phá đất mới. Những lưu dân này lúc ra đi, hoặc độc thân hoặc không được mang theo gia đình, một số đã lập gia đình với các thiếu nữ Chăm và sinh con đẻ cái. Con cái của những người này sau đó đã trở thành người Việt, quên hẳn gốc Chăm của mẹ và đã trở thành những người miền Trung. Người Chăm tại Phan Rang gọi những người Chăm mang hai giòng máu tại Quảng Nam và Bình Định là Chăm Hoi (người Việt gọi là Hời). Phụ nữ Chăm Quảng Nam và Bình Định lấy chồng Việt là chuyện thường, nhưng rất hiếm trường hợp phụ nữ Chăm tại Ninh Thuận và Bình Thuận lấy chồng Việt, vì khác biệt tôn giáo, đa số theo đạo Chăm Bani (Hồi giáo cải cách).

Dân chúng Việt sống trên các lãnh thổ Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên, tức Indrapura cũ, thỉnh thoảng bị người Hroi, một bộ lạc gốc Malayo Polynesian cư ngụ trên Tây Nguyên, tràn xuống đánh phá, từ đó người miền Trung gọi chung tất cả những người có nước da đen đũi ở trần là Hời. Về sau danh xưng này được đồng hóa với người Chăm trước thế kỷ 15. Thật ra người Chăm lai Thượng hay Thượng gốc Chăm được người Chăm Phan Rang gọi là Chăm Pal, không liên quan gì đến người Chăm Hoi tại Bình Định. Họ là những người thuộc các bộ lạc Rhadé, Raglai, Churu v.v...

Năm 1478, Bồ Trì Tri mất, em à Koulai lên thay và bị ám sát tại Lão Qua (Lào) năm 1505, con là Chakou Poulo kế nghiệp. Chakou Poulo lo mở mang xứ sở, giao hảo với Trung Hoa và được nhà Minh sắc phong năm 1515 và nhìn nhận vương quốc Nam Chiêm Thành cho tới năm 1543. Thuyền buôn ngoại quốc (Trung Hoa, Mã Lai, Khmer, Bồ Đào Nha và Hòa Lan) vẫn lui tới các hải cảng Panduranga buôn bán tấp nập trong những thế kỷ 16 và 17.

Đầu thế kỷ 16, người Chăm trong các vùng đất Thuận Hóa và Nam Bàn thường hay nổi lên đánh giết những gia đình người Việt đến định cư lập nghiệp. Đất Nam Bàn trở nên khó cai trị, việc quản trị sau đó phải giao cho những quan Việt. Được sự đồng ý của chúa Trịnh, vua Lê sai Nguyễn Hoàng trấn thủ đất Thuận Hóa giữ yên bờ cõi phía Nam. Nhiều gia đình hoàng tộc Champa sinh sống trên vùng đất này chạy về Panduranga tị nạn. Một số dân cư Chăm sinh sống dọc các bờ biển miền Trung trở thành những nhóm hải tặc tổ chức cướp phá các đội thương thuyền ngoại quốc, nhất là của người Bồ Đào Nha và Hòa Lan, đi lại trong vùng để sinh sống. Địa Bàn hoạt động của các đám hải tặc là quanh các đảo Côn Lôn và Phú Quý.

Chiêm Thành trên danh nghĩa không còn được nhắc tới nữa, nhưng trong thực tế vương quốc Chiêm Thành đối với người Chăm vẫn tồn tại mặc dù đất đai bị thu hẹp. Sau này vào thời Nguyễn sơ, nhất là dưới thời Nguyễn Hoàng, vương quốc Chiêm Thành được nhìn nhận trở lại.

Nguyễn Văn Huy

Thời sự quốc tế và Việt Nam

Kinh tế bắt đầu phục hồi ?

Thế giới có lẽ đang sống cuộc khủng hoảng kinh tế dài nhất từ trước đến nay. Theo nhiều chuyên gia, nó bắt đầu ngay từ đầu năm 2000, sau khi các chỉ số các thị trường chứng khoán đạt tới mức cao nhất và bắt đầu đi xuống. Như thế là nó đã kéo dài hơn ba năm.

Thoạt đầu là cái bong bóng «kinh tế mới» (các công ty công nghiệp truyền thông) xì hơi, làm các thị trường chứng khoán sụt 30% trong vòng một năm. Tiếp theo là cuộc tranh chấp tái phát giữa Do Thái và Palestine với các vụ khủng bố và trả đũa liên tục. Rồi vụ khủng bố của tổ chức Al Qaeda của Bin Laden tại Hoa Kỳ, cuộc tấn công chính quyền Taliban ở Afghanistan, những cuộc khủng bố tại Châu Á, tình hình căng thẳng tại Iraq... cuối cùng là dịch SARS (viêm phổi ác tính) và một loạt các cuộc khủng bố trong tháng 5-2003 tại Saudi Arabia, Morocco và sau cùng là đồng đô la Mỹ sụt giá, đe dọa hàng xuất khẩu của mọi nước trừ Mỹ. Mỗi lần người ta tưởng sắp có ổn định và kinh tế sắp phục hồi thì có một biến cố mới.

Bây giờ thì người ta dự đoán kinh tế có thể bắt đầu phục hồi vào đầu năm 2004, nhưng các dự đoán tại Châu Âu đều không lạc quan. Mức tăng trưởng sẽ chỉ ở mức 1% trong năm 2003, riêng nước Đức, nước lớn nhất Châu Âu, nếu không suy thoái trong năm 2003 đã là một tin mừng.

Trong chiều sâu, sự suy thoái kinh tế thế giới có lẽ do hai nguyên nhân căn bản sau đây. Trước hết là vì kinh tế đã tăng trưởng một cách bất thường trong suốt 8 năm, từ 1992 đến 2002, với sự đầu tư quá đáng vào công nghiệp truyền thông. Sau đó là hai trong ba động cơ chính của kinh tế thế giới là Nhật và Châu Âu bị trục trặc, mỗi nơi với một lý do khác nhau. Sinh hoạt kinh tế của Nhật trì trệ từ hơn 20 năm nay do cơ cấu xã hội không còn thích hợp. Nhật đã đạt tới mức tối đa mà cách tổ chức xã hội hiện nay cho phép, do đó cần một thay đổi trong chiều sâu và cần rất nhiều thời gian. Châu Âu thì đang lúng cứng với sự mở rộng quá nhanh của Liên Hiệp Châu Âu. Các quốc gia trong Liên Hiệp Châu Âu đã thống nhất về tiền tệ khiến những quốc gia thành viên không còn khả năng lấy những quyết định quan trọng riêng để ra khỏi bế tắc, ngược lại nội bộ các quốc gia thành viên chưa có đủ đồng thuận để lấy những quyết định chung. Sự hội nhập các nước với mức độ phát triển và cơ cấu chính trị khác nhau sẽ còn đòi hỏi một thời gian dài. Như vậy thì dự đoán kinh tế thế giới phục hồi vào năm 2004 là quá lạc quan.

G8 để làm gì ?

Từ ngày 2-6-2003, nguyên thủ hành pháp tám nước phát triển nhất thế giới gặp nhau trong hai ngày tại thành phố Evian, bên bờ hồ Lemman phía Pháp.

Do một sáng kiến của cựu tổng thống Pháp Valéry Giscard d'Estaing, tháng 11-1975, bảy nước tư bản phát

triển nhất thế giới (Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Ý, Nhật, Canada), gọi là G7, đã cùng nhau họp lại để trao đổi về các chính sách kinh tế chung. Về sau các vấn đề chính trị và môi trường cũng được đem ra bàn cãi. Càng về sau các vấn đề càng nhiều và càng thêm tính kỹ thuật, vượt tầm hiểu biết của các quốc trưởng vì thuộc chức năng của các chuyên gia. Vì quá ô m đ m, những cuộc gặp gỡ này cuối cùng chỉ có công dụng giao tế, tạo dịp để các nguyên thủ hành pháp gặp gỡ riêng nhau để trao đổi về những vấn đề song phương. Năm 1997, Nga được mời làm thành viên thứ tám, gọi là G8. Tuy vậy nội dung các cuộc họp mặt vẫn không có gì thay đổi, các vị nguyên thủ hành pháp cũng có thể gặp riêng nhau ngoài khuôn khổ G8.

Như vậy G8 có công dụng gì ? Năm nay G8 có ít nhất hai công dụng. Một là để các nước đi đến một kế hoạch cụ thể hơn để yểm trợ lộ trình hòa giải giữa Do Thái và Palestine ; hai là để tổng thống Mỹ Bush và tổng thống Pháp Chirac gặp riêng nhau nhằm hòa giải những dị biệt sau cuộc đụng độ trong vụ Iraq.

Cuộc gặp gỡ giữa Bush và Chirac là do yêu cầu của Pháp, Mỹ đã chỉ chấp nhận vì lý do xã giao. Hội nghị G8 năm nay diễn ra tại Pháp, vai trò tổ chức đương nhiên do Pháp đảm nhiệm, từ chối gặp Chirac sẽ bị coi như một cử chỉ không đẹp của Bush. Tuy vậy người ta có thể dự đoán là nó sẽ không hoàn toàn lật qua trang sử mâu thuẫn giữa Hoa Kỳ và Pháp như Pháp mong muốn. Tổng thống Pháp Chirac đã đi quá xa trong thái độ chống Mỹ. Ông đã xuất hiện như nhà vô địch về hòa bình, kể cả muốn đoạt giải Nobel về hòa bình, nhưng trong thực tế ông đã chỉ tìm cách bảo vệ Saddam Hussein, một bạo chúa, và chống lại Mỹ, một nước dân chủ đã hai lần cứu nguy cho Pháp. Kết quả là Chirac đã thất bại hoàn toàn cả về chính trị lẫn đạo đức. Tổng thống Bush và bộ tham mưu của ông hoàn toàn không biểu lộ một ý muốn hòa giải nào với Chirac cả.

Cũng như vài năm trước đây, G8 là dịp để các lực lượng khuynh tả, vô chính phủ, môi sinh và chống toàn cầu hóa biểu tình rầm rộ. Năm nay các lực lượng chống toàn cầu hóa đã qui tụ một cách khó khăn hơn 50.000 người, ít hơn những lần trước có khi lên đến 500.000 người.

Riêng tại Pháp, các tổ chức nghiệp đoàn và đảng phái chính trị trong liên minh cánh tả cũng muốn lợi dụng các cuộc biểu tình chống G8 để chống những biện pháp cải tổ của chính phủ cánh hữu, do thủ tướng Jean-Pierre Raffarin chủ trương, nhưng cuối cùng đã phải tháo lui trước những hành động phá hoại của những phần tử bất hảo và sự từ chối hợp tác của những người tổ chức các cuộc xuống đường chống G8.

Al Qaeda : bùng lên trước khi bị dập tắt ?

Trong vòng một tuần lễ, từ 11 đến 18-5-2003, đã có 27 hành động khủng bố trên toàn thế giới (2 tại Chechnya, 12 tại Pakistan, 4 tại Do Thái, 3 tại Saudi Arabia, 5 tại Morocco, 1 tại Yemen và 1 tại Kenya), làm gần 220 người chết, hơn 500 người bị thương. Đó là chưa kể những cuộc hành quân trả đũa của Do Thái cũng đã làm hàng trăm

người Palestine thiệt mạng hoặc bị thương. Trong cả tháng 5 có hơn 50 vụ khủng bố tại khắp nơi, chưa kể những hành động khủng bố hàng ngày của các băng đảng buôn lậu có quân đội hẳn hoi như tại Nam Mỹ mà dư luận đã quá quen thuộc.

Ba cuộc khủng bố lớn nhất đã xảy ra tại Chechnya (77 người chết), Morocco (41 người chết) và Saudi Arabia (34 người chết). Những cuộc khủng bố này đều cùng bài bản Al Qaeda : những chiếc xe chở đầy chất nổ lao thẳng vào các mục tiêu rồi nổ tung cùng với quân cảm tử.

Câu hỏi đặt ra là Al Qaeda sẽ còn khả năng kéo dài hành động khủng bố trong bao nhiêu lâu nữa ? Sau mỗi lần khủng bố, tổ chức này mất đi một số cảm tử quân đã được đầy công rèn, nhiều cơ sở khác bị khám phá và hủy diệt, tổ chức suy yếu đi, trong khi chỉ giết được những thường dân vô tội, đa số là người bản xứ chứ không gây thiệt hại cho các thế lực đang truy lùng để tiêu diệt nó. Một điều khá rõ ràng là Al Qaeda không còn khả năng tổ chức những cuộc khủng bố tại Mỹ và Châu Âu.

Một câu hỏi khác là lãnh tụ khủng bố Bin Laden còn sống hay không ? Rất ít triển vọng là hắn còn sống vì không thấy lên tiếng trong vụ Mỹ tấn công chế độ Saddam Hussein tại Iraq. Thỉnh thoảng vẫn có những băng thu hình Bin Laden được gửi cho các hãng thông tấn, nhưng những băng này không hề nói tới những biến cố gần đây, ngay cả những cuộc khủng bố do tổ chức Al Qaeda thực hiện.

Rất có thể là Bin Laden đã chết và các chính quyền Mỹ và Châu Âu biết điều này nhưng không nói ra vì không muốn có một ngày tưởng niệm Bin Laden cho các phần tử khủng bố Hồi Giáo.

Pháp đang căng thẳng vì cải tổ

Công nhân các xí nghiệp công, đặc biệt là ngành vận tải đường sắt và đường hàng không, đình công gây thiệt hại lớn cho hoạt động kinh tế. Giáo chức xuống đường, tại nhiều nơi các kỳ thi phải hoãn lại. Trong khi đó thì nông dân cũng xuống đường chống xét lại chính sách nông nghiệp chung của Liên Hiệp Châu Âu. Mùa hè năm nay nước Pháp sẽ nóng đặc biệt, nóng vì mùa hè và cũng nóng vì tranh chấp xã hội.

Công chức phản đối dự án cải tổ hưu bổng mà chính phủ Jean-Pierre Raffarin đưa ra. Họ đòi chính phủ phải rút lại dự án cải tổ và đe dọa sẽ làm tới cùng. Thực ra dự án của thủ tướng Raffarin và bộ trưởng Francois Fillon rất là vừa phải. Nó chỉ nâng số năm làm việc để được hưởng lương hưu trọn vẹn của công chức và nhân viên xí nghiệp công từ 37,5 năm lên 40 năm và cũng dự trù thực hiện một cách tiệm tiến trong vòng 5 năm, từ 2004 đến 2008 (năm 2012 thời gian làm việc dự trù sẽ kéo dài lên 41 năm và 42 năm vào năm 2040). Con số 40 năm làm việc cũng chỉ là con số hiện nay của công nhân khu vực tư. Dự án này chỉ đã động rất ít đến một đặc lợi của khu vực công là lương hưu bổng được tính bằng 75% lương trung bình sáu tháng cuối (biến nó thành 75% lương trung bình của ba năm cuối cùng). Số lương hưu này quá cao so với khu vực tư. Nói

chung công chức và công nhân khu vực công của Pháp làm nhân hạ hơn khu vực tư (không người Pháp nào chối cãi điều này), làm việc trong thời gian ngắn hơn, về hưu sớm hơn và lãnh lương hưu cao hơn. Vì thế mà họ quyết tâm bảo vệ đặc quyền đặc lợi. Pháp có một số lượng công chức và đồng hóa công chức trên 7 triệu người, nghĩa là khoảng 25% số người trong tuổi lao động. Tất cả mọi chuyên gia đều đồng ý rằng tình trạng quỹ hưu bổng của Pháp đã quá nguy ngập và bắt buộc phải cải tổ, nhưng khi một dự án cải tổ rất hợp lý và khiêm nhường được đưa ra thì gặp chống đối dữ dội. Đại đa số cho rằng dự án cải tổ của chính phủ Raffarin là cần thiết, nhưng đại đa số cũng ủng hộ những người đình công.

Các giáo chức Pháp không những chỉ đình công và xuống đường để phản đối dự án cải tổ hưu bổng mà còn chống cả dự án tấn quyền giáo dục và trên điểm này dư luận Pháp lại mâu thuẫn một lần nữa. Đa số cho rằng tấn quyền là đúng và cần thiết, nhưng đa số cũng ủng hộ những người đình công.

Phải nói là người Pháp không biết họ muốn gì. Trước đây nhiều chính phủ đã muốn cải tổ hưu bổng và cải tổ giáo dục, nhưng cuối cùng đều bị đánh đổ trong các cuộc bầu cử vì thực hiện cải tổ. Lần này có thể khác, thủ tướng Raffarin và bộ trưởng Fillon tỏ ra kiên trì, cả hai tuyên bố sẽ thực hiện cho bằng được những cải tổ cần thiết bị trì hoãn quá lâu. Có nhiều triển vọng là họ sẽ cải tổ được vì họ sẵn sàng chấp nhận cái giá phải trả.

Cải tổ giáo dục tại Nhật : ái quốc

"Ái quốc" (*aikoku* theo tiếng Nhật) đang là một đề tài gây tranh cãi tại Nhật, và lúc quốc hội Nhật sắp thảo luận để biểu quyết một luật căn bản mới về giáo dục. Từ năm 2001, trong các học bạ của học sinh trung và tiểu học, người ta có thể đọc là "học sinh cần được huấn luyện lòng yêu nước (*aikoku*) để ý thức rằng mình thuộc một dân tộc yêu chuộng hòa bình" qua hai môn sử và địa. Nhiều giáo viên và phụ huynh học sinh đã khó chịu và yêu cầu bỏ câu này. Theo họ, học sử với tinh thần như vậy là rất sai vì ngay từ đầu nó đã nhồi sọ học sinh rằng các cuộc chiến đều không do lỗi của Nhật, một điều rất trái với sự thật.

Tuy đề cao lòng yêu nước như là một huấn luyện cần thiết nhưng chính quyền Nhật lại không định nghĩa lòng yêu nước là gì. Được chất vấn trong một buổi họp với học sinh, một giáo sư sử bối rối trả lời : "đó là tình yêu đối với địa điểm, vùng và nước nơi mình sinh ra. Và tình yêu này tăng lên sau khi học sử". Không ai phản bác.

Một khó khăn khác là làm thế nào để chấm điểm lòng yêu nước của mỗi học sinh như chương trình đòi hỏi. Có ba bậc điểm (A, B, C) tương đương với giỏi, trung bình và kém. Để tiện việc sổ sách, cho tới nay tất cả học sinh Nhật đều được chấm điểm B, nghĩa là mỗi học sinh Nhật đều yêu nước ở mức trung bình.

Các nhà xã hội học Nhật cực lực phản đối việc huấn luyện lòng yêu nước trong môn sử, họ cho rằng làm như vậy chỉ khuyến khích một tinh thần dân tộc hẹp hòi và bóp

méo lịch sử. Họ có lý, bởi vì ngay cả cuộc xâm lăng trắng trợn Hàn Quốc và cuộc chiếm đóng cực kỳ dã man sau đó (1915-1945) đã được trình bày như chuyện bình thường. Hàn Quốc và Trung Quốc đã nhiều lần phản đối các sách giáo khoa về sử của Nhật.

Các nhà xã hội học Nhật phân biệt một cách châm biếm hai cách yêu nước của người Nhật : cách yêu nước của thế hệ già là sẵn sàng chết trong chiến tranh dưới lá cờ Nhật và cách yêu nước của tuổi trẻ là vẫy cờ Nhật trong những trận bóng đá quốc tế. Họ thích cách yêu nước của tuổi trẻ hơn.

Kỷ niệm lần thứ 13 Ngày Tự Do Báo Chí Quốc Tế : tôn vinh Nguyễn Đình Huy

Ngày 3-5-2003, Hội Ký Giả Không Biên Giới (Reporters Sans Frontières) tại Pháp phổ biến Báo Cáo Hàng Năm về những vi phạm quyền tự do báo chí trong năm 2002 tại 156 quốc gia và cho lưu hành danh sách 42 quốc gia sát thủ tự do báo chí. Theo đó, tổng số ký giả bị giết và bị bách hại như sau : 25 ký giả bị giết vì chính kiến hoặc đang thi hành nghiệp vụ ; 121 ký giả bị bỏ tù ; gần 400 cơ quan truyền thông bị kiểm duyệt ; 700 ký giả và nhân viên truyền thông bị bắt giữ một cách tùy nghi ; con số những vụ hành hung và đe dọa tính mạng gia tăng gấp đôi so với năm ngoái ; 1.420 ký giả bị đánh đập, tính mạng bị đe dọa, bị bắt cóc, bị kết án hoặc bị sách nhiễu.

Năm 2003 không khá gì hơn , trong bốn tháng đầu năm : 136 ký giả và nhân viên truyền thông đã bị giam giữ vì chính kiến ; 246 người bị đe dọa tính mạng hoặc bị hành hung ; 120 cơ quan truyền thông bị kiểm duyệt ; 17 ký giả đã bị giết. Những nhà tù giam cầm những người làm báo lớn nhất thế giới là Cuba (30 ký giả bị giam giữ), Eritrea (18 người), Myanmar (15 người), Trung Quốc (11 người) và Iran (10 người). Trước ngày công bố nói trên một tuần, 9 ký giả bị chết tại Iraq và 26 ký giả khác bị kết án tù nặng nề tại Cuba.

Tại Việt Nam, nhà báo Nguyễn Đình Huy bị cầm tù từ ngày 17-11-1993 đến nay và bị kết tội "lật đổ chính quyền nhân dân", sau khi bị giam giữ không xét xử 14 năm. Ông là ký giả thời Việt Nam Cộng Hòa và bị cấm hành nghề từ sau ngày 30-4-1975 ; ông là thành viên sáng lập Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ. Năm 1992 ông dự định tổ chức một buổi hội thảo quốc tế công khai tại Sài Gòn về phát triển Việt Nam, nhưng bất thành. Tháng 4-1995, ông bị kết án 15 năm tù. Năm nay ông Huy đã gần 70 tuổi, bị giam tại trại Z30A, tỉnh Đồng Nai. Từ đầu tháng 11-2002, ông Huy được chuyển từ xà-lim sang một cái chòi nhỏ có cửa sổ nhìn ra bên ngoài. Nguyễn Đình Huy đã hiến trọn cuộc đời cho đất nước, ông tham gia tranh đấu cho độc lập dân tộc từ thời thiếu niên trong hàng ngũ đảng Đại Việt và lên dần tới chức phó chủ tịch đảng. Cho tới nay ông đã ở tù 26 năm dưới chế độ cộng sản. Nếu kể cả những năm ở tù dưới các chính quyền độc tài phe quốc gia thì ông đã ở tù gần 30 năm. Dù ủng hộ hay không ủng hộ ông, người ta cũng phải khâm phục một cách sâu xa con

người phi thường này.

Ký giả đối lập Bùi Minh Quốc bị quản thúc tại gia tại thành phố Đà Lạt ngày 12-1-2002 sau khi bị bắt giữ tại trạm xe lửa Thanh Trì, ngoại ô Hà Nội, bốn ngày trước đó. Ông bị công an chất vấn ba ngày liên tục và bị tịch thu hơn 300 tài liệu được xem là "phản động".

Nhà khoa học Hà Sĩ Phu, tên thật là Nguyễn Xuân Tú, đã bị công an quản thúc tại gia tại Đà Lạt từ ngày 8-2-2001 bởi sắc lệnh 31/CP. Trước đó Hà Sĩ Phu bị bắt giam trong hơn một năm về tội tiết lộ "bí mật nhà nước" (một bài viết của ông Võ Văn Kiệt đã được phổ biến rộng rãi).

Biểu tình chống chủ chợ và sứ quán Hà Nội tại Tiệp

Trong ba ngày, từ 13 đến 15-5-2003, hàng ngàn người Việt đang làm ăn buôn bán trong khu chợ Sapa (còn gọi là Trung tâm thương mại Sapa, ul. Libuska 319, 14200 Praha 4, Czech) biểu tình phản đối chủ chợ tăng giá thuê chỗ và tố cáo sứ quán Việt Nam tại Praha đồng lõa với chủ chợ làm tiền những công dân Việt Nam làm ăn buôn bán tại đây. Báo chí, truyền thanh và truyền hình Tiệp cũng đã đến đây làm phóng sự và tường thuật cuộc tranh chấp giữa người Việt và người Việt trên đất Tiệp.

Sapa là chợ đầu mối (bán sỉ) lớn nhất của người Việt Nam tại Cộng Hòa Tiệp. Chợ này có 750 quầy hàng đang hoạt động, số tiền thuê chỗ mỗi tháng lên đến 350.000 USD. Sau khi kết hợp với chợ Bokave đầu năm 2003, ban quản lý chợ Sapa triệu tập các chủ sạp đến văn phòng làm lại hợp đồng theo giá thuê chỗ mới do họ tự ấn định : mỗi quầy phải nộp thêm 200.000 krun Tiệp, khoảng 7.000 USD, một số tiền quá lớn và quá khả năng chịu đựng của các bạn hàng. Các chủ sạp liền bãi công và biểu tình chống đối ; một đại diện của đại sứ quán Hà Nội đến "trấn an và thuyết phục" mọi người nên chấp nhận sự tăng giá thuê chỗ và giải tán, nhưng không thành công. Sau ba ngày bị ban hàng phản đối và báo chí Tiệp làm xấu mặt, ngày 15-5-2003 bốn nhân viên của đại sứ quán Việt Nam đến thông báo cho những người biểu tình biết là sẽ không tăng tiền thuê chỗ mọi chuyện mới êm.

Nhân dịp này, báo *Đàn Chim Việt* cũng được bày bán trở lại. Nhắc lại báo *Đàn Chim Việt* bị nhân viên đại sứ quán làm áp lực lên chủ chợ không cho bày bán trong chợ từ tháng 8-2002, đến ngày 28-4-2003 thì bị cấm hẳn. An ninh của người phát hành báo *Đàn Chim Việt* tại Praha cũng bị đe dọa, vì nhân viên an ninh chợ (còn gọi là "bộ đội") thường xuyên đến tận nhà hăm dọa. Ban biên tập báo *Đàn Chim Việt*, trụ sở đặt Warsaw, thủ đô Ba Lan, đã gửi thư đến chính phủ Tiệp xin can thiệp và sứ quán Việt Nam tại Praha để phản đối.

Sự lộng hành của những nhân viên sứ quán Việt Nam tại Tiệp không dừng lại ở đó. Trước đó, tháng 2-2002, họ cấm báo *Tia Chớp* - một tờ báo thông tin chuyên lấy tin trên mạng internet in lại rồi phổ biến trong cộng đồng người Việt địa phương - được bày bán trong chợ, và thuê du đảng hành hung những người phát hành báo *Tia Chớp*, ban biên tập tờ báo đã phải đình chỉ hoạt động.

Cũng nên biết chức vụ của các nhân viên trong sứ quán Việt Nam tại các quốc gia có đông người Việt định cư trên thế giới đều do đút lót, giá chỗ ngồi tùy theo khả năng mang lại lợi lộc. Ghế trưởng phòng chiếu khán phải từ một triệu USD trở lên. Một khi được bổ nhiệm, những người này phải bằng mọi cách gỡ lại số tiền đã chi ra, thường là thu về gấp đôi. Vụ tăng giá thuê chỗ trong chợ Sapa nằm trong mục đích vừa kể. Sự đê tiện của những người này là họ bóc lột chính những đồng hương của họ tại xứ người.

Quốc hội bù nhìn ?

Ngày 3-5-2003, Quốc Hội khóa 11, kỳ 3, đã được nhóm họp tại Hà Nội và kéo dài đến giữa tháng 6-2003. Nội dung khóa họp này nhằm thông qua những dự luật thông thường về thương mại, xã hội, văn hóa.

Nhân dịp này, nhà báo Bùi Tín gửi một thư ngỏ đến ông Nguyễn Văn An, chủ tịch quốc hội, yêu cầu đưa ra thảo luận hai hiệp định Việt-Trung về biên giới trên đất liền và vịnh Bắc Bộ, đã ký hồi cuối năm 1999 và 2000. Lá thư đã được các đài phát thanh RFI (Pháp), BBC (Anh), VOA và RFA (Hoa Kỳ) đọc về trong nước. Các hãng tin lớn của Pháp, Anh, Úc, Hoa Kỳ cũng đã đưa tin về lá thư này.

Ông Bùi Tín yêu cầu công khai hóa nội dung hai hiệp định biên giới này trước quốc dân vì : "*cử tri và bà con ta ở hải ngoại băn khoăn không yên lòng muốn biết vì sao Hiệp định ký đã gần hai năm rồi mà vẫn chưa được đưa ra quốc hội xem xét và thông qua ?*", "*phải chăng phía Việt Nam đã quá nhượng bộ, để mất hơn 10.000 km lãnh hải so với hiệp định cũ giữa Pháp và nhà Thanh (1885) ?*". Ông Bùi Tín nhắc nhở : "*Một đảng luôn tự nhận là cách mạng, một chính quyền đảng hoàng không thể che giấu mãi nhân dân, che giấu cả quốc hội mà họ lập ra, trả thù những công dân trung thực đòi cho xã hội quyền được biết sự thật về lãnh thổ của Tổ Quốc*".

Chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa

Ngày 16-5-2003, Trung Quốc đơn phương ra lệnh cấm đánh cá trên Biển Đông từ ngày 1-6 đến 1-8-2003 để tập trận. Như mọi lần, Hà Nội chỉ phản đối lấy lệ.

Bà Phan Thúy Thanh, người phát ngôn bộ ngoại giao, nói "*Việt Nam có đầy đủ các bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*" ; "*có đầy đủ chủ quyền trên những vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa đúng quy theo định của công pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước 1982 (Montego Bay) của Liên Hiệp Quốc về Luật biển mà Việt Nam là thành viên*", và "*cảnh cáo bất cứ hoạt động nào trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như trong các vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của Việt Nam của bất kỳ quốc gia nào không được sự chấp thuận của Việt Nam là vi phạm chủ quyền lãnh thổ của nước Việt Nam*". Sợ phật lòng Trung Quốc, bà Phan Thúy Thanh dịu giọng : "*Việt Nam chủ trương giải quyết những bất đồng thông qua thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn*

trọng luật pháp quốc tế..." và đề nghị "*các bên hữu quan cần duy trì ổn định trên cơ sở nguyên trạng, tự kiểm chế, không được có hành động làm phức tạp thêm tình hình*".

Những giọng điệu này, phía Việt Nam đã lặp đi lặp lại hàng chục lần, không lần nào được Trung Quốc chú ý. Chính quyền cộng sản Việt Nam đã gần như bị Trung Quốc coi là chư hầu nên không có quyền phát biểu.

Nhắc lại, sau khi thống lĩnh thổ, năm 1950 Trung Quốc tuyên bố chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tháng 4-1956, hải quân Trung Quốc tiến chiếm nhóm đảo Amphitrite phía đông quần đảo Hoàng Sa, tháng 1-1974 hải quân Trung Quốc tiến chiếm nhóm đảo Crescent phía tây còn lại, toàn bộ quần đảo Hoàng Sa lọt vào tay Trung Quốc, Hà Nội hoàn toàn im lặng. Trên quần đảo Trường Sa, từ không có một hòn đảo nào năm 1949, Trung Quốc hiện nay chiếm giữ hơn 1/6 diện tích quần đảo, phần lớn lấy từ trên tay Việt Nam. Mục tiêu tập trận của Trung Quốc lần này là để răn đe Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á khác không được phản ứng nếu hải quân Trung Quốc chiếm thêm một số địa điểm khác.

Ban lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay không còn nghĩ gì tới quyền lợi của quốc gia nữa. Số tiền mà họ cất làm của riêng (trên 20 tỷ USD) không những dư sức trang bị cho lực lượng hải quân Việt Nam những kỹ thuật biên phòng tân tiến nhất mà còn đủ khả năng đối chọi với Trung Quốc bằng quân sự trên Biển Đông.

Thế giới ủng hộ những người dân chủ Việt Nam

Cuối tháng 5-2003, tổ chức Theo Dõi Nhân Quyền (Human Rights Watch) và Ân Xá Quốc Tế (Amnesty International) mở chiến dịch ủng hộ những người dân chủ Việt Nam đang bị mắc nạn. Hai tổ chức này thông tin trên internet của họ và vận động các chính phủ dân chủ và định chế quốc tế làm áp lực đòi chính quyền Hà Nội trả tự do cho những người dân chủ đang bị bắt giữ trong nước.

Human Rights Watch là một tổ chức được quốc hội Mỹ bảo trợ và làm việc rất sát với bộ ngoại giao nên có ảnh hưởng mạnh trong chính sách của Mỹ. Human Rights Watch có một số nhân viên thường trực, khoảng 250 người, tại trụ sở New York và nhiều phái viên tại khắp nơi.

Amnesty International, là một tổ chức quần chúng, có khoảng 200 nhân viên thường trực tại trụ sở London (Anh Quốc), nhưng có hàng ngàn cộng tác viên khác tại khắp nơi trên thế giới. Amnesty International đặc biệt chọn Lê Chí Quang là tù nhân lương tâm tiêu biểu.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, mà Thông Luận là cơ quan ngôn luận, đã tiếp tay cho cả hai tổ chức Human Rights Watch và Amnesty International trong việc chuẩn bị chiến dịch này.

Tại Úc, ngày 29-5-2003, tổ chức Ân Xá Quốc Tế tại Úc tung ra chiến dịch "Use Your Freedom" (Hãy Sử Dụng Quyền Tự Do Của Bạn), tố cáo những vi phạm nhân quyền của một số chế độ trong vùng Đông Nam Á-Thái Bình Dương và kêu gọi mọi người dùng thư điện tử gửi đến những người lãnh đạo các chế độ độc tài yêu cầu trả tự do

cho những người đang bị tù đầy vì sử dụng internet để trình bày quan điểm của mình, trong đó có Lê Chí Quang. Chiến dịch này được phát động tại quán Global Gossip Internet Café (790 George St, Sydney), sau đó lan ra các chi nhánh khác của Global Gossip Internet Café trong những thành phố lớn khác ở Úc như Brisbane, Melbourne... Một truyền đơn của Ân xá Quốc tế, được phổ biến rộng rãi, có in hình Lê Chí Quang, một luật sư trẻ đang bị chính quyền cộng sản Việt Nam cầm tù, trên trang nhất. Ngang mặt bị che bởi hàng chữ "Bị tù vì bày tỏ quan điểm trên internet". Hình này cũng được Ân xá Quốc tế dán tại nhiều trạm xe bus ở Sydney.

Cộng đồng người Việt tại Úc đã tích cực hưởng ứng chiến dịch vận động này, nhiều người đã vào trang www.amnesty.org.au để ký tên vào kháng thư của Ân xá Quốc tế tại Úc yêu cầu trả tự do cho Lê Chí Quang.

Nhân quyền : Hà Nội đang bị điểm mặt

Trước đợt đàn áp thô bạo những người dân chủ Việt Nam gần đây trong nước, ngày 9-5-2003 nhiều dân biểu và nghị sĩ Mỹ đã phát biểu sự phẫn nộ của mình trong buổi họp mặt Ngày Nhân Quyền Cho Việt Nam, tổ chức tại Văn phòng Thượng viện Quốc hội Hoa Kỳ (Russell Senate Office Building) và yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ có những biện pháp thích nghi.

Trong phần chấm dứt bài phát biểu của mình, nữ nghị sĩ Leslie Byrne nhấn mạnh : "Chúng ta phải thúc đẩy cấm vận nếu không có biện pháp nào có hiệu quả. Chúng ta cần nhân quyền ở Việt Nam ngay bây giờ". Dân biểu Chris Smith, người vừa đệ trình một dự luật về nhân quyền Việt Nam trước quốc hội Mỹ, lên án mạnh mẽ những vi phạm nhân quyền trắng trợn của Hà Nội và yêu cầu mọi người ủng hộ Dự Luật Nhân Quyền Việt Nam H.R. 1587 sắp được mang ra trình lại quốc hội trong thời gian sắp tới, theo đó Hoa Kỳ sẽ ngừng viện trợ cho Việt Nam, trừ viện trợ nhân đạo, nếu Hà Nội tiếp tục vi phạm nhân quyền.

Nhưng điếc không sợ súng, Hà Nội tiếp tục chà đạp nhân quyền và thách đố dư luận. Sau khi kết án nặng nề Lê Chí Quang, Nguyễn Khắc Toàn, Hà Nội đang chuẩn bị xét xử những người cầm đầu hội chống tham nhũng. Hai tài liệu mật được truyền bá trong hội cựu chiến binh và đảng viên vụ khống ba ông Phạm Quế Dương, Trần Khuê và Trần Dũng Tiến nhận tiền và làm gián điệp cho những tổ chức phản động Việt kiều hải ngoại. Tội danh được sử dụng để kết án những người dân chủ đối lập là tội gián điệp, như để tránh né dư luận thế giới lên án Việt Nam vi phạm nhân quyền. Những ngày sắp tới đây, các ông Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Trần Dũng Tiến, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn có thể sẽ bị mang ra xét xử về tội danh này.

Phạm Quế Dương sắp bị đem ra xét xử ?

Tối ngày 14-5-2003, bà Đỗ Thị Cư, vợ ông Phạm Quế Dương, được công an gọi giấy triệu tập đến trụ sở công an

số 7 Nguyễn Đình Chiểu ngày 15-5-2003 để "làm việc". Lý do là vì cách đây ít lâu, bà Đỗ Thị Cư (tức bà Phạm Quế Dương) có đơn kiện công an đã bắt giữ bà vô lý 11 ngày và tịch thu 2001 USD tiền mặt của bà đến nay vẫn chưa giao trả.

Trong buổi "làm việc" ngày 15-5, đối đáp giữa bà với công an rất là gay go. Công an cự nự tại sao đơn kiện lại sao gửi cho bạn bè. Bà Phạm Quế Dương trả lời : "không có điều khoản nào của luật pháp nước Việt Nam cấm gửi đơn kiện cho bạn bè tham khảo". Không bắt bẻ được, công an chuyển sang chuyện bắt giữ bà : "công an thành phố Hồ Chí Minh bắt bà thì bà phải vào đó mà kiện chứ !". Bà Phạm Quế Dương liền trả lời : "tôi không việc gì phải đi đâu cả vì gia đình tôi đang sinh sống tại Hà Nội thuộc lãnh thổ Việt Nam, công an Việt Nam làm sai pháp luật, xâm phạm danh dự công dân của tôi thì tôi có quyền phát đơn kiện". Khi bà Dương lên tiếng đòi trả lại gia đình bà 2001 USD, công an lúng túng trả lời "cái đó còn phải xin ý kiến cấp trên". Cuộc thẩm vấn như vậy kéo dài trong hai ngày 15 và 16-5-2003, nhưng không đi đến kết quả cụ thể gì. Cuối cùng công an cho bà Phạm Quế Dương biết là có thể chồng bà sẽ bị đưa ra tòa xét xử trong tháng 6 này.

Đình hoãn phiên tòa xử ba người cháu linh mục Nguyễn Văn Lý

Phiên tòa xử ba người cháu linh mục Nguyễn Văn Lý ngày 30-5-2003 lại đình hoãn. Đây là lần hoãn lần thứ hai. Chưa có ngày nào được quyết định cho vụ án này.

Lý do chính thức là vì gia đình các bị cáo từ chối luật sư do nhà nước chỉ định và chỉ chấp nhận hai luật sư do họ chọn là các ông Nguyễn Hồng Quang và Trương Tri Hiền, trong khi tòa lại không chấp nhận để hai luật sư này bào chữa.

Lý do thực sự của việc đình hoãn này là Hà Nội rất lúng túng không biết phải xử như thế nào vì một dự luật về nhân quyền đang được quốc hội Mỹ nghiên cứu để biểu quyết, trong đó vấn đề tự do tôn giáo là nòng cốt. Nếu đạo luật này được thông qua thì Hà Nội sẽ gặp khó khăn lớn trong hợp tác kinh tế với Hoa Kỳ. Chính vì thế Hà Nội đã có những hành động mơn trớn như tổ chức cuộc gặp gỡ giữa thủ tướng Phan Văn Khải với hòa thượng Huyền Quang, mà trước đây họ chỉ gọi một cách xác xược là Lê Đình Nhân.

Một lý do khác khiến Hà Nội lúng túng là ba người cháu của linh mục Nguyễn Văn Lý hoàn toàn vô tội. Bà Nguyễn Thị Hoa, ông Nguyễn Trực Cường và ông Nguyễn Vũ Việt là chị em ruột và đều là cháu gọi linh mục Nguyễn Văn Lý là chú ruột. Họ không làm bất cứ điều gì sai trái, họ chỉ thông tin cho thân hữu về sức khỏe của linh mục Lý, những điều họ cho biết đều là những sự kiện mà chính quyền Việt Nam cũng nhìn nhận không hề mang một bí mật nào và cũng không có tính chính trị nào cả. Trong khi đó họ bị cáo buộc tội gián điệp. Những bản án lỗi mẫm như vậy chỉ phơi bày bản chất tồi tệ của chế độ chứ không có bất cứ một tác dụng nào khác.

ĐẠO "HỒ"... BAO NÀ ?

Tháng 5 dương lịch vừa qua, ở quốc nội có những "sự cố" quan trọng mà hình như ở hải ngoại ít có ai lưu tâm, mặc dù tất cả báo, đài nhà nước xa xả thông tin, bình luận. Người viết vốn có lòng khâm phục chế độ "ta" (thực mà) thấy cần đóng góp ít lời quảng bá, ngõ hầu bà con cô bác thấu hiểu định hướng tiến mau tiến mạnh lên xã hội chủ nghĩa cùng những nỗ lực không ngừng của "lãnh đạo" theo chính sách đã vạch.

Thế này nhé. Khi đổi mới, đảng đã bỏ bước nhảy vọt kiểu Mao, thay thế bằng bước quá độ xây dựng cơ sở tư bản trước đã (tư bản đỏ, khác với tư bản nâu - tài phiệt - hay tư bản đen - mafia. Duy khác chỗ nào thì rất tiếc người viết chưa được giác ngộ ! Xin nán đợi hồi sau - khi cấp thẩm quyền chịu ban lời vàng ngọc - sẽ lâm thời bổ túc). Cùng với sự hình thành hệ thống kinh doanh xã nghĩa (có chủ đích "đầu tiên" đặc thù, phát triển rất tinh vi, chiếu cố đến tận hang cùng ngõ hẻm), đảng ta chu đáo phòng chống lời chỉ trích vô tín ngưỡng thời Xô-Việt bằng sự xây dựng (kín đáo lúc khởi thủy) một nền quốc giáo, nôm na là "Đạo Hồ". Cho dù bí mật bấy giờ có bật mí thì sự đã rồi (bọn phá hoại hết cơ hội đánh phá). Ta đã có đủ lệ bộ vững vàng : có giáo chủ (Ông Đạo) Hồ Chí Minh ; giáo lý là "tư tưởng" (thực có mà, xin thể !) của Người (N duy nhất viết hoa) ; giáo phẩm ở trung ương sẵn Bộ Chính trị và Ban Bí thư, ở địa phương có tỉnh ủy. Tổ đình ở khu Ba Đình (Hà nội) chia ra hai bộ phận : ngôi lẫm đồ sộ có xác ướp giáo chủ nơi hành hương, và khu dinh thự kiêm văn phòng của hàng giáo phẩm lãnh đạo nơi cầm giềng mối (hai tay song song, một bên đạo Hồ, một bên nhà nước, như xe song mã phom phom trên đường gập ghềnh xa...).

Sinh hoạt quốc giáo trong tháng 5 có gì đặc biệt ? Vốn là đảng viên định chọn ngày 19 tháng 5 - và năm 1890 - là sinh nhật Hồ Chí Minh (bút tích của đương sự hai, ba phen kê lý lịch là man khai cả đấy, để bọn đế quốc không biết đường lần). Kỷ niệm thứ 113 (cách đếm nhất trí) cử hành trọng thể khắp nơi, dĩ nhiên.

Điểm cao ở địa phương là lễ khánh thành tượng đài Người ở Hà Tĩnh ; vinh dự dành riêng cho quê nội Ông Đạo. Cùng dịp tại đó có lễ khánh thành đài kỷ niệm Nguyễn Sinh Sắc, bố giáo chủ, khi làm quan tích cực chống Pháp thực dân bằng gậy gộc (nhất quyết không phải say rượu lỡ tay đánh chết thuộc dân) mà bị cách chức. Người viết phải bênh vực cho đảng, bị đồn thổi ngay là bậy bạ, hết phong thánh con lại phong thần bố. Chỉ vì sách trời đã định mà thôi : Sắc trên Cung - tên hồi để chỏm của giáo chủ - là Cúng, làm sao chối cãi đây ? Có bố thế mới có con thế chứ ? Tôn vinh là đúng.

Tại trung ương, Nông tổng bí thư đôn đáo thuyết giảng tư tưởng - đạo - ở quốc hội (gương mẫu chưa, dân biểu - hàng giáo phẩm cao - mà vẫn trau dồi quốc giáo), rồi ở Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Giáo lý đạo Hồ bao la bát ngát không thể tóm lược trong một Sách Đỏ (Red book), Nông tổng dành trích dẫn từ bộ Hồ Chí Minh toàn tập (12 cuốn, cả chục ngàn trang), và văn kiện đại hội IX, với hội nghị V ban chấp hành trung ương khóa IX (khai triển hiện đại nhất về đạo Hồ). Không ai có tư cách bằng Nông tổng để rao giảng đạo : ông đã thấm nhuần giáo pháp từ thời trứng

Mục lục

1. Trật tự Hoa Kỳ ?
Thông Luận
2. Hai mặt trận của một cuộc đấu tranh
Nguyễn Gia Kiểng
4. Hành trình ngược chiều
Bùi Tín
5. Thư độc giả - Đính chính
6. Chính quyền cộng sản đối xử thô bỉ với Phạm Quế Dương
7. Một việc làm cực kỳ ác độc !
Cao Hồng Lĩnh
9. Phản ứng nhanh !
Bùi Tín
10. Hai tài liệu nói lên sự phản bội của ban lãnh đạo cộng sản
13. Nhớ
Irina Zisman
15. Thơ : Quê hương
Sông Lo
16. Tự do, tốc độ và Nguyễn Khắc Toàn
K' Tiên
18. Trường hợp Hoa Kỳ, Xứ Đảng Trong và Việt Nam xã hội chủ nghĩa
Tôn Thất Thiện
21. Nên xét lại ?
Phạm Việt Vinh
23. Bùng lên trước khi tàn lụi
Nguyễn Văn Huy
27. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Đạo "Hồ"... bao nà ?
Nghiêm Văn Thạch

nước (qua bà mẹ, đảng viên kỳ cựu, cộng tác viên tận tụy của Hồ giáo chủ từ 1940-1941) và đã leo đến mức lãnh đạo cao cấp nhất vì khả năng thiên phú ấy (dù người viết cố sưu tra mà không thấy thành tích gì nổi trội của ông trong guồng máy nhà nước khi trước đối với quốc dân, nên đó là giải thích hữu lý hơn cả). Đạo Hồ rao giảng từ 1951 (theo Nông tổng) nhưng còn chưa được phân định là "tư tưởng" cột trụ tức là "đạo" (pha trộn trong lời triển khai áp dụng chủ nghĩa Mác của Sít, của Mao - chú thích của người viết). Hơn nửa thế kỷ truyền bá, với nỗ lực tập trung từ 1991 mà "màu Hồ" thấm đượm chưa đúng mức đảng mong đợi, lại có vẻ lạt lẽo phai nhạt dưới mắt quốc dân. Rất may có Nông tổng xuất hiện kịp thời:

Màu Hồ tráng thuở ban sơ

Tổng Nông chiêu tập, như vừa... véc-ni (verni) !

Dưới ánh sáng đạo Hồ qua các dữ kiện trình bày ở trên, chúng ta mới có thể hiểu không sai trật câu trả lời hòa thượng Huyền Quang (thỉnh cầu cho Giáo hội Phật giáo khôi phục vị trí) của thủ tướng Phan Văn Khải : "Một đạo là đủ" (nguyên văn). Đạo của thủ tướng hiển nhiên là đạo Hồ, ở trên và bao trùm những chi phái quốc doanh Phật, Thiên chúa, Cao đài, Hòa hảo và linh tinh thờ cúng - lên đồng, v.v. Ngắn gọn và minh bạch ; miệng nhà quan có khác.

Với lòng kính ngưỡng (thực mà, xin thể) ; người viết cầu chúc Nông tổng những thành quả rực rỡ, khiến đạo Hồ trường trị, thống nhất giang hồ, sánh tày đạo Saddam (mồ ma) ở I-rắc, đạo Kim ở Bắc Hàn.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)